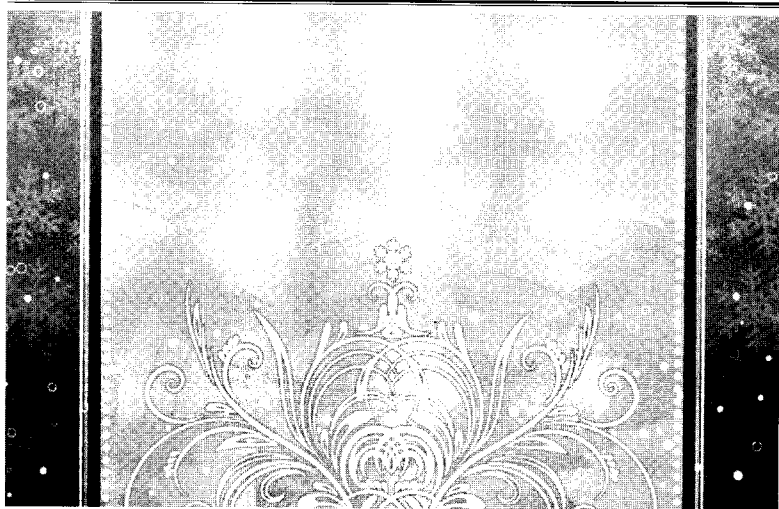




LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 72



Phẩm Thứ Năm Mười Tư



Đại Như

KINH:

Lúc bấy giờ, chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đem hương chiên đàn và hoa sen tán giữa hư không để cúng dường Phật, đồng đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật thật là thâm thâm, vi diệu, khó thấy, khó giải, chẳng thể tư duy trừ lượng được.

Nếu dùng trí thế gian thì chẳng thể nào tín giải được. Vì sao? Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật giải rõ rằng: “Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí”. Lại giải rõ rằng: “sắc như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay chư thiên tử! Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác.

Này chư thiên tử! Bởi nghĩa ấy, nên khi Phật vừa thành đạo đã giữ yên lặng, chẳng muốn chuyển pháp

luân. Vì sao? Vì rằng Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thâm thâm vi diệu, chẳng thể biết, chẳng thể thấy, chẳng thể tư duy trừ lượng được. Chỉ có những bậc thượng trí mới có thể biết được, nên người dùng trí thế gian chẳng sao có thể tin giải được.

Vì sao? Vì Vô Thượng Bồ Đề là chẳng có người đắc, chẳng có chỗ đắc, chẳng có thời đắc, là thậm thâm pháp cũng là bất nhị pháp vậy.

Này chư thiên tử! Vì hư không thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì pháp như thậm thâm nên pháp này thậm thâm, vì pháp tánh thậm thâm, bất khả tư nghì tánh thậm thâm, vô biên thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì vô khú thậm thâm, vô lai thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì vô sanh thậm thâm, vô diệt thậm thâm, vô tri thậm thâm, vô đắc thậm thâm, nên pháp này thậm thâm.

Này chư thiên tử! Vì ngã thậm thâm... dẫn đến tri giả thậm thâm, kiến giả thậm thâm nên pháp này thậm thâm.

Này chư thiên tử! Vì sắc thậm thâm... dẫn đến thậm thức thậm thâm, Đàn Ba-la-mật thậm thâm... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, nội không thậm thâm... dẫn đến vô pháp hữu pháp không thậm thâm, 4 niệm xứ thậm thâm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên pháp này thậm thâm.

Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp này quá thậm thâm. Ở trong thế gian chẳng ai có thể tin giải được.

Bạch Thế Tôn! Pháp này thậm thâm vì chẳng thủ cũng chẳng xả sắc... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả Nhất thiết chủng trí.

Ở thế gian, hàng phàm phu hành sắc vì chấp sắc là ngã, là ngã sở... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí vì chấp Nhất thiết chủng trí là ngã, là ngã sở.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Đây chư thiên tử! Pháp thậm thâm này chẳng phải vì thủ hay vì xả sắc, mà được thuyết ra... dẫn đến chẳng phải vì thủ hay vì xả Nhất thiết chủng trí, mà được thuyết ra.

Này chư thiên tử! Nếu có Bồ tát nào vì thọ sắc... dẫn đến vì thọ Nhất thiết chủng trí mà tu hành, thì phải biết Bồ tát ấy chẳng thể nào thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thành tựu được 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thậm thâm pháp này tùy thuận hết thảy các pháp, và vô ngại đối với hết thảy các pháp.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp này là “vô ngại tướng”, vì đồng như hư không, đồng như pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh. Lại nữa, cũng vì đồng như hư không nên pháp này là “vô tướng tướng”, là “vô tác tướng”.

Pháp này cũng là “vô sanh tướng”, vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng sanh. Pháp này cũng “vô xứ tướng”, vì xứ sở của sắc... dẫn đến xứ sở của Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc.

Lúc bấy giờ, chư thiên bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Vì sao? Vì những điều ngài Tu Bồ Đề nói ra đều hợp với tánh “không”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi chư thiên : Thừa chư vị thiên tử! Các ngài nói Tu Bồ Đề là Phật tử, là tùy Phật sanh chẳng?

* Thế nào gọi là tùy Phật sanh?

Do các pháp đều “như tướng”, nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Vì sao? Vì “Như Lai như tướng” là chẳng có đến, chẳng có đi, “Tu Bồ Đề như tướng” cũng là chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Tu Bồ Đề từ trước đến nay đều tùy Phật sanh. Vì sao? Vì Như Lai như tướng tức là hết thấy pháp như tướng, hết thấy pháp như tướng tức là Như Lai như tướng. Trong “như tướng” cũng chẳng có tướng “như tướng”, nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai là “thường trú tướng”, Tu Bồ Đề cũng là “thường trú tướng”, Như Lai như tướng chẳng riêng khác, Tu Bồ Đề như tướng cũng chẳng riêng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Như Lai như tướng là vô ngại tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô ngại tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Như Lai như tướng là vô tác tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô tác tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng là vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng chẳng xả ly hết thấy pháp như tướng, nên chẳng phải như mà là nhất như. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh mà cũng chẳng có chỗ tùy.

Như Lai như tướng chẳng có quá khứ, hiện tại và vị

lai, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng có quá khứ, hiện tại và vị lai. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng chẳng ở trong quá khứ như, quá khứ như cũng chẳng ở trong Như Lai như, Như Lai như tướng chẳng ở trong hiện tại như, hiện tại như cũng chẳng ở trong Như Lai như, Như Lai như tướng chẳng ở trong vị lai như, vị lai như cũng chẳng ở trong Như Lai như. Như Lai như cùng với quá khứ như, hiện tại như và vị lai như là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Sắc như... dẫn đến thức như, ngã như... dẫn đến tri giả như, kiến giả như, Đản Ba-la-mật như... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như, nội không như... dẫn đến vô pháp hữu pháp không như, 4 niệm xứ như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Bồ tát Ma-ha-tát, do được “như”, nên được gọi là Như Lai.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề thuyết về nghĩa “như tướng” xong, thì khắp cõi đại thiên thế giới đều dậy lên 6 điệu chấn động.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm rồi. Vì sao nay còn tán thán nữa?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, khó tin, khó giải. Bởi vậy nên phải tùy theo căn trí của chúng sanh mà thuyết giảng có cạn, có sâu, khiến mọi người đều được lợi lạc.

Ví như nói “Hết thấy pháp đều là tánh không” là nói cạn, nói “Thế gian pháp tức là Phật pháp, là Niết bàn pháp” là nói sâu v.v...

Ví như dòng sông có khúc cạn, khúc sâu. Cũng như vậy, thuyết về Bát nhã Ba-la-mật có lúc phải nói cạn, có lúc phải nói sâu. Dù nói cạn hay nói sâu thì người nghe pháp vẫn có thể sanh tín tâm. Thế nhưng nếu chưa có đầy đủ trí huệ, thì cũng vẫn chẳng có thể lãnh hội được chỗ thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được.

Hỏi: *Nếu hàng chư thiên tán thán Bát nhã Ba-la-mật là thâm thâm, mà người thế gian vẫn chưa có thể lãnh hội được, thì nói ra làm gì?*

Đáp: Người thế gian nghe tán thán danh tự Bát nhã Ba-la-mật đã có thể tin được, nhưng đó chỉ mới là “sơ tín”. Nếu nghe xong mà dùng trí huệ để phân biệt rồi mới tin, thì đó mới là “chánh tín”.

Bởi vậy nên khi nghe nói về vi diệu, tịch diệt pháp, thì chỉ có người trí mới có thể tin giải mà thôi.

Hỏi: *Vì sao nghe nói về vi diệu, tịch diệt pháp, mà người trí có thể tin giải được?*

Đáp: Phật là đấng Chánh Biến Tri. Người thế gian chẳng sao có thể suy lường được chỗ hành xử của Phật. Người đã chứng được tịch diệt trí rồi cũng chỉ biết được có một phần ít mà thôi.

Ví như người đắc quả Tu-đà-hoàn, vì chỉ mới đoạn được 3 phần kiết sử, nên chỉ biết được một phần ít về Vô Thượng Bồ Đề. Cứ như vậy nếu hành giả tiến tu cho đến khi đắc quả A-la-hán, đoạn được 10 phần kiết sử, thì sẽ biết được rõ hơn về Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói người trí khi đã chứng được tịch diệt trí thì đã có thể tín giải được một phần về Nhất thiết chủng trí, về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Người thế gian thường chỉ chấp danh tự, chấp tướng, nên chẳng có thể tín giải được, mà nếu tin thì cũng chỉ mới là “so tín” thôi.

-o0o-

Lại nữa, khi nói về “danh tự Bát nhã Ba-la-mật”, đối với hàng tân học Bồ tát thì đó là “Bát nhã Ba-la-mật”, thế nhưng đối với chư Phật và chư đại Bồ tát, thì đó chính là “Vô Thượng Bồ Đề”.

Bởi nhân duyên vậy, nên hàng chư thiên đã tán thán: Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật thâm vi diệu. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật giải rõ rằng: Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như tướng, cùng với Bát Nhã La Mật như tướng là nhất như, là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Lời tán thán của chư thiên đã được Phật ẩn chứng.

-o0o-

Lại nữa, hàng phàm phu do vì chấp danh, chấp tướng, nên mới khởi phân biệt các pháp có tướng sai khác. Ví như do so sánh cung điện nguy nga với nhà tranh mục nát, mà nảy sanh ý niệm về sang hèn, giàu nghèo, như do so sánh hương chiên đàn với mùi gỗ tạp mà nảy sanh ý niệm về tốt xấu v.v...

Thế nhưng, khi đã nhận rõ được thật tướng của các pháp rồi, thì sẽ thấy rõ hết thảy pháp đều là như tướng, là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Khi mới thành đạo, Phật chưa vội chuyên pháp luân. Vì sao? Vì Phật biết rõ hàng phàm phu khó tin, khó ngộ được thật tướng pháp, chẳng sao có thể hiểu được rằng hết thảy pháp đều là nhất như, là như hư không, là như pháp tánh, là chẳng phải hai chẳng phải khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thảy người ở thế gian chẳng có thể tin được, vì thậm thâm pháp này chẳng thủ hết thảy pháp, cũng chẳng xả hết thảy pháp.

Phật dạy: Bồ tát nào vì thọ sắc... dẫn đến vì thọ Nhất thiết chủng trí mà tu hành, thì chẳng sao thành tựu được các công đức, chẳng sao thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng sao thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật tùy thuận hết thảy pháp và vô ngại đối với hết thảy pháp. Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại tướng, nên là đồng như hư không.

Ví như bức tường trước khi được xây, thì ở tại vị trí đó vốn là hư không. Khi bức tường đã được xây lên rồi, người ta có thể dùng đinh để đóng vào, tre nít yếu sức chỉ đóng vào được chút ít, còn người lớn mạnh khỏe có thể đóng lún cả cây đinh vào tường. Cũng như vậy, hết thảy các pháp đều là tự tướng không, mà người ít trí huệ chẳng có thể biết được như vậy. Trái lại, người có đại trí huệ biết rõ hết thảy các pháp, ở nơi thật tướng đều là bình đẳng, là vô tướng, là vô ngại, là như hư không, biết rõ hết thảy pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì

nếu các pháp là khả đắc (có thể được) thì chẳng phải là rốt ráo không, chẳng phải là vô ngại, chẳng phải là vô trú xứ vậy.

-o0o-

Lúc bấy giờ chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Vì sao? Vì những điều ngài Tu Bồ Đề nói ra đều hợp với tánh “không”.

Nên biết “sanh” có ba nghĩa. Đó là:

- Tùy thuận sanh.
- Tùy thuận thắng sanh.
- Bất tùy thuận sanh.

Người thế gian, khi sanh con mong được tùy thuận sanh, và tùy thuận thắng sanh, nghĩa là mong con mình về sau sẽ hơn cha mẹ, cho đó là nhà có phước.

Ở trong Phật đạo chỉ có tùy thuận sanh. Vì sao? Vì Phật là bậc có trí huệ thù thắng nhất, chẳng có chúng sanh nào sánh kịp. Ở đây, cũng nên biết trong kinh có nói đến “từ miệng Phật sanh”, và “từ pháp sanh”. Đây là nói về các vị đã chứng được 4 quả Thanh Văn, hoặc đã vào Bồ Tát vị.

Bích Chi Phật tuy cũng từ pháp Phật sanh, nhưng khi ra đời chẳng gặp Phật, chỉ tự nghiệm pháp mà được đạo. Bởi vậy nên chẳng được gọi là “từ miệng Phật sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề đã được lậu tận, lại khi ra đời được gặp Phật, nghe Phật thuyết pháp và bản thân cũng thường thuyết pháp “không”, nên được gọi là “tùy Phật sanh”.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói Bồ tát vào chánh vị là tùy Phật sanh?*

Đáp: Có thuyết nói Bồ tát do còn lưu hoặc để độ sanh, nên dù chưa lậu tận mà đã vào Vô Dư Niết bàn. Trái lại, A-la-hán đã được lậu tận rồi nhưng do còn chấp pháp nên chỉ vào Hữu Dư Niết bàn, để tiến nhập vô Dư Niết bàn.

Bởi vậy nên nói Bồ tát dù đã có đại trí huệ, đã vào pháp vị nhưng do còn lưu hoặc để độ sanh, còn qua lại trong sanh tử nên chẳng được gọi là “tùy Phật sanh”.

Lại có thuyết nói rằng, có hai trường hợp thuyết kinh *Bát Nhã Ba La Mật*.

Đó là:

- Thuyết riêng cho hàng đại Bồ tát Đại thừa.

- Thuyết chung cho cả hai thừa, Bồ tát thừa và Thanh Văn thừa. Chỉ có hàng đại Bồ tát chẳng còn do nghiệp sanh mà chỉ do ứng hóa sanh, vì đã vượt ra ngoài 3 cõi, đã đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mới được gọi là “tùy Phật sanh”. Các bậc “Pháp tánh sanh thân Bồ tát” này dù vẫn còn trú trong thế gian, mà vẫn chẳng dụng tâm trú.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề là “Pháp tánh sanh thân Bồ tát” thị hiện làm Thanh Văn, nên là “tùy Phật sanh”. Ngài có đại huệ lực, thường thuyết thâm thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên là “tùy Phật sanh”. Nếu ngài thủ chấp Niết bàn, thì chẳng thể được gọi là “tùy Phật sanh” được.

Thế nhưng khi chư thiên tán thán rằng “Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, là tùy Phật sanh, vì những điều ngài nói ra đều hợp với tánh không”, thì ngài Tu Bồ Đề chẳng thọ lời tán thán ấy mà giải thích rằng:

- Như Lai là như tướng, chẳng có đến, chẳng có đi, Tu Bồ Đề cũng là như tướng, chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai là như tướng, là rốt ráo không, hết thấy pháp cũng đều là như tướng, là rốt ráo không. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng là vô ngại tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô ngại tướng. Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng là vô tác tướng, vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, là như hư không tướng, hết thấy pháp như tướng cũng đều là như vậy, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng xả ly hết thấy pháp như tướng nên chẳng phải như mà là nhất như. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng ức tướng phân biệt ba cõi, ba thời, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng phân biệt ba cõi, ba thời. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng ở trong ba cõi, ba thời, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng ở trong ba cõi, ba thời. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì Như Lai là rốt ráo không, quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là rốt ráo không, nên Như Lai chẳng trú trong ba thời, ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Lại nữa, Như Lai là vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt, là vô lượng, vô biên, ba thời cũng đều là như vậy, nên Như Lai

chẳng trú trong ba thời.

Dẫn đến mười phương ba cõi cũng là như vậy.

- Sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, là chẳng hai, chẳng khác.

Vì sao? Vì hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cùng với Như Lai đều do duyên hòa hợp mà giả danh có, đều là bất khả đắc, đều là rốt ráo không, là như pháp tánh thật tế cả. Sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, là chẳng hai, chẳng khác. Phạm phu chấp tướng các pháp nên thấy có các pháp sai biệt, chẳng biết rằng hết thấy pháp đều bình đẳng, chẳng có phân biệt, chư Thánh Hiền vào trong “bất nhị pháp môn” rồi, nên thấy các pháp đều bình đẳng, đều là nhất như, là chẳng hai, là chẳng khác vậy.

-o0o-

Phật từ nơi thật tánh, “như” mà đến, nên được gọi là đấng Như Lai.

-o0o-

KINH:

Chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đem hương chiên đàn tán giữa hư không để cúng dường Phật và ngài Tu Bồ Đề, rồi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Ngài Tu Bồ Đề y nơi Như Lai như mà tùy Phật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề lại vì chư thiên nói về nghĩa “Pháp như”.

Ngài nói: Thừa chư vị thiên tử! Tu Bồ Đề chẳng từ

trong sắc, chẳng ly sắc, chẳng từ trong sắc như, chẳng ly sắc như mà tùy Phật sanh... dẫn đến chẳng từ trong Nhất thiết chủng trí, chẳng ly Nhất thiết chủng trí, chẳng từ trong Nhất thiết chủng trí như, chẳng ly Nhất thiết chủng trí như mà tùy Phật sanh.

Tu Bồ Đề chẳng từ trong vô vi, chẳng ly vô vi, chẳng từ trong vô vi như, chẳng ly vô vi như mà tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, nên là chẳng tùy người, chẳng tùy pháp.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là pháp trú, pháp vị, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong “Pháp như” thì sắc bất khả đắc, sắc như bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí như bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc, huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Xá Lợi Phất! “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là pháp trú, pháp vị, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong đó, sắc bất khả đắc, sắc như bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí như bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc, huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Khi ngài Xá Lợi Phất vừa thuyết xong về nghĩa “Pháp như tướng” này, thì trong chúng hội liền có 200 vị Tỷ-kheo chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận A-la-hán. Có 500 vị Tỷ-kheo ni được viễn ly trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, có 5.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp

nhẫn, lại có 6.000 vị Bồ tát chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận, tâm được giải thoát thành A-la-hán.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Số 6.000 vị Bồ tát thành A-la-hán trên đây, ở đời trước đã gặp 500 đức Phật, đã thân cận, cung kính, cúng dường các đức Phật ấy, đã thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Thế nhưng những Bồ tát này do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên nghĩ rằng: “Đây là bố thí, đây là trì giới, đây là nhẫn nhục, đây là tinh tấn, đây là thiền định, đây là trí huệ”.

Do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng vào được “Vô Nhị Tướng”, chẳng vào được Bồ tát vị, mà chỉ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát nào khi thật hành Bồ tát đạo mà xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có được lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi thật tế mà lại tác chứng các quả vị Thanh Văn.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên gì mà cùng tu hành các pháp “Không, vô tướng và vô tác”, lại có người chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải lạc về Thanh Văn địa, có người có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát nào tu “Không, vô tướng và vô tác” mà xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên phải bị lạc về Thanh Văn địa. Còn Bồ tát nào tu “Không, vô tướng và vô tác” mà thường chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật thì có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Do được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát này

chẳng lạc về Thanh Văn địa, vào được Bồ tát vị... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phát! Ví như có con chim có thân lớn cả hàng trăm do tuần, mà chẳng có đôi cánh, rơi từ cõi trời Đao Lợi xuống tận cõi Diêm Phù Đề. Ý ông nghĩ sao? Khi đang trên đường rơi, con chim ấy muốn trở về cõi trời Đao Lợi thì như vậy có thể được chăng?

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Con chim ấy muốn khi rơi xuống cõi Diêm Phù Đề vẫn giữ được thân hình nguyên vẹn, muốn chẳng bị đau đớn. Ý ông nghĩ sao? Con chim ấy muốn như vậy có được chăng?

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy. Con chim ấy rơi từ trên cao xuống, ắt phải chịu đau đớn rất nhiều... dẫn đến phải chết. Vì sao? Vì chim có thân hình quá lớn, quá nặng, mà lại chẳng có đôi cánh vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Bồ tát cũng là như vậy. Dù đã trải qua vô lượng kiếp tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, dù đã phát đại tâm, đã hành đại sự để cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhưng nếu Bồ tát xa rời lục phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng vẫn bị lạc về Thanh Văn địa hoặc Bích Chi Phật địa.

Này Xá Lợi Phát! Có Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, tưởng niệm các công đức thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật, mà thủ chấp tướng thọ trì, cũng như nghe các danh tự “Không, vô tướng, vô tác” mà thủ chấp các danh tự ấy để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết vị Bồ tát ấy chẳng có thể

vượt qua Thanh Văn và Bích Chi Phật địa được. Vì sao? Vì Bồ tát ấy do xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, mà thủ chấp các tướng thiện căn để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát từ sơ phát tâm đến nay, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, chẳng xa rời “Tát Bà Nhã đại bi tâm”, lại có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng thủ chấp tướng thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật, chẳng thủ chấp các danh tự “không, vô tướng, vô tác”. Phải biết vị Bồ tát ấy chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà thẳng tiến đến Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát ấy từ sơ phát tâm đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng chấp tướng, chẳng chấp tướng thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Như vậy gọi là Bồ tát có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dùng tâm ly tướng mà tu hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến dùng tâm ly tướng mà tu hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã rõ về nghĩa Phật dạy. Nếu có Bồ tát nào trọn chẳng rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã gần đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát ấy, từ sơ phát tâm đến nay, thấu rõ là chẳng có pháp biết được (khả tri), dù pháp đó là sắc, là thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ tát đạo mà xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chưa quyết định sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ

ấy hành bố thí mà thủ chấp tướng... dẫn đến hành trí huệ mà thủ chấp tướng. Bởi vậy nên chẳng quyết định sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải chẳng nên xa rời lục phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, lại phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

LUẬN:

Khi tán hương chiêm đàn giữa hư không để cúng dường Phật và ngài Tu Bồ Đề, và tán thán ngài Tu Bồ Đề “y nơi Như Lai như mà tùy Phật sanh”, chư thiên đã nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề có đại trí huệ, nên những lời ngài nói ra đều là như lời Phật, ngài đúng là tùy Phật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chư thiên chưa thật hiểu rõ về thâm nghĩa của “Pháp Như”. Ngài muốn đoạn các nghi chấp đó, nên nói với chư thiên rằng: “Như” là rốt ráo không. Rồi ngài giải thích thêm:

- Tu Bồ Đề chẳng phải từ trong sắc... dẫn đến chẳng phải từ trong Nhất thiết chủng trí mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải ly sắc... dẫn đến chẳng phải ly Nhất thiết chủng trí, mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải từ trong sắc như... dẫn đến chẳng phải từ trong Nhất thiết chủng trí như, mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải ly sắc như... dẫn đến chẳng phải ly Nhất thiết chủng trí như, mà tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, nên là chẳng tùy người, chẳng tùy pháp.

-o0o-

Ngài Xá Lợi bạch Phật rằng: “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong “pháp như” thì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng bất khả đắc huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Hỏi: *Sắc pháp và sắc pháp như khác nhau như thế nào?*

Đáp: Sắc pháp là pháp thấy được. Sắc pháp như chỉ là “danh tự pháp”, nhưng đó là thật pháp, chẳng hư dối. Phàm phu mê muội, chẳng hiểu rõ “sắc pháp như” nên mới khởi ra các bất thiện nghiệp, khiến phải bị đọa vào 3 đường ác. Nếu khởi được các thiện nghiệp, thì cũng chỉ hưởng được phước báo cõi trời và cõi người.

-o0o-

Hành giả muốn được vô lậu nghiệp, thì phải hướng về Đại thừa pháp mới có được đại lợi ích. Nếu chỉ trú nơi Thanh Văn pháp thì chẳng có thể được rốt ráo thanh tịnh, chẳng vào được nơi “Như tướng pháp”, phàm phu điên đảo, vọng chấp các sắc pháp hữu vi, mà chẳng biết rằng hết thấy pháp, ở nơi thật tướng đều là “như”.

Nếu biết rõ được rằng hết thấy sắc pháp đều là “như” thì mới vào được nơi thật tướng pháp, mới có thể biết rõ hết thấy pháp đều là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề khiêm tốn nói rằng: Chẳng

phải chỉ riêng mình tôi là tùy Phật sanh, mà hết thấy pháp cũng đều là như vậy cả. Ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề đã khai thị về nghĩa của “pháp như tướng”, khiến chúng hội được lợi ích.

Hỏi: *Đây là hội thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao lại nói có 6.000 vị Bồ tát được quả A-la-hán?*

Đáp: Phật biết rõ sẽ có người vấn nạn về điểm này, nên đã vì chúng hội mà nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Những người này, do chẳng tu lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên bị lạc về Thanh Văn địa. Lại nữa, vì họ xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thủ chấp các thiện pháp nên khi nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, tự biết mình chưa có được tâm từ bi rộng lớn. Do vậy mà họ nhàm chán thế gian, mong cầu tự lợi, chẳng thọ hết thấy pháp, khiến ở nơi thật tế mà tác chứng quả Thanh Văn, được quả A-la-hán vậy.

Hỏi: *Trong kinh nói rằng “6.000 vị Bồ tát này do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên dù tu tập các pháp Ba-la-mật cũng chẳng vào được vô nhị tướng, mà chỉ chứng được quả A-la-hán.”*

Như vậy, nếu các vị Bồ tát này được vô vi pháp, thì có vào được Bồ tát vị chăng?

Đáp: Các vị Bồ tát này ở đời quá khứ đã tu tập các Ba-la-mật công đức, nhưng còn thủ chấp nên chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, chẳng vào được Bồ tát vị. Nay nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù vào được vô vi pháp nhưng do chưa phát đại bi tâm làm lợi ích cho chúng sanh nên ở nơi thật tế mà chỉ tác chứng quả vị Thanh Văn.

Hỏi: *Vì sao cùng tu hành các pháp “Không, vô tướng, vô*

tác” mà có người đến được Vô Thượng Bồ Đề, có người lại chỉ chứng được quả vị Thanh Văn?

Đáp: Hạng người thứ hai nêu trên đây, vì ly Tát Bà Nhã đại bi tâm, vì chẳng có phát đại nguyện làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh, nên dù có tu tập “Không, vô tướng, vô tác”, cũng chẳng thể nào đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tu như vậy là chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như con chim to lớn mà chẳng có đôi cánh, rơi từ trên cao xuống, ắt phải chịu đau đớn rất nhiều, dẫn đến có thể phải chết. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ắt sẽ phải lụi sụt về Thanh Văn địa, đánh mất Bồ tát bốn nguyện công đức vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải chẳng nên xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vô Thượng Bồ Đề rất khó được. Vì sao? Vì Bồ tát Ma-há-tát phải biết hết thấy pháp mới được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nhưng, pháp ấy lại là pháp bất khả đắc.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này chư thiên tử! Vô Thượng Bồ Đề rất khó được. Ta cũng được hết thấy pháp, được hết thấy trí rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nhưng pháp ấy là pháp vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc), vô năng tri (chẳng hay biết), vô sở tri (chẳng có

chỗ biết), vô tri giả (chẳng có người biết). Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Theo như lời Phật dạy, thì Vô Thượng Bồ Đề rất khó được, nhưng theo chỗ con hiểu, thì Vô Thượng Bồ Đề này rất dễ được. Vì sao? Vì chẳng có người được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng có pháp gì để được cả.

Hết thấy pháp đều là không, đều là vô pháp, đều chẳng tăng, chẳng giảm, nên hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô sở đắc (chẳng có chỗ được), là chẳng có người năng đắc (hay được), chẳng có pháp khả đắc (để được) vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên con tự niệm rằng Vô Thượng Bồ Đề rất dễ được. Vì sao? Vì sắc và sắc tướng là không... dẫn đến Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng là không.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu hết thấy pháp đều là không, là như hư không, thì cũng chẳng nên dấy niệm “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”.

Nếu Bồ tát tín giải được rằng các pháp đều là không, là như hư không, rằng Vô Thượng Bồ Đề là rất dễ được, thì vì sao hiện nay vẫn còn hằng sa Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề lại thoái chuyển? Thế nên, Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải dễ được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Ý ngài nghĩ sao? Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì sắc có thoái chuyển chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức có thoái chuyển chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thoái chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì Nhất thiết chủng trí có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, nếu ly sắc... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí, thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, nếu ly sắc như tướng... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí như tướng thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề thì pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh, có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề nếu ly pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh, thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Các pháp đều rốt ráo bất khả đắc, nên ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng có pháp gì thối chuyển cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo như lời ngài nói, thì Bồ tát khi đã vào trong pháp nhẫn rồi, thì ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng còn thối chuyển nữa. Lại theo lời Phật dạy, thì người cầu Thanh Văn đạo, người cầu Bích Chi Phật đạo và người cầu Phật đạo đều bình đẳng, chẳng có phân biệt. Như vậy, vì sao ngài lại nói chỉ có Bồ tát cầu Phật đạo mà thôi?

-o0o-

Lúc bấy giờ ngài Phú Lô Na nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài nên hỏi ngài Tu Bồ Đề có phải chỉ có một thừa là Bồ tát thừa chăng?

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài muốn nói chỉ có một thừa duy nhất là Bồ tát thừa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Ở nơi “pháp như” mà ngài muốn có ba thừa là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có được vậy.

Ngài Tu Bồ đề hỏi: Ở trong ba thừa sai biệt đó, thì “pháp như” là khả đắc (có thể được) chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng thể được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Nhu tướng” là một tướng hay là hai tướng, là ba tướng chăng...?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Nhu tướng” chỉ là một tướng, chẳng phải là hai, ba... tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong “Pháp như” ngài nghĩ rằng có một thừa... dẫn đến có nhiều thừa chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong tất cả bốn vấn đề nêu trên đây, ngài thấy rằng ba thừa đều bất khả đắc. Như vậy, vì sao ngài còn dấy niệm là có người cầu Thanh Văn thừa, có người cầu Bích Chi Phật thừa, có người cầu Phật thừa?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào nghe “Pháp như tướng” này, mà chẳng kính, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi, thì phải biết vị Bồ tát ấy sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Lời của ông nói ra đó đều nhờ nơi Phật lực. Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe thuyết “Như” là chẳng có các pháp sai biệt, mà chẳng kính, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi, thì phải biết vị Bồ tát đó sẽ thành tựu Vô Thượng bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thành tựu Bồ Đề nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Chư thiên dấy niệm nghĩ rằng “Vô Thượng Bồ Đề rất khó được”, nên đã bạch Phật rằng: Vô Thượng Bồ Đề là bất khả đắc, mà chư Bồ tát phải quán hành, phải tu tập để được Vô Thượng Bồ Đề, nhằm cứu độ chúng sanh. Phật ẩn chứng lời

của chư thiên, và dạy rằng: Ta ngồi đạo tràng, dùng hết thầy trí, được hết thầy pháp, nhưng chẳng có pháp nào là có định tướng, chẳng có pháp nào là khả đắc, vì các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Vô Thượng Bồ Đề dễ được, vì hết thầy pháp đều rốt ráo không, nên chẳng có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có chướng ngại, chẳng có chỗ tu, chẳng có chỗ được vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu Vô Thượng Bồ Đề dễ được, thì vì sao vẫn có hằng sa Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề lại phải thối tâm?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên một số câu hỏi:

* Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề:

- Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thối chuyển chăng?

- Sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng có thối chuyển chăng?

- Pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh có thối chuyển chăng?

* Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề:

- Ly sắc... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí, có pháp gì thối chuyển chăng?

- Ly sắc như tướng... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí như tướng có pháp gì thối chuyển chăng?

- Ly pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất biết rõ hết thảy pháp đều là tánh không nên đã trả lời rằng: Chẳng có thói chuyển vậy. Vì hết thảy pháp đều là “như”, là tợ như hư không, nên chẳng có thói chuyển.

-o0o-

Theo lời ngài Tu Bồ Đề thì Bồ tát nào đã vào được trong “pháp nhãn” rồi, chẳng còn thói chuyển nữa. Đây là một pháp môn tu, phải hành pháp “không” mới vào được pháp môn này.

Ngài Xá Lợi Phất, tuy đã lãnh hội được lời nói của ngài Tu Bồ Đề, nhưng vì Phật pháp mà ngài hỏi tiếp: Nếu chẳng có người cầu đạo thối tâm, thì người tu sẽ được thành Phật cả. Như vậy, vì sao còn phân biệt có ba thừa?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên bốn câu hỏi để phá chấp về ba thừa.

Ngài hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Ở nơi “pháp như” mà muốn có ba thừa sai biệt chẳng?
- Ở nơi 3 thừa sai biệt thì “Pháp như” là bất khả đắc chẳng?
- “Như tướng” là một tướng, hay là nhiều tướng chẳng?
- Trong “Pháp như” có một thừa... dẫn đến có nhiều thừa chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đều đáp lại rằng: Chẳng có được vậy.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay!

Và Phật dạy rằng: Nếu có Bồ tát nào nghe thuyết “Như” mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì đó là Bồ tát sẽ thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Vì sao ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật “Thành tựu Bồ Đề nào”?

Đáp: Nên biết ở nơi mỗi thừa đều có quả Bồ Đề. Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất mới hỏi như trên.

Nên biết Bồ Đề Đại thừa, tức là Bồ Đề của Phật, là quả vị tối thượng nên được gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên Phật đáp: Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề là vào nơi thật tướng pháp, nơi rất ráo không, biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có định tướng, đều là nhất tướng, là vô tướng, là như tướng vậy. Nếu lý rất ráo không, thì mới thấy có ba thừa pháp phân biệt.

Phật tùy theo căn trí của chúng sanh, mà phân biệt thuyết có 3 thừa pháp. Đây chỉ là phương tiện nhằm dẫn dắt chúng sanh dần dần tiến đến Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ Đề, thì Bồ tát phải tu hành như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Khởi tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm bình đẳng, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm đại từ bi, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm khiêm tốn đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm khiêm tốn, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm an ổn đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm an ổn, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm vô ngại đối với hết thầy chúng sanh, lại phải dụng tâm vô ngại, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm vô não đối với hết thầy chúng sanh, chẳng làm não hại chúng sanh, lại phải dụng tâm vô não, khi nói chuyện với họ.

- Khởi tâm ái kính đối với hết thầy chúng sanh, xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, lại phải dụng tâm ái kính, khi nói năng với họ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình chẳng sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, tán thán pháp “không sát sanh”, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh.

- ... dẫn đến tự mình chẳng tà kiến, dạy người khác chẳng tà kiến, tán thán pháp “không tà kiến”, hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình tu 4 thiên, từ sơ thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, tự mình tu 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, tự mình tu 4 Vô Sắc định, từ Không Vô Biên Xứ Định... dẫn đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định. Dạy người khác tu 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 Vô Sắc định, tán thán các pháp môn ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, tự mình tu 18 pháp không, từ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, tự mình tu 37 Phẩm Trợ Đạo, từ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo. dạy người khác tu 6 pháp Ba-la-mật, 18 pháp không,

37 Phẩm Trợ Đạo, tán thán các pháp môn ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, tự mình tu 8 bối xả, 9 thứ đệ định, tự mình tu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... dẫn đến tự mình tu 18 bất cộng pháp. Dạy người khác tu 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tán thán các pháp môn ấy hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, dạy người khác tu quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, tán thán các pháp tu quán ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp quán ấy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình biết dứt khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Dạy người khác biết dứt khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, tán thán các pháp môn ấy, và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình chứng tri quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy, dạy người khác chứng tri mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy, tán thán các quả vị ấy, và hoan hỷ tán thán người chứng tri mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy.

- Tự mình vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, dạy người khác vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Hoan hỷ tán thán người vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

- Tự mình phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí, dạy người khác phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí, hoan hỷ tán thán người phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí.

- Tự mình đoạn dứt sạch tập khí kiết sử, dạy người khác đoạn dứt sạch tập khí kiết sử, hoan hỷ tán thán người đoạn dứt sạch tập khí kiết sử.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình giữ gìn thọ mạng thành tựu, dạy người khác giữ gìn thọ mạng thành tựu, hoan hỷ tán thán người giữ gìn thọ mạng thành tựu.

- Tự mình thành tựu pháp trụ, dạy người khác thành tựu pháp trụ, hoan hỷ tán thán người thành tựu pháp trụ.

Này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải tu hành như vậy, phải học lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Bồ tát nào học như vậy, hành như vậy sẽ được vô ngại ở nơi sắc, sẽ được vô ngại ở nơi thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến sẽ được vô ngại ở nơi pháp trụ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng thọ sắc, ... dẫn đến chẳng thọ Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Khi Phật thuyết thời pháp về Bồ tát hạnh này xong, thì liền có 2.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

LUẬN:

Khi ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải tu hành như thế nào?”, Phật đã đáp lại rằng:

Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải khởi tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, chẳng được thiên vị.

Vì sao? Vì do 5 ấm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh. Chúng sanh cũng như hết thảy pháp, ở nơi thật tướng đều là không, là bình đẳng, chẳng có phân biệt.

Vì chúng sanh thường khởi ba tâm “oán, thân, chẳng oán cũng chẳng thân”, nên Phật dạy chúng sanh phải khởi tâm bình đẳng, chớ nên khởi phân biệt giữa oán với thân, lại cũng chớ nên dùng, thờ ơ đối với người khác.

Vì chúng sanh thường khởi hai tâm “ái, tắng” (thương, ghét), nên Phật dạy chúng sanh phải xả ly “ái, tắng”. Vì sao? Vì ái (thương) cũng như tắng (ghét) đều là tham dục, là phiền não. Bởi vậy phải hành tâm từ ái bình đẳng.

Người thế gian thường khởi tâm thương cha mẹ, vợ chồng, con cháu, bà con, bạn bè của mình, dùng dung đối với những người khác, lại oán ghét kẻ xấu ác với mình. Trái lại, Bồ tát chuyển tâm thế gian thành tâm từ ái, vô phân biệt, nên khởi sanh pháp hỷ, tự mình xả tắng ái và cũng dạy người khác xả tắng ái.

Người thế gian thường lấy oán trả oán, khiến oán thù chồng chất. Trái lại Bồ tát xem chúng sanh bình đẳng nên chẳng khởi ác niệm, chẳng hại người, chẳng oán ghét người hại mình, mà còn khởi từ bi tâm, đem lại sự an ổn cho mọi người.

Xét về các hành động ác cũng như thiện, thì người thế gian thường xếp thành ba hạng: Hạng tiểu, hạng trung, hạng đại.

- Người tiểu ác là người chẳng biết đền ơn đáp nghĩa với người tốt với mình, hoặc ngu muội mà gây phiền não, khổ đau cho kẻ khác.

Người trung ác là người khởi ác âm hại người mà từ trước mình đã giao hảo. Nhưng vì một lý do nào đó mà có sự bất hòa, khiến trở thành thù nghịch. Người đại ác là người khởi ác tâm hại người lương thiện. Những ác hạnh như vậy gọi là ác trong ác.

- Người tiểu thiện là người biết đền ơn đáp nghĩa với người đã tốt với mình. Người trung thiện là người làm việc thiện giúp người, mặc dù những người ấy chưa bao giờ làm việc thiện cho mình. Người đại thiện là người sẵn sàng làm các việc thiện cho mọi người, kể cả những người muốn làm hại mình, ví như đem hết thầy nội ngoại vật sở hữu của mình để bố thí, cúng dường người khác.

Những thiện hạnh như vậy gọi là thiện trong thiện.

-o0o-

Bồ tát xả cả ba ác hạnh lỗi lầm, lại thường hành ba thiện hạnh. Như vậy gọi là hành sáu thiện tâm đối với hết thầy chúng sanh.

Hỏi: Nếu Bồ tát chưa có được “pháp tánh thân”, thì làm sao có thể hành rốt ráo 6 thiện tâm được?

Đáp: Vì câu Vô Thượng Bồ Đề nên Bồ tát phải hành vô thượng pháp. Do vậy mà Bồ tát phải làm những việc khó làm như vậy.

Ví như người lái buôn muốn kiếm được nhiều lời, thì phải trải qua nhiều thử thách cam go, nguy hiểm mới thành tựu được ý nguyện.

Cũng như vậy, Bồ tát nghe được chánh pháp của Phật, biết rõ hết thầy pháp đều rốt ráo không, đều là vô ngã, vô ngã sở, lại biết rõ pháp thế gian là như mộng, như huyễn, là hư

vọng, chẳng thật có, nên thâm tín chánh pháp, và sẵn sàng xả bỏ thân mạng mình để cúng dường người oán tặc.

Bồ tát biết rõ thân này do phiền não kết nghiệp dấy sanh, biết rõ sự thấy nghe hay biết đều là gốc tội lỗi, nên dù có người muốn làm hại thân mạng mình cũng vẫn an nhiên, tự tại, lại tự niệm rằng: Vì Vô Thượng đạo, ta nên hoan hỷ thọ nhận xả bỏ uế thân này, đây mới là đại lợi ích, chẳng có gì cao đẹp bằng.

Bồ tát phát tâm thâm ái hết thảy chúng sanh, nên sẵn sàng bố thí thân mạng mình, muốn chúng sanh cũng tu tập như mình để họ được lợi ích. Vì sao? Vì dùng lời thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh chưa chắc họ đã hành theo, bởi vậy nên Bồ tát phải dùng đến thân giáo, khiến chúng sanh thâm tín thọ Phật pháp vậy.

Lại nữa, có nhiều chúng sanh phát tâm cầu Vô Thượng đạo, nhưng vẫn giải đãi, chưa muốn hạ thủ công phu, nên Bồ tát phải dùng đến thân mình để giáo hóa họ, khiến họ phát tâm hành các pháp sự khó hành, đưa họ mau đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

-o0o-

Các pháp sự khó làm như vậy, chúng sanh chẳng sao làm được. Nhưng vì muốn viên thành đạo nghiệp nên Bồ tát phát đại thệ nguyện làm các việc khó làm như vậy, để cứu độ chúng sanh.

Như vậy là có vô lượng nhân duyên khiến Bồ tát sẵn sàng đem thân mạng mình để cúng dường kẻ oán tặc. Đó là Bồ tát thứ lớp tu sáu tâm Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Tâm bình đẳng và tâm từ có gì khác nhau chẳng?*

Đáp: Tâm bình đẳng bao gồm cả 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, còn tâm từ chỉ là một trong 4 vô lượng tâm.

Có thuyết nói lúc ban đầu phải tu xả tâm, quán thân bình đẳng rồi sau đó mới có tâm từ.

Có thuyết nói tâm bình đẳng là tâm quán chúng sanh là pháp như, là pháp tánh, là thật tế, quán hết thấy pháp đều là vô vi, vô lượng. Do quán như vậy nên thấy rõ chúng sanh cùng các pháp đều bình đẳng. Còn thường ái niệm chúng sanh, nhớ nghĩ đến chúng sanh và thương xót chúng sanh nhiếp về tâm từ.

-o0o-

Ở đây chẳng nói đến tâm bi. Vì sao? Vì tâm bi là tâm muốn cứu khổ chúng sanh. Tâm bi chỉ khởi sanh khi nào chúng sanh gặp cảnh duyên bức bách.

Lại nữa, có những chúng sanh chẳng muốn thọ trì bi niệm như Bồ tát, vì họ tự nghĩ rằng: Ta lo cho tự thân ta là đủ rồi, việc gì phải lo cho người khác.

Như vậy là “tâm bi” khó nhiếp hóa chúng sanh. Trái lại “tâm từ” dễ nhiếp hóa chúng sanh hơn. Do vậy mà trên đây chỉ nói đến “tâm từ”.

Hỏi: *Bồ tát là bậc đại nhân, đầy đủ phước đức, trí huệ, còn chúng sanh thì uế tạp, bất định. Như vậy vì sao Bồ tát lại phải tự hạ mình lo cho chúng sanh?*

Đáp: Ban vui, cứu khổ cho hết thấy chúng sanh là bản nguyện của Bồ tát. Bởi vậy nên tâm Bồ tát duyên khắp chúng sanh, làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

1) *Bồ tát khởi tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát tự niệm rằng: Hết thảy pháp hữu vi đều vô thường, hết thảy chúng sanh đều thứ lớp sanh diệt. Chẳng nên phân biệt là đại nhân hay là tiểu nhân. Người thế gian điên đảo chấp các pháp có tướng sai khác, mà chẳng biết rằng các pháp đều chẳng có định tướng.

Ví như nước, lửa, tùy thời, tùy duyên mà có khi lớn, có khi nhỏ, chẳng thể định được. Cũng như vậy, chúng sanh tùy theo duyên nghiệp, có thể nay bần cùng hạ tiện, mà ở đời sau có thể trở thành giàu sang phú quý.

Lại nữa, Bồ tát tuy có đầy đủ công đức, mà vẫn biết rõ công đức là tánh không, là như mộng, như huyễn nên chẳng chấp trước, chẳng nghĩ công đức của mình là lớn, là nhỏ.

Lại nữa, ở nơi Phật đạo, chúng sanh như thế nào thì chỉ có Phật mới biết rõ được. Bởi vậy Bồ tát thường tự niệm rằng: Nếu ta dấy niệm khinh chê người hạ tiện, tướng mạo khó thương, tài năng thấp kém, thì như vậy là ta đã khinh chê Phật rồi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng, chẳng có phân biệt.

2) *Bồ tát khởi tâm đại từ bi đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát thường tự niệm: Ta đã phát thệ nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh. Nếu ta chẳng làm được gì lợi ích cho chúng sanh, thì như vậy là ta đã thối tâm rồi vậy.

Bồ tát dụng tâm bình đẳng, vô phân biệt, làm những việc rất khó làm để đem lại niềm vui cho chúng sanh, và làm vơi nỗi khổ của họ.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường trải rộng tâm từ bi.

3) *Bồ tát khởi tâm khiêm tốn đối với hết thầy chúng sanh.*

Bồ tát biết rõ rằng tâm tự cao là nhân duyên dẫn sanh sân hận, đốt sạch rừng công đức.

Như người chủ nhà khi có khách đến thăm, phải khiêm tốn, tự hạ mình để cung tiếp khách, nếu chẳng có gì để phục vụ khách, làm vui lòng khách thì người chủ nhà phải tự thẹn với mình. Cũng như vậy, đối với Bồ tát, chúng sanh là những vị khách mà Bồ tát phải phục vụ trong suốt quá trình hành Bồ tát đạo. Đối với chúng sanh, Bồ tát thường rất khiêm tốn, tạo nhân duyên dẫn dắt chúng sanh vào đạo.

Lại nữa, Bồ tát tự niệm rằng: Khởi hạ tâm có rất nhiều lợi ích cho việc tu hành. Nếu ta tự cao tự đại, thì khi bị chúng sanh đến mắng nhiếc nhục mạ, dẫn đến hành hung... ta sẽ khởi sân nhuế, chẳng thể viên thành đạo nghiệp được.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát thường khởi tâm khiêm tốn.

4) *Bồ tát khởi tâm an ổn đối với hết thầy chúng sanh.*

Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình, đem đến cho chúng sanh niềm vui rất ráo ở đời này, và cả đời sau.

Cha mẹ chỉ đem lại cho con cái niềm vui ở đời hiện tại. Còn Bồ tát dụng tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm khiêm tốn, nên đem lại cho chúng sanh niềm an lạc trong nhiều đời.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm an ổn, khiến chúng sanh được an ổn.

5) *Bồ tát khởi tâm vô ngại đối với hết thầy chúng sanh.*

Trong lúc hành Bồ tát hạnh, nếu gặp những người đến phi báng, chẳng tin theo lời mình, cho là mình dối trá, câu danh,

chẳng phải thật sự tu hành, thì Bồ tát biết đó chỉ là ma sự nhằm thử thách lòng mình. Do biết rõ như vậy nên đối với những kẻ ác tâm, Bồ tát vẫn vận dụng tâm bình đẳng vô ngại.

Do được tâm vô ngại nên dù chúng sanh có phạm trọng tội, Bồ tát vẫn muốn làm lợi ích cho họ mà chẳng khởi sanh phiền não.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng, vô ngại.

6) *Bồ tát khởi tâm vô não đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát thường xót chúng sanh nên trong lời nói, trong việc làm, chẳng bao giờ làm nào hại chúng sanh cả.

Lại nữa, vì muốn an ổn chúng sanh nên Bồ tát tự mình cũng chẳng khởi sanh phiền não, làm nào loạn tâm chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm vô não.

7) *Bồ tát khởi tâm ái kính đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình. Đối với người lớn tuổi thì tôn trọng, cung kính như người con có hiếu, tôn trọng, cung kính, hết lòng thương yêu, lo lắng cho cha mẹ. Đối với người ngang tuổi hay kém tuổi, thì cũng thương yêu lo lắng như thương yêu lo lắng cho anh chị em mình, chẳng dấy tâm xằng bậy. Đối với tất cả mọi người, Bồ tát đều ái kính, xem họ như bà con, bạn bè, thiện tri thức của mình cả.

Bồ tát vì chúng sanh thường giữ tâm từ hòa ái kính như vậy, nên vào được “chúng sanh nhãn”, là sơ môn của pháp nhãn vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm ái kính.

Vận dụng các tâm nêu trên đây đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát lại còn tu tập hết thầy các thiện pháp, dạy cho chúng sanh tu tập hết thầy các thiện pháp, tán thán các thiện pháp ấy, và hoan hỷ tán thán người thành tựu các thiện pháp ấy.

- Bồ tát tu tập 10 thiện đạo, vì tự nghĩ rằng: Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì ở thế gian vẫn thường có các thiện pháp. Bởi vậy nên phải y theo 48 hạnh nguyện mà tu tập 10 thiện đạo. Ta phải thâm niệm thiện pháp, thâm niệm từ tâm, thâm niệm chúng sanh, thâm niệm ly dục, thâm niệm ly thế gian pháp.

- Bồ tát cũng tự quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, y theo 48 hạnh nguyện mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật, tu tập 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo, tu tập 18 pháp không... dẫn đến tu tập 18 bất cộng pháp. Bồ tát lại tự mình thành tựu các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật, thành tựu Bồ tát vị, dẫn đến thành tựu pháp trụ. Vì sao? Vì Bồ tát tự nghĩ rằng: Mặc dù hết thầy các pháp đều là ngoại pháp, nhưng đều do Phật thuyết, ta phải tu tập đầy đủ hết thầy các pháp, để hiển dụng phương tiện cứu độ chúng sanh.

Trên đây đã nói rõ Bồ tát hành đầy đủ hết thầy các thiện pháp, gồm căn bản nội pháp và ngoại pháp.

Như vậy nên ở hiện đời, Bồ tát được đầy đủ các thiện căn công đức, được trí huệ minh liễu, vô ngại, đến khi xả bỏ sắc thân thì sẽ được pháp thân vô ngại, thanh tịnh, tùy nguyện ứng biến, chu khắp 10 phương để giáo hóa chúng sanh.

-o0o-

Khi Phật thuyết thời pháp Bồ tát hạnh này xong, thì có 2.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

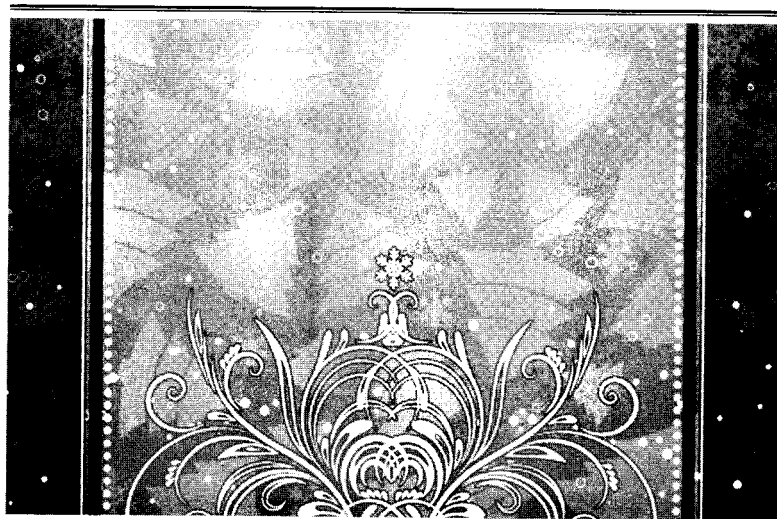
Qua thời pháp vi diệu này, Phật đã chỉ dạy cho chư vị Bồ tát tu tập đầy đủ cả về “thiện môn” lẫn “trí môn”, dẫn đến liễu đạt được về “như pháp”.

Lại nữa, Phật dạy Bồ tát phải nhiếp thân tâm, hành đầy đủ cả hai pháp, mới vào được vô sanh pháp nhẫn. Ví như chiếc xe phải có đầy đủ cả hai bánh mới có thể di chuyển được, cũng như vậy, Bồ tát phải liễu đạt cả hai “đế” mới có thể viên thành Bồ tát hạnh.

(Hết quyển 72)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 73



Phẩm Thứ Năm Mười Lăm



A Bộ Bạt Trí
(Bất Thối Chuyển)

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu hạnh gì, loại gì và tướng mạo ra sao mà được Bất Thối Chuyển địa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết rõ phạm phu địa, Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, Phật địa đều là như tướng, chẳng hai, chẳng khác, nên chẳng niệm, chẳng phân biệt. Do đã vào trong pháp như, nên Bồ tát nghe biết thông suốt sự việc, mà chẳng khởi tâm nghi. Vì sao? Vì như tướng chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng phải là hai tướng (nhị tướng). Bởi vậy nên Bồ tát chẳng nói lời vô ích, mà chỉ nói toàn lời có ích, chẳng nhìn ngó chỗ hay cùng chỗ dở của người khác.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào tu hạnh như vậy, loại như vậy, và có tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch thế Tôn! Dùng hạnh như thế nào, loại như thế nào, tướng mạo như thế nào, để biết Bồ tát nào đã được bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát, ở nơi hết thấy pháp, chẳng có hạnh (vô hạnh), chẳng có loại (vô loại), chẳng có tướng mạo (vô tướng mạo), thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu ở nơi hết thấy pháp đều chẳng có hạnh, chẳng có loại, chẳng có tướng mạo, thì Bồ tát chuyển ở nơi pháp gì, mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát ở trong sắc mà chuyển... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển, thì gọi là Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì sắc là tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là tánh không, thì Bồ tát đâu có chỗ nào để trú!

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán các ngữ ngôn của hàng ngoại đạo, của các hàng sa-môn và Bà-la-môn, mà chẳng chấp rằng họ thật biết, thật thấy, hoặc chẳng thật biết, chẳng thật thấy; chẳng chấp rằng tri kiến của họ là chánh tri kiến, hoặc chẳng phải là chánh tri kiến.

Bồ tát chẳng sanh nghi tâm, chẳng chấp giới thủ, chẳng đọa vào tà kiến, chẳng cầu các lạc thú ở thế gian. Bồ tát cũng chẳng vì cầu thanh tịnh, mà lễ lạy, cúng dường chư thiên.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng sanh vào nhà hạ tiện, chẳng sanh vào nơi có “8 nạn”, thường chẳng thọ thân người nữ.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường hành 10 thiện đạo, tự mình chẳng sát sanh... dẫn đến chẳng sanh tà kiến, dạy người khác chẳng sát sanh... dẫn đến chẳng sanh tà kiến, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh...

dẫn đến chẳng sanh tà kiến. Bồ tát, dù ở trong chiêm bao, cũng chẳng phạm 10 bất thiện đạo.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, vì lợi ích chúng sanh, mà hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm tất cả 12 bộ kinh, từ khế kinh... dẫn đến luận nghị. Mỗi khi thuyết pháp, Bồ tát thường nghĩ rằng: Do nhân duyên pháp thí này, mà tâm nguyện của chúng sanh được hoàn mãn. Ta phải đem công đức pháp thí này, đến với chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi thậm thâm pháp này, chẳng có nghi hối. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ, ở nơi hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, chẳng có gì để nghi hối cả.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển biết rõ 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” đều như huyễn, mà lại khéo dùng đức “từ ái” để thành tựu 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” nhu nhuyến, thanh tịnh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng bị 5 cái là “dâm dục, sân nhuế, thù miên, trạo cử và nghi pháp” ngăn che tâm tánh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi hết thấy pháp, đều chẳng ái trước; khi đi đứng, nằm ngồi, nhắc chân hạ chân... đều nhất tâm tuần tự; khi đi thường nhìn xuống đất, nhất tâm cất bước.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển giữ y phục, mền nệm sạch sẽ, chẳng có dơ bẩn; lại vì do thường sạch sẽ, nên rất ít khi bị bệnh tật.

Thân thể người thường bị 8 vạn 4 ngàn trùng xâm phạm, phá hoại, còn thân thể của Bồ tát bất thối chuyển chẳng có các trùng xâm phạm, phá hoại. Vì sao? Vì Bồ tát có công đức thù thắng hơn người thế gian. Do thân thanh tịnh, nên tâm Bồ tát cũng thanh tịnh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát bất thối chuyển được thân tâm thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do tăng ích thiện căn mà Bồ tát diệt trừ được tâm tà vọng. Bởi vậy nên Bồ tát có được tâm thanh tịnh, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích

Chi Phật, vào được Bồ tát vị.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng quý lợi dưỡng, tuy thật hành 12 hạnh đầu đà mà chẳng quý chốn A-lan-nhã... dẫn đến chẳng quý 3 pháp y.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng sanh tâm xan tham, tâm sân nhuế, tâm tật đố, tâm ngu si, tâm phá giới, tâm giải đãi, tâm tán loạn.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát trú tâm trong bất động, thâm nhập trí huệ, nhất tâm tín thọ chánh pháp, vẫn nghe các pháp thế gian, làm các sự việc thế gian mà vẫn điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp nào mà chẳng vào trong pháp tánh, chẳng thấy có pháp nào mà chẳng điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói về tướng của Bồ tát bất thối chuyển rồi. Vì sao nay còn nói nữa?

Đáp: Trước đây chỉ lược nói. Nay ở trong phẩm này Phật rộng thuyết về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, nên phẩm này được gọi là phẩm “Bất thối chuyển”.

Lại nữa, trước đây khi giải về Bát nhã Ba-la-mật tướng,

Phật đã nói về các nhân duyên khiến ác ma phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, nay Phật muốn nói rộng về cách tín thọ Bát nhã Ba-la-mật để dẫn đến Bất Thối Chuyển địa.

Bởi vậy nên phải nói rộng về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển vậy.

Ở đoạn kinh trên đây có nói rõ Bồ tát phải có đầy đủ hạnh loại và tướng mạo như thế nào mới vào được Bất Thối Chuyển địa... dẫn đến mới được thọ ký thành Phật. Ví như một vị quan phải được sắc lệnh bổ nhiệm, có đủ ấn tín, thì mới chính thức nhậm chức được vậy.

Lại nữa, hàng Thanh Văn dù có tu hạnh đầu đà thì cũng chỉ cầu 4 quả sa-môn, còn hàng Bồ tát bất thối chuyển chẳng trú Nhị thừa địa, nên dù chưa được thành Phật vẫn trụ tại vào thế gian làm ruộng phước cho chúng sanh, để dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Đây là pháp sự vi diệu, rất khó làm, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển để được Phật rộng giải thêm.

Hỏi: *Hạnh, loại và tướng mạo có gì khác nhau chăng?*

Đáp: Có thuyết nói rằng hạnh, loại và tướng mạo đều cùng một nghĩa với nhau.

Có thuyết cho rằng do 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” của Bồ tát khác với người ở thế gian, nên phân biệt nói như sau:

- “Hạnh” nói về sự thâm nhập trí huệ của Bồ tát bất thối chuyển.

- “Loại” nói về sự phân biệt để nhận biết Bồ tát đã được vào Bất Thối Chuyển địa rồi, hay chưa vào được Bất Thối Chuyển địa.

- “Tướng mạo” nói về tất cả các nhân duyên khác dẫn đến Bất Thối Chuyển địa, ngoại trừ các nhân duyên nhiếp về “hạnh” và “loại” như đã nói trên đây.

Phật đã dạy rõ: Nếu Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, có đầy đủ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú chấp, lại thường quán thật tướng pháp, chẳng cho phàm phu địa và Nhị thừa địa là thấp hèn, chẳng cho Phật địa là cao quý, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, nếu Bồ tát đã thâm nhập được vào “pháp như” chẳng rơi vào “nhị pháp”, và từ “pháp như” nhập vào “Nhu Lai địa” mà chẳng trú các địa, chẳng chấp các tướng, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì “pháp như” là bình đẳng, nên nói người vào được “pháp như” là vào được “Phật pháp tạng”, chẳng còn nghi hối.

Trong kinh nói rằng: Phàm phu địa, Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa là nhất như, chẳng hai, chẳng khác.

Vào được trong “pháp như” rồi là đầy đủ hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, do vào được “pháp như”, nên Bồ tát hành các pháp thế gian, làm các sự việc thế gian mà vẫn được vô ngại tự tại, vì biết rõ hết thấy pháp đều rốt ráo là tánh không.

-o0o-

Bồ tát nghe pháp, thuyết pháp mà chẳng trú chấp pháp, chẳng sanh tâm nghi hối, chẳng niệm tướng. Vì biết rõ hết thấy pháp đều rốt ráo không, nên Bồ tát được tâm thuần thực, được tướng tịch diệt.

Do vậy mà Bồ tát chẳng nói những lời vô ích, khi nói thì chẳng bao giờ nói các điều “thị - phi” mà chỉ nói thật pháp.

Bồ tát cũng chỉ nói lời nhu nhuyễn, chẳng nói lời thô kệch, xằng bậy. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm từ bi mà nói pháp vậy.

Lại nữa, do quán biết rõ chúng sanh tâm, nên Bồ tát nói pháp đúng thời, đúng đối tượng, dùng các phương tiện thiện xảo nói những lời hữu ích để đưa chúng sanh vào Phật đạo, khiến họ đời nay được 10 thiện đạo, được an vui, xa lìa tội cấu, xa lìa ác khẩu. Do trái rộng lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên chẳng bao giờ Bồ tát nào loạn chúng sanh, mà chỉ đem lại cho họ sự an lạc.

Hỏi: Hàng Thanh Văn chẳng quán tâm chúng sanh, chỉ tu tập để thăng đến Niết bàn, còn Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, nên thường theo chúng sanh để giáo hóa họ.

Như vậy vì sao nói Bồ tát chẳng có chỗ quán?

Đáp: Bồ tát quán tâm chúng sanh để tùy phương tiện giáo hóa họ. Thế nhưng chúng sanh rất ráo là tự tánh không, nên nói chẳng có chỗ quán vậy.

Bồ tát biết rõ chúng sanh nào có thể độ, chúng sanh nào chẳng thể độ được.

Bởi vậy nên đối với hạng người chưa thể hóa độ được, chưa thể thuyết phục được, thì Bồ tát chưa vội nói pháp cho họ nghe. Vì như vậy, họ đã chẳng tin, mà còn khởi tâm nghi, gây mầm tội lỗi, chẳng lợi ích gì cho họ cả.

Bồ tát tự niệm rằng: Như chư Phật là những đấng Nhất thiết chủng trí mà còn chẳng độ hết chúng sanh được, huống nữa là ta chưa được đầy đủ lực thần thông, chưa được đầy đủ trí vô ngại, thì làm sao có thể độ khắp chúng sanh được.

Bởi vậy nên Bồ tát phải quán tâm hành của chúng sanh.

Hỏi: *Ngay từ đầu, ngài Tu Bồ đề đã thưa hỏi Phật về hạnh, loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao Phật chẳng giải đáp ngay, mà đến nay mới rộng nói?*

Đáp: Trước đó chúng sanh chưa có khởi chấp tướng của Bồ tát bất thối chuyển, nên Phật chỉ dạy về “không tướng”. Nay chúng sanh muốn biết rõ Bồ tát tu hành như thế nào để có thể từ trong phàm phu mà trở thành bậc Bồ tát thối chuyển, nên Phật cần giải rộng về các hạnh, loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển.

Phật dạy ngài Tu Bồ Đề rằng: Ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát bất thối chuyển chẳng có hạnh, chẳng có loại, chẳng có tướng mạo.

Vì sao? Vì ở nơi rốt ráo không thì “hạnh, loại, tướng mạo” là “vô hạnh, vô loại, vô tướng mạo” vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu đã được pháp không rồi, thì còn dụng pháp gì để chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Nếu Bồ tát đã quán hết thảy pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, thì vẫn ở trong sắc mà chuyển chấp tâm... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển chấp tâm. Như vậy gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao? Vì phải thường quán hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều là hư vọng, chẳng nên trú, thì mới vào được thật tướng pháp, vào được pháp tánh không, mới tận chuyển được hết các chấp tâm. Do đã chuyển hết các chấp tâm mà Bồ tát vào được Bất Thối Chuyển địa.

Bồ tát bất thối chuyển là Bồ tát đã vào Bồ tát vị, nên tâm quyết định, chẳng nghi.

Trái lại, hàng ngoại đạo do còn tà chấp nên chẳng sao có được thật trí huệ.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật thuyết về “hạnh, loại và tướng mạo” của Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: Trước đây đã có nói về “chẳng sanh nghi tâm”, nay nói về “chẳng nghi tâm pháp”. Như vậy thì hai trường hợp đó có sai khác nhau chăng?

Đáp: Trước đây nói “chẳng sanh nghi tâm” là nói đã đoạn nghi nơi “4 đế”. Ví như nói Tu-đà-hoàn do đã đoạn được 3 hạ phần kiết sử nên mới phát tín tâm, chẳng còn nghi nữa. Nay nói Bồ tát do đã vào được nơi Phật đạo nên ở nơi thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn nghi nữa. Như vậy là được đầy đủ phước đức trí huệ, dù chưa được thành Phật mà đã vượt thoát hai điều nghi:

1) Nghi do giới thù của hàng ngoại đạo, khiến chẳng vào được Niết bàn.

2) Nghi do bốn kiến chấp, khiến còn sanh tà kiến.

Do chẳng sanh nghi tâm nên Bồ tát chẳng chấp giới thù, chẳng đọa vào tà kiến.

Bồ tát biết rõ các nhân duyên dẫn sanh quả báo, nên chẳng tham đắm lạc thú ở thế gian, chẳng cúng dường lễ lạy chư thiên để mong cầu phước lạc.

Bồ tát đã phá sạch gốc kiêu mạn nên thường chẳng sanh vào nhà hạ tiện, lại chẳng làm trở ngại việc thật hành công đức của chúng sanh, nên chẳng sanh vào các nơi có “8 nạn”

Bồ tát do đã dẹp tâm tham dục, đã xa lìa sự luồn cúi, siểm mị nên chẳng thọ thân người nữ.

Người tu 10 thiện đạo chẳng có được đầy đủ các hạnh này. Còn Bồ tát do có đại bi tâm, thâm ái thiện pháp, nên có đầy đủ các hạnh này.

-o0o-

Lại nữa, do thường hiển thị tu tập 10 thiện đạo, nên dù ở trong giấc mộng, Bồ tát cũng chẳng thấy các điều bất thiện.

Khác với phàm phu tu phước chỉ mong cầu tự lợi, Bồ tát tu tập được bao nhiêu phước đức, đều cùng với hết thảy chúng sanh hồi hướng tất cả về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm vô sở đắc mà tu tập phước đức vậy.

Lại nữa, vì muốn hành pháp thí, nên Bồ tát học đầy đủ 12 bộ kinh nhằm giáo hóa chúng sanh, nhưng vẫn chẳng khởi tâm khả đắc.

Lại nữa, do căn tánh lạnh lợi lại đầy đủ tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, nên dù chưa thành Phật mà đã dung thông Phật pháp.

Phật dạy: Vì Bồ tát chẳng thủ chấp hết thảy pháp nên chẳng có sanh nghi tâm, lại thường hành từ bi nên ý nghiệp nhu nhuyễn, thân nghiệp và khẩu nghiệp an vui, thuận thực.

Hỏi: *Hàng ngoại đạo cũng có phát khởi tâm từ bi. Như vậy vì sao nói đó là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển?*

Đáp: Hàng ngoại đạo tuy cũng có tâm từ bi, nhưng chẳng thường có, chẳng thâm sâu, vì chẳng có thường niệm chúng sanh. Vì sao? Vì họ chẳng liễu đạt được thật tướng pháp là vô tướng, nên thường đắm 5 dục lạc.

Trái lại, Bồ tát đã xả ly 5 dục, tận trừ 5 cái, vì biết rõ rằng

5 cái che lấp chân tâm, làm giảm sút trí huệ, phá hoại Phật đạo và khai mở ma đạo vậy.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ các pháp hữu vi đều là hư dối, là như mộng, như huyễn, biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp hữu vi đều là tánh không, là vô sở hữu, là tịch diệt tướng. Bởi vậy nên ở nơi hết thảy pháp, dù là thiện pháp... dẫn đến Niết bàn pháp, Bồ tát cũng chẳng sanh tâm chấp đắm.

-o0o-

Bồ tát đã đoạn được các tội, từ thô đến tế nên chẳng còn cho Ái là khó đoạn.

Bồ tát thường thâm nhập vào thiền định, nên thường thù hộ chúng sanh, thường nhất tâm niệm chúng sanh.

Bồ tát chẳng não hại chúng sanh, nên chẳng hề phá giới, đi đứng nằm ngồi đều nhất tâm nhu nhuyễn, đặt chân cử bước đều nghiêm túc, an nhiên tự tại.

Bồ tát có công đức thù thắng hơn người thế gian, nên thân ít bệnh, chẳng bị các loại trùng xâm nhập vào thân, lại nữa, vì đã vào nơi thật tướng bình đẳng nên thân khẩu ý thường thanh tịnh, lời nói chân thật, nhu hòa. Vì thân tâm thường thanh tịnh nên dù hành các pháp thế gian mà chẳng dấy sanh phiền não, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bồ tát chỉ quý Phật đạo, chẳng quý lợi dưỡng, chẳng thù chấp pháp, tuy hành hạnh đầu đà mà chẳng quý chốn A-lan-nhã... dẫn đến chẳng quý 3 pháp y.

-o0o-

Bồ tát nào đầy đủ các hạnh, loại và tướng mạo như vậy được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: Nếu Bồ tát chưa được Vô sanh pháp nhẫn, chưa đoạn sạch phiền não, làm sao có thể tự chế, chẳng khởi ác tâm được?

Đáp: Bồ tát khi đã được vô sanh pháp nhẫn, tuy chưa đoạn sạch các vi tế tập khí phiền não, nhưng chẳng bao giờ sanh sân tâm. Vì sao? Vì nếu Bồ tát tu Đàn Ba-la-mật mà khởi tâm xan tham là trái với đạo tâm rồi vậy.

Có thuyết nói Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, nên chẳng sanh sân tâm.

Có thuyết nói Bồ tát do tu tập 6 pháp Ba-la-mật mà được vô lượng công đức, nên phiền não cạn mỏng, do vậy mà chẳng sanh sân tâm.

Có thuyết nói Bồ tát qua rất nhiều kiếp đã tu tập thiền định, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì nên được tâm bất động, thâm nhập trí huệ, do vậy mà chẳng sanh sân tâm.

-o0o-

Bồ tát biết rõ được vi diệu pháp nên càng thích nghe pháp, nhất tâm tín thọ vi diệu pháp ấy, khiến tâm cũng trở thành vi diệu. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, tự tâm của Bồ tát đã tương ứng với Bát nhã Ba-la-mật, đã cùng với Bát nhã Ba-la-mật hòa hợp, nên chẳng chống trái với hết thảy pháp tướng vậy.

Ví như người khỏe mạnh ăn các thức ăn vào đều tiêu hóa được dễ dàng. Lại ví như bất cứ thức ăn gì được Phật ăn vào đều trở thành thượng vị cả.

Cũng như vậy, đối với vị Bồ tát đã được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì hết thảy các pháp đều dung nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật, đều trở thành thanh tịnh cả.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà hành các pháp thế gian để phương tiện hóa độ chúng sanh. Dù ở trong thế gian, mà Bồ tát vẫn giữ “thân, khẩu, ý” thanh tịnh, nên lời nói cũng như việc làm của Bồ tát đều trở thành vi diệu cả.

Khi đi đứng, nằm ngồi, nói cười... Bồ tát đều tạo pháp lành, làm cho tâm chúng sanh được an ổn. Bồ tát làm nên sự nghiệp mà vẫn chẳng thấy mình có làm nên sự nghiệp, thâm nhập vào pháp tánh mà chẳng thấy mình thâm nhập vào pháp tánh.

-o0o-

Bồ tát nào đầy đủ các hạnh loại và tướng mạo như vậy thì được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

-o0o-

KINH:

Phật dạy tiếp: Nay Tu Bồ Đề! Ác ma đến trước Bồ tát bất thối chuyển, hóa tác ra 8 cảnh đại địa ngục, trong mỗi địa ngục đều có vô số Bồ tát đang bị thiêu đốt, nung nấu, vô cùng đau khổ. Rồi ác ma nói với Bồ tát rằng: Đây toàn là những vị Bồ tát bất thối chuyển, đã được Phật thọ ký mà nay cũng phải bị đọa. Dù ngài có được Phật thọ ký bất thối chuyển thì rồi cũng sẽ phải bị đọa vào đây thôi. Thế nên ngài hãy mau xả bỏ tâm Bồ tát, ngài sẽ chẳng còn bị đọa địa ngục, mà còn sẽ được sanh lên cõi trời.

Bồ tát bất thối chuyển thấy nghe như vậy mà tâm vẫn

chẳng sợ hãi, chẳng động, chẳng nghi, vì tự nghĩ rằng: Đã vào được Bất Thối Chuyển địa rồi thì chẳng bao giờ còn đọa vào địa ngục nữa.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến trước Bồ tát bất thối chuyển nói rằng: Hãy xả bỏ việc phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, xả bỏ lối tu tập 6 pháp Ba-la-mật, xả bỏ lối hồi hướng tất cả thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề, rồi tôi sẽ vì ngài nói lên pháp chân thật của Phật. Vì sao? Vì chỗ ngài nghe biết từ trước đến nay chẳng đúng theo lời Phật dạy, chỗ tôi sẽ nói mới thật là Phật pháp.

Nếu chưa được Phật thọ ký, chưa được bất thối chuyển mà nghe nói như vậy ắt sẽ sanh tâm sợ hãi.

Thế nhưng, Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy mà tâm vẫn chẳng sợ hãi, chẳng động, chẳng nghi, lại còn tùy thuận hành trì theo pháp: “Vô y chỉ”, “Vô tác”, “Vô sanh”, chẳng tin theo lời nói ấy. Ví như đối với vị lậu tận A-la-hán, ác ma chẳng có thể lay chuyển được cũng như vậy. Bồ tát bất thối chuyển do đã thấu rõ thật tướng pháp, nên khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến khi thật hành Vô Thượng Bồ Đề đều chẳng tin theo lời người khác, nên ác ma chẳng có thể lay chuyển được.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi đã quyết định trú nơi Bất Thối Chuyển địa rồi thì chẳng còn tin theo lời người khác, dù đó là của Phật cũng chẳng liền tin, huống nữa là lời của hành Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến của ác ma, ngoại đạo. Vì sao? Vì chẳng thấy có pháp nào có thể tin theo, chẳng thấy có sắc... dẫn đến chẳng thấy có Vô

Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có sắc như... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề như.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến trước Bồ tát bất thối chuyển nói rằng: Pháp mà ngài đang hành là pháp sanh tử, chẳng phải là Nhất thiết chủng trí, ngài phải tu tập để tận thân dứt tận các khổ ngay ở đời này.

Thế rồi ác ma dùng thế gian hạnh mà thuyết “tợ đạo pháp”, như thuyết về Sơ thiên... dẫn đến thuyết về Phi Phi Tướng Xứ định, khuyên Bồ tát nên dùng đạo hạnh này để chứng 4 quả Thanh Văn, khiến dứt được các khổ ở hiện đời, lại nói với Bồ tát rằng: Vì sao ngài cứ phải chìm đắm mãi trong sanh tử, khổ đau để làm gì? Thân 4 đại là cội nguồn của khổ đau, sao ngài lại còn muốn thọ thân 4 đại này ở đời sau nữa?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy đã chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng nghi, mà còn hoan hỷ dấy niệm rằng: Vì Tỷ-kheo này làm lợi ích cho ta chẳng phải ít vậy. Ông đã vì ta nói lên những “chương đạo pháp”, nhờ vậy mà ta liễu thông được cả 3 thừa đạo.

Ác ma biết được tâm niệm của Bồ tát liền sanh tâm hoan hỷ, nói với Bồ tát rằng: Ngài biết chẳng, có đại Bồ tát đã từng cúng dường hằng sa đức Phật, đã thường theo chư Phật nghe pháp, đã thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến thường tu tập đại từ, đại bi đúng theo như lời Phật dạy, mà vẫn chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy ngài làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy đã chẳng kinh,

chẳng sợ, chẳng nghi, mà còn hoan hỷ đầy niệm rằng: Vị Tỷ-kheo này làm lợi ích cho ta chẳng phải ít vậy. Ông đã vì ta nói lên những “chứng đạo pháp”. Theo các chứng đạo pháp đó mà tu tập, thì Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật, đạo còn chẳng được hưởng nữa là được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ ác ma biết rõ Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi nên liền hóa ra nhiều vị Tỷ-kheo và nói với Bồ tát rằng: Tất cả các vị Tỷ-kheo này đều phát tâm cầu Phật đạo, đều an trú nơi Bát Thối Chuyển địa. Thế nhưng, các vị ấy cũng chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, ngài làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy, liền tự niệm rằng: đây chính là ác ma hiện ra nói tương tợ đạo pháp. Ta quyết chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Ta thật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến thật hành Nhất thiết chủng trí, lẽ nào mà chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề sao?

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải y theo lời Phật dạy mà tu tập chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng xa rời Nhất thiết chủng trí, trọn chẳng thối tâm Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát lại biết rõ các ma sự làm thối tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chuyển nói pháp gì, mà được gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi thức tướng mà chuyển; ở nơi 12 nhập tướng,

18 giới tướng, “dâm, nộ, si” tướng, tà kiến tướng, 4 niệm xứ tướng, Thanh Văn tướng, Bích Chi Phật tướng... dẫn đến Phật tướng mà chuyển. Do vậy mà được gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao? Vì do dụng pháp “tự tướng không”, mà Bồ tát vào được Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn, nên chẳng thấy có pháp nào là khả đắc (có thể được), là khả tác (có thể làm ra) cả. Bồ tát biết rõ các pháp là vô đắc, vô tác, nên cũng biết rõ các pháp là vô sanh, mà được vô sanh pháp nhẫn vậy.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Nếu ác ma đã biết tâm Bồ tát kiên cố, bất thối chuyển rồi, thì vì sao còn khởi ác tâm phá hoại nữa? Vì sao còn hóa hiện ra cảnh đại địa ngục để làm lay chuyển tâm Bồ tát? Vì sao còn hóa ra cảnh những người tu tập thiện pháp mà phải đọa vào địa ngục?

Đáp: Vì ác ma biết rõ Bồ tát phát đại thệ nguyện thay chúng sanh thọ khổ, nên mới hóa ra cảnh Bồ tát thọ khổ ở địa ngục, nhằm lay chuyển tâm Bồ tát, và khuyên Bồ tát nên hành các thiện pháp, tu phước, để được sanh lên cõi trời hưởng lạc thú. Có như vậy mới khiến Bồ tát xả đi nguyện đối với chúng sanh.

Bồ tát nào nghe thấy như vậy mà động tâm tin theo lời của ma nói, thì Bồ tát ấy chưa được thọ ký bất thối chuyển.

Trái lại, Bồ tát nào nghe thấy như vậy, mà tâm chẳng động, chẳng sợ, chẳng kinh, thì Bồ tát ấy đã được thọ ký bất thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ tát ấy tự niệm rằng: Vào Bất

Thối Chuyên địa là vào nơi thật tướng pháp, chẳng còn trú chấp các pháp tướng nữa; do vậy mà tội nhỏ còn chẳng mang hưởng nữa là phải đọa vào ba đường ác.

-o0o-

Lại có ác ma giả làm thân Tỳ-kheo, đến nói với Bồ tát rằng: Pháp của ông nghe và hành trì từ trước đến nay chẳng phải là thật pháp, chẳng đúng theo lời Phật dạy. Ông hãy xả bỏ hết các pháp đó đi, và nghe theo tôi, tôi sẽ vì ông lên pháp chân thật của Phật.

Bồ tát nào nghe nói như vậy mà động tâm, tin theo lời của ma nói, thì Bồ tát ấy chưa được thọ ký bất thối chuyển. Chỉ ví như loại vàng giả nung vào lửa là liền trở thành đen.

Trái lại, Bồ tát nào nghe như vậy mà tâm chẳng động, chẳng sợ, chẳng kinh, chẳng nghi thì Bồ tát đã được thọ ký bất thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ tát ấy nghe như vậy, mà vẫn tùy pháp vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác, tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nên chẳng tin theo lời nói của ác ma vậy.

Hàng Thanh Văn Tiểu Thừa khi đã được “lậu tận A-la-hán” rồi, thì ác ma chẳng thể phá hoại được. Bồ tát bất thối chuyển đã rõ được thật tướng pháp là vô tướng, nên dù ác ma hiện thân Phật, đến nói các sự việc, khác với thật tướng pháp thì Bồ tát vẫn chẳng tin theo. Ví như chó đội lột sư tử chỉ có thể làm cho các thú rừng sợ hãi, khi vừa thoáng thấy lúc ban đầu. Thế nhưng khi các thú đã nghe rõ tiếng sủa, biết rõ đó chẳng phải là sư tử thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Trên đây Phật dạy các nhân duyên Bồ tát chẳng còn y chỉ nơi lời nói của người khác mà sanh sợ hãi, vì đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không cả.

Lại có ác ma giả làm thân Tỷ-kheo đến nói với Bồ tát rằng: 6 pháp Ba-la-mật đều là những pháp sanh diệt. Tu bố thí, tu thiên định chỉ dẫn sanh lên cõi trời Dục giới để thọ lạc; còn Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng. Tất cả các pháp ấy đều chỉ là pháp hư vọng xoay vần quanh quẩn trong vòng sanh tử. Ta khuyên ông hãy thủ chấp Niết bàn, đời đời thoát khỏi các khổ. Vì sao ông cứ mãi trú trong sanh tử?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy, sanh tâm hoan hỷ, tự niệm: Vị Tỷ-kheo này đem lại lợi ích cho ta. Nhờ người ấy mà ta biết được “tợ đạo pháp”, khiến ta có thể nhận chân được chánh đạo vậy.

Ví như người dẫn đường cần biết đường chánh và các đường rẽ, chẳng hề lầm lẫn; Bồ tát cần biết rõ các “chướng đạo”, nên chẳng cùng với ác ma tranh luận. Vì sao? Vì biết rõ các “chướng đạo” là điều rất quý, giúp Bồ tát nhận chân được chánh đạo vậy.

Ác ma thấy Bồ tát giữ im lặng tưởng rằng Bồ tát đã hoan hỷ tin theo mình, bèn nói với Bồ tát rằng: Có vô số lượng Bồ tát đã cúng dường hằng sa đức Phật, đã thưa hỏi và phụng hành 6 pháp Ba-la-mật, đã tinh tấn thật hành Bồ tát đạo, mà chỉ thành bậc A-la-hán, chẳng sao có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Ông muốn tận mắt trông thấy các vị đó chăng?

Tức thì ác ma hóa tác ra vô số Tỷ-kheo A-la-hán đến nói với Bồ tát rằng Tỷ-kheo chúng tôi đã lâu đời tu hành Vô Thượng đạo mà đến nay vẫn chỉ trú A-la-hán địa. Vì sao ông lại muốn làm Phật?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy sanh tâm hoan hỷ, tự niệm: Vị Tỷ-kheo này đem lại đại lợi ích cho ta. Nhờ người đó mà ta biết được các “tợ đạo pháp” và “chướng đạo pháp” khiến ta có thể nhận chân được “chánh đạo”. Đã thật thành

6 pháp Ba-la-mật, thì nhất định chẳng có thói chuyên, chẳng lạc về Nhị thừa địa nữa.

-o0o-

Do biết rõ các ma sự nên Bồ tát được đại lợi ích, chẳng hề bị tổn pháp, khiến tâm bồ đề được kiên cố, chẳng hề thói chuyên.

Vị Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như đã nêu trên đây được gọi là bậc Bồ tát bất thói chuyên, cũng gọi là Bồ tát A Bệ Bạt Trí.

-o0o-

Đến đây ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ tát chuyển nơi pháp gì mà được gọi là Bồ tát bất thói chuyên?

Phật dạy: Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển, thì được gọi là “bất thói chuyên”.

Thế nào gọi là “Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển”?

Đó là ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà hành “pháp tánh không”. Do hành pháp tánh không, nên được “vô sanh pháp nhẫn”. Ở nơi đây chẳng còn có pháp nào là khả đắc; hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến vi tế pháp cũng đều là bất khả đắc cả.

Khi đã được “vô sanh pháp nhẫn” rồi, thì chẳng có tác “vô tác” cũng chẳng có khởi “vô khởi” các nghiệp báo nữa.

Tu hành được như vậy gọi là được “vô sanh pháp nhẫn”.

Bồ tát được “vô sanh pháp nhẫn” được gọi là Bồ tát bất thói chuyên, cũng được gọi là Bồ tát A Bệ Bạt Trí.

Phẩm Thứ Năm Mười Sáu



Chuyên, Bất chuyên
(Chuyên & Chẳng chuyên)

KINH:

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma muốn phá hoại tâm Bồ tát, đến chỗ Bồ tát nói rằng:

Nhất thiết chúng trí cùng với hư không bình đẳng, nên là chẳng có tướng; các pháp cùng với hư không bình đẳng, nên là chẳng có tướng.

Vì các pháp cùng với hư không bình đẳng, là không tướng, là vô sở hữu tướng (chẳng có tướng), nên ở trong đó chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ông cần khổ, siêng năng tu tập cầu Vô Thượng Bồ Đề như vậy chỉ hoài công vô ích, vì đó chỉ là ma sự, chẳng phải là lời Phật dạy. Ông nên xả bỏ tâm nguyện ấy đi, chớ nên mãi chuốc lấy khổ não, lo âu, chớ nên ở mãi trong chỗ bất an ấy, mà phải đọa vào các đường ác. Lúc nghe những lời như vậy, Bồ tát phải tự niệm rằng:

Đây là ác ma muốn phá hoại tâm Vô Thượng Bồ Đề của ta. Hết thấy các pháp đều là tự tướng không, đều là vô sở hữu tướng (chẳng có tướng), mà chúng sanh chẳng thấy, chẳng biết, chẳng hiểu. Ta dùng không tướng, vô sở hữu tướng, như hư không tướng, mà phát đại thế trang nghiêm cầu được Nhất thiết chúng trí, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp khiến họ được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào từ sơ phát tâm, nghe các pháp như vậy, mà vẫn giữ tâm kiên cố, chẳng động, chẳng chuyển, lại thường hành 6 pháp Ba-la-mật, thì phải biết Bồ tát ấy sẽ vào được Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì chẳng chuyển mà gọi là bất thối chuyển, hay vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng chuyển mà được gọi là bất thối chuyển, cũng vì chuyển mà được gọi là bất thối chuyển.

Vì sao?

Nếu Bồ tát ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chẳng bị chuyển, thì được gọi là Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, nếu Bồ tát ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chuyển được các bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì cũng được gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu Bồ tát nào mà có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma chẳng có thể phá hoại được tâm Bồ tát bất thối chuyển, chẳng có thể khiến Bồ tát bất thối chuyển xa lìa Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên Bồ tát muốn nhập Sơ Thiên... dẫn đến muốn nhập Diệt Tận Định đều được tự tại; muốn tu 4 niệm xứ... dẫn đến muốn tu 8 thánh đạo; muốn tu các tam muội “không, vô tướng và vô tác”... dẫn đến muốn tu 5 thần thông cũng đều được tự tại, dù thường được tự tại như vậy, nhưng Bồ tát chẳng thủ pháp 4 niệm xứ, chẳng thủ các thiên vị... dẫn đến chẳng thủ các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, cũng chẳng thủ Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ tát này chỉ vì

chúng sanh mà thọ thân, vì chúng sanh mà thị hiện đến các cảnh giới nhằm làm lợi ích cho họ.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường niệm Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xả ly Tát Bà Nhã tâm. Vì trọn chẳng xả ly Tát Bà Nhã tâm, nên Bồ tát này chẳng quý sắc, chẳng quý tướng, chẳng quý quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng quý 6 pháp Ba-la-mật, chẳng quý 4 thiên, 4 vô lượng tâm... dẫn đến chẳng quý 5 thần thông, chẳng quý 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng quý 8 thánh đạo, chẳng quý 10 Phật lực... dẫn đến chẳng quý 18 bất cộng pháp, chẳng quý thành tựu chúng sanh, chẳng quý thanh tịnh Phật độ... dẫn đến chẳng quý thấy Phật, chẳng quý gieo trồng thiện căn. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tướng không, đều là vô sở hữu tướng nên chẳng thấy có pháp nào đáng quý, khiến phải sanh tâm quý.

Bồ tát bất thối chuyển thành tựu tâm như vậy, nên ở nơi 4 oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi”, Bồ tát này đều nhất tâm bất loạn. Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển ở tại gia, thị hiện thọ 5 dục lạc, để phương tiện hành bố thí làm lợi ích cho chúng sanh, người cần ăn cho ăn, người cần uống cho uống, người cần y phục thuốc men, cho y phục thuốc men... dẫn đến người cần những vật gì khác đều cung cấp đầy đủ. Như vậy, Bồ tát này tự mình hành Đàn Ba-la-mật, dạy người khác hành Đàn Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người hành Đàn Ba-la-mật. Đối với 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, Bồ tát này thường tu phạm hạnh, chẳng hiệp đáp, chẳng khinh chê người khác, cũng chẳng cướp giết của người khác, làm cho họ phải phiền lo.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường được Cháp Kim Cang Thần theo hộ vệ và tự nguyện rằng: Bồ tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên ta phải thường ở bên thủ hộ, khiến các thiên ma, các người có thể lực ở thế gian chẳng có thể phá hoại được. Lại nữa, Bồ tát này thường chẳng ly Tát Bà Nhã tâm... dẫn đến chẳng ly Vô Thượng Bồ Đề tâm, thường đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” là bậc thượng nhơn, chẳng phải là kẻ hạ nhơn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bậc thượng nhơn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào nhất tâm hành Vô Thượng đạo mà tâm chẳng tán loạn, thì phải biết đó là bậc đại nhơn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này nhất tâm niệm Phật đạo, thường hành tịnh mạng, nên chẳng dùng chú thuật pha trộn thuốc men để trị bệnh, chẳng dùng phù chú để sai khiến quỷ thần nhập vào thân nam hoặc thân nữ, nhằm hỏi các việc lành dữ, phước lộc, sống chết v.v... Vì sao? Vì biết rõ hết thấy pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có định tướng nên Bồ tát này chẳng hành tà mạng, mà chỉ hành chánh mạng.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Nên biết “Nhất thiết chủng trí” có nhiều tên gọi khác nhau. Có thể gọi là “Tát Bà Nhã”, là “Vô Lượng Phật pháp”, là “Bồ Đề” v.v...

Vì Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề nên hết thầy chư Bồ tát đều phát đại thệ nguyện đến Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên ác ma mới hiện thân Tỷ-kheo đến chỗ Bồ tát thuyết rằng: Nhất thiết chủng trí cùng với hư không bình đẳng, là không, là vô sở hữu. Bồ tát là không, là vô sở hữu, chỉ ví như hư không, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có thể hay biết được. Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy, cũng cùng với hư không bình đẳng. 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chỉ là những pháp trợ đạo.

Các pháp ấy đều rất ráo là không, là vô sở hữu tướng, đều chỉ có ở nơi danh tự, cho nên chẳng có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ông chẳng nên phí sức chịu cần khổ để cầu Vô Thượng Bồ Đề. Thầy của ông dạy ông phải xả ly ma sự, mà nguyện cầu được Vô Thượng Bồ Đề của ông chính là ma sự vậy. Vì sao ông chẳng thủ Niết bàn? Vì sao ông lại xả ly Niết bàn để thủ chấp lấy sanh tử? Các kinh mà ông học về nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật chẳng phải đúng theo lời Phật dạy, đó chỉ do người tạo lập ra, ông hãy mau mau xả bỏ tâm Tát Bà Nhã, tâm cầu được Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm ấy làm cho ông chẳng được an ổn, dẫn ông vào 3 đường ác.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, biết rõ đó là lời ma hủy báng nhằm xúi dục xa lìa Vô Thượng đạo.

Bồ tát biết hết thầy pháp đều là không, là vô sở hữu tướng, nhưng chẳng phải như lời ngụy biện của ác ma.

Bồ tát biết rõ rằng chúng sanh do vô minh điên đảo che tâm, khiến chẳng biết, chẳng hiểu được thật nghĩa của pháp “không”. Bồ tát nguyện tự trang nghiêm Tát Bà Nhã tâm, để vì chúng sanh nói pháp. Bồ tát nói với chúng sanh rằng: Hết thấy pháp là không, là vô ngã, là thật trang nghiêm. Hết thấy pháp là không, thì trang nghiêm đó cũng là không, như vậy mới là tương ưng.

Bồ tát vì chúng sanh nói pháp như vậy, dẫn dắt chúng sanh tu tập để được 4 quả Thanh Văn, tận đoạn các kiết sử, ngộ được vô vi pháp, vào được 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, mà vẫn tương ưng với hữu vi pháp, ở nơi 3 giải thoát môn mà chẳng chấp vô vi cùng hữu vi, chẳng dấy tâm phân biệt các pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sanh tướng, vô trú tướng, vô diệt tướng, đều là tánh không cả. Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

-o0o-

Bồ tát bắt thối chuyển từ sơ phát tâm vẫn giữ tâm kiên cố, bất động, bất chuyển, khiến các mũi tên phiền não chẳng chạm đến tâm.

Bởi vậy nên các ác ma dù dùng lời lẽ xảo quyệt để phủ dụ cũng chẳng sao có thể lay chuyển được tâm Bồ tát.

Bồ tát dụng tâm “kiên cố, bất động, bất chuyển” tu tập 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị thẳng tiến đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng hề lùi sụt, nên được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì chuyển mà

được gọi là bất thối chuyển hay vì bất chuyển mà được gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chuyển mà được gọi là bất thối chuyển, cũng vì bất thối chuyển mà được gọi là bất thối chuyển.

Lời dạy của Phật có nội dung sau đây:

- Nói “chuyển” là nói về thế đế. Ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa mà Bồ tát chuyển được tâm của chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, đưa họ vào Bồ tát vị.

- Nói “bất chuyển” là nói về đệ nhất nghĩa đế. Ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa mà Bồ tát vẫn giữ được tâm kiên cố, bất động của vị Bồ tát đã vào Bồ tát vị.

Lại nữa, hết thảy các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng, cho nên chẳng có thừa nào là định tướng cả. Như vậy là ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì cả 3 thừa đều chẳng có phân biệt (vô phân biệt), cho nên cũng chẳng có chuyển (vô sở chuyển) vậy.

Bồ tát bất thối chuyển tuy hành pháp ở cõi Dục để độ chúng sanh, nhưng vẫn luôn luôn tự tại ra vào các thiên định. Muốn giáo hóa hạng chúng sanh nào, thì Bồ tát hiện hành đúng theo hướng tâm của họ. Tâm Bồ tát thanh tịnh, nhu nhuyễn, chẳng thọ phước báo ở cõi trời Trường Thọ Thiên, thường phát tâm tu 4 niệm xứ mà chẳng chứng các quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng chứng quả Bích Chi Phật.

Bồ tát quán khắp các quốc độ ở trong 10 phương, biết cảnh giới nào có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh, thì thị hiện thọ thân ở nơi đó để hành Bồ tát đạo.

Bồ tát luôn luôn nhất tâm niệm Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng quý các pháp khác.

Lại nữa, vì Bồ tát chẳng xả bỏ nguyện lợi sanh, nên

chẳng quý quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát thường dụng tâm “vô sở đắc” khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, nên đối với Bồ tát thì bố thí, trì giới... dẫn đến gieo trồng thiện căn còn chẳng quý, huống nữa là 5 dục lạc cùng các lợi dưỡng ở thế gian. Vì sao? Vì quán hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên Bồ tát chẳng thấy có pháp nào đáng quý cả.

Cũng nên biết rằng người thế gian do tham và quý của mà khởi động tâm muốn chiếm giữ, nếu chẳng giữ được thì sẽ khởi sanh phiền não. Bồ tát chẳng tham, chẳng quý nên tâm thường thanh tịnh, bất động. Do vậy mà thân hành và khẩu hành của Bồ tát vẫn thường nhu nhuyễn, an hòa, khiến ở nơi 4 oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi” Bồ tát vẫn thường nhất tâm bất loạn, chẳng hề có lỗi lầm.

Hỏi: Trong kinh nói Bồ tát phương tiện thọ 5 dục lạc để làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy, Bồ tát dùng những phương tiện gì khi ở trong 5 dục lạc?

Đáp: 5 dục là lửa thiêu đốt chúng sanh, nên Bồ tát thệ nguyện vào trong 5 dục để dùng phương tiện độ thoát chúng sanh.

Khi đã đầy đủ thiện căn công đức rồi, Bồ tát tự niệm rằng: Nếu ta xuất gia thì với một thân ta chẳng làm thế nào để nhiếp độ hết thấy chúng sanh được. Trong lúc đó thì có vô lượng chúng sanh trong các loài cần đến sự giúp đỡ của ta.

Vì phát tâm từ như vậy nên Bồ tát thị hiện sanh vào nhà phú quý, để có đủ các phương tiện thật hành hạnh bố thí. Ở tại gia, thì bố thí tài vật, khi xuất gia thì bố thí pháp. Tâm Bồ tát mênh mông vô lượng, ví như cánh đồng rộng, đầy đủ hoa màu, đem lại sự lợi ích cho người và cho chim thú vậy.

Người xuất gia hành 6 pháp Ba-la-mật, tán thán bố thí,

thường bị người đời chê rằng: Vị tu sĩ ấy chỉ có một thân, một mình, chẳng có tài vật gì để bố thí, mà lại dạy người bố thí, như vậy chỉ là nói suông, chẳng ích lợi gì. Làm sao có thể tin được.

Bởi nhân duyên vậy, nên để làm trợ đạo pháp cho hàng xuất gia hành pháp thí, Bồ tát đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thị hiện sanh vào nhà phú quý, ở tại gia, hành bố thí đúng như pháp, khiến nhiều người tín thọ. Có khi Bồ tát thị hiện làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, đem tài vật bố thí cho cả cõi Diêm Phù Đề, có khi thị hiện làm Đánh Sanh Vương có của cải tùy ý để bố thí, có khi thị hiện làm Đế Thích, Phạm Vương rưới mưa báu đầy khắp cõi đại thiên thế giới để cúng dường chư Phật.

Bồ tát chỉ muốn làm cho chúng sanh được sung mãn, nhưng tự mình chẳng có tham đắm 5 dục lạc. Vì sao? Vì thủ thọ 5 dục lạc khiến tâm sanh kiêu mạn, khinh chê người khác. Nếu đoạn trừ được dâm dục, thì tâm sẽ ít sanh phiền não, ít bị chìm đắm.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Khi Bồ tát vào được vô sanh pháp nhẫn, vào được Bồ tát vị, thì sẽ được Phật thọ ký. Lúc bấy giờ Bồ tát được Chấp Kim Cang Thần thủ hộ. Lại nữa, khi Bồ tát quyết định được Phật đạo, thì các vị Thần tự phát nguyện: Nếu có ai xâm tổn đến Bồ tát, thì chúng tôi sẽ dùng thần lực phá tan ý đồ phá hoại của họ.

Hỏi: *Nếu nói Bồ tát được Kim Cang Thần thường theo để thủ hộ, thì như vậy xét riêng Bồ tát đâu có oai lực gì?*

Đáp: Bồ tát tự mình có đầy đủ công đức và có oai lực lớn, nên mới được Kim Cang Thần Vương theo bên để thủ hộ.

Ví như người chẳng có đôi mắt và 5 thức căn, thì chẳng khác gì loài cây đá, phải nhờ 5 thức căn mới có thể thấy nghe, hay biết được.

Cũng như vậy, Bồ tát có đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” nên có oai đức rất lớn, nên phàm phu chẳng thể nào tin hiểu được.

Hỏi: Trong kinh A Tỳ Đà có nói: Người nào thành tựu được 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” thì chẳng mất thiện căn.

Như vậy thì hàng phàm phu đoạn mất thiện căn chăng?

Đáp: Chúng sanh chẳng mất thiện căn, mặc dù dụng của 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” chưa phát khởi. Ví như đứa bé cũng đã có sẵn tâm dâm dục, nhưng chưa phát dụng vậy thôi.

-o0o-

Nói về 5 căn, phải nên phân biệt có 2 trường hợp:

- Trường hợp Thanh Văn và Bích Chi Phật.
- Trường hợp Bồ tát và Phật.

Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thâm tín Niết bàn, nên thường dùng trí huệ quán thế gian là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Còn Bồ tát thâm tín từ bi tâm, nên dù ở nơi cảnh giới của chúng sanh mà vẫn thường quán thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Tuy chưa làm Phật mà thường tín thọ các Phật sự. Có Bồ tát căn thì mới có thể thấy nghe, hay biết các thần thông lực của chư Phật. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có được như vậy.

Trong kinh “*Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát*” có nói: Các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề... tuy ở gần bên

Phật, nhưng vì chưa có Bồ tát căn, nên chẳng nghe được Phật thuyết kinh ấy cho hàng Bồ tát nghe.

Bởi vậy nên nói Bồ tát có đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

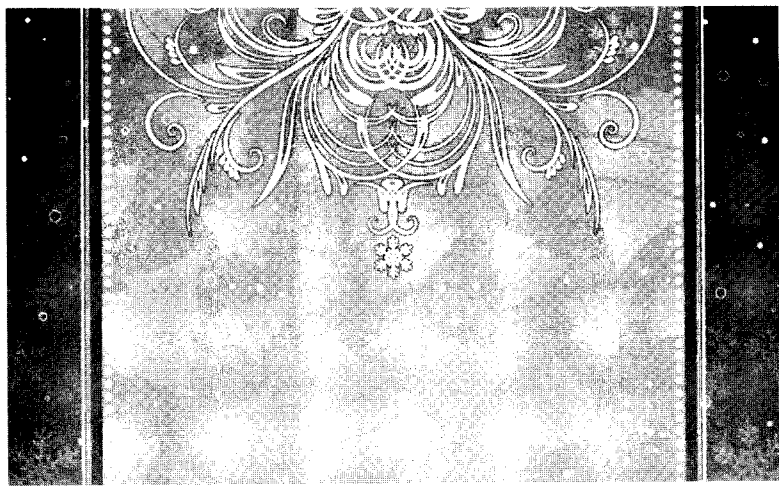
Hỏi: Trong các kinh đều nói thiện nam, thiện nữ nào giữ được “thân, khẩu, ý” thanh tịnh, thường biết ơn và báo ơn, thường vì chúng sanh xả thân mình để cho chúng sanh được an vui, thường làm lợi ích cho chúng sanh mà chẳng cầu báo, rất xứng đáng được gọi là bậc thượng nhân. Nay vì sao chỉ nói người nhất tâm bất loạn, hành vô thượng đạo mới là bậc thượng nhân?

Đáp: Phật dạy “Nhất tâm bất loạn là đã thủ nhiếp hết thảy các thiện pháp rồi. Vì sao? Vì chỉ nhất tâm bất loạn cầu Phật đạo là đã tiêu trừ sạch các phiền não.

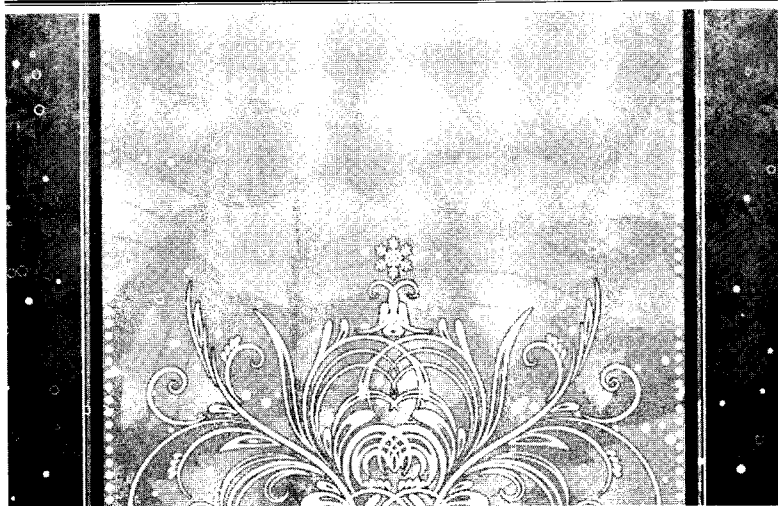
Bồ tát do thâm ái chúng sanh mà đem thân mình bỏ thí làm lợi ích cho chúng sanh, lại vì thường nhất tâm bất loạn niệm Vô Thượng Bồ Đề, nên thường trì giới thanh tịnh, chẳng hành tà mạng, chẳng làm bùa phép, chú thuật, chẳng cầu tài lợi, danh vọng.

Bởi vậy nên dù có người muốn biết các việc vị lai tốt hay xấu, muốn biết mình sẽ sanh con trai hay con gái, muốn biết thọ mạng của mình dài hay ngắn, muốn hỏi về các việc lành hay dữ, vui hay khổ, hơn hay thua v.v.... thì Bồ tát cũng chỉ tác hành nhằm nhiếp độ họ, phá trừ tâm xan tham, tâm kiêu mạn nơi họ mà thôi. Bồ tát làm như vậy chẳng phải vì tài lợi, danh vọng. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, chẳng thấy có các pháp tướng phân biệt, chẳng thấy có tướng nam, nữ, xấu, tốt... cho nên chẳng bao giờ Bồ tát hành tà mạng cả.

(Hết quyển 73)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 74



Phẩm Thứ Năm Mười Sáu (TIẾP THEO)



Chuyên, Bất chuyên (tiếp theo)

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Nay ta sẽ nói về hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển. Ông hãy nhất tâm lắng nghe.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường chẳng xa lìa Vô Thượng Bồ Đề, nên:

- Chẳng ưa nói các sự việc về 5 ấm, 12 nhập, 18 giới? Vì thường quán 5 ấm, 12 nhập, 18 giới là tự tướng không.

- Chẳng ưa nói các sự việc về vua quan. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không, nên chẳng thấy có cao hạ, có sang hèn.

- Chẳng ưa nói các sự việc về trộm cướp. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có được, có mất.

- Chẳng ưa nói các sự việc về đấu tranh, giặc giã. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không, nên chẳng thấy có thương, có ghét.

- Chẳng ưa nói các sự việc về phái nữ. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có đẹp, có xấu.

- Chẳng ưa nói các sự việc về tụ lạc, thành ấp, xóm làng. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có hợp, có tan.

- Chẳng ưa nói về quốc sự. Vì sao? Vì an trú nơi thật tế nên chẳng thấy có gì hệ thuộc nơi đó, hay chẳng hệ thuộc nơi đó.

- Chẳng ưa nói các sự việc về thành bại. Vì sao? Vì an trú nơi thật tế, nên chẳng thấy có hơn, có thua.

- Chẳng ưa nói các sự việc về chính mình. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tánh, nên chẳng thấy có ngã, có vô ngã... dẫn đến chẳng thấy có tri giả, có kiến giả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng ưa nói các sự việc thế gian, mà chỉ ưa nói Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm.

Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật nên chẳng có xan tham, hành Thi La Ba-la-mật nên chẳng có phá giới, hành Săn Đề Ba-la-mật nên chẳng có sân nhuế, hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật nên chẳng có giải đãi, hành Thiên Na Ba-la-mật nên chẳng có tán loạn, hành Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng có ngu si.

Bồ tát tuy hành tất cả các pháp không, nhưng vẫn ưa chánh pháp và mền chánh pháp, tuy hành pháp tánh, nhưng vẫn tán thán bất hoại pháp, vẫn mền chư thiện tri thức, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát và chư Phật, là những vị đã giáo hóa mình, dẫn dắt mình đến Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thường nguyện được thấy chư Phật, nên khi nghe ở quốc độ nào có Phật, là liền nguyện vãng sanh về cõi nước đó, để ngày đêm thường được niệm Phật.

Bồ tát thường ở trong định, từ Sơ thiền... dẫn đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng định, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật phá hủy dục giới tâm, vì biết rõ ở đâu có chúng sanh tu tập 10 thiện đạo là ở nơi đó có Phật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú nơi nội không... dẫn đến nơi vô pháp hữu pháp không, an trú nơi 4 niệm xứ... dẫn đến nơi 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Ở nơi tự địa của mình, Bồ tát tự biết rõ, chẳng chút nghi ngờ rằng mình là, hay mình chẳng phải là bậc bất thối chuyển. Vì sao? Vì ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát chẳng thấy có pháp chuyển hay bất chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người được quả Tu-đà-hoàn, an trú nơi tự địa của mình tự biết rõ ràng, chẳng chút nghi ngờ gì cả. Cũng như vậy, Bồ tát bất thối chuyển an trú nơi tự địa của mình, tự biết rõ ràng, chẳng chút nghi ngờ gì cả.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người phạm tội “ngũ nghịch” thì tâm tội đó chẳng bao giờ rời bỏ người ấy, dù đến chết cũng chẳng thôi dứt được. Cũng như vậy, Bồ tát an trú trong bất thối chuyển địa thường giữ tâm bất động, chẳng gì lay chuyển được. Tất cả các hàng trời, người, A-tu-la, ở trong khắp 3 cõi chẳng có thể làm lay động tâm Bồ tát được. Vì sao? Vì Bồ tát này vượt lên trên tất cả hàng Trời, người và a-tu-la, vào chánh pháp vị, an trú nơi bất thối chuyển địa, đầy đủ các lực thần thông, thường thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Bồ tát này lại chu du khắp 10 phương, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để gieo trồng thiện căn, tìm gặp chư thiện tri thức, thân cận và thưa hỏi chư Bồ tát và chư Phật. Bồ tát này an trú như vậy nên khi có ma sự dậy khởi liền hay biết, chẳng tùy theo ma sự, mà lại dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đặt ma sự vào nơi pháp tánh thật tế, tự chúng

giải thoát cho chính mình. Vì sao? Vì ở nơi pháp tánh thật tế chẳng có nghi tướng, thật tế là chẳng phải một, chẳng phải hai. Bởi vậy, nên khi chuyển thân, Bồ tát này vẫn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Ở nơi các pháp tự tướng không, Bồ tát này chẳng thấy có pháp sanh hay diệt, cũng chẳng thấy có pháp cấu hay tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chuyển thân mà trọn chẳng chút nghi ngờ rằng mình sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp tự tướng không đó cũng chính là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng nghe theo lời người khác, nên chẳng ai có thể phá hoại được. Vì sao? Vì Bồ tát này đã thành tựu được trí huệ bất động.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến nói với Bồ tát rằng: Ông nên tu chứng quả vị A-la-hán. Ông chưa được vô sanh pháp nhẫn, chẳng có thể được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề đâu.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, trọn chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, cũng chẳng nghi mà quyết định tự biết là mình sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát tự niệm rằng: Trong quá khứ chư Bồ tát đã tu pháp như vậy mà đã được thọ ký, nay ta tu pháp như vậy ắt sẽ được thọ ký vậy.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến thọ ký quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật cho Bồ tát.

Bồ tát bất thối chuyển thấy như vậy, liền tự niệm rằng: Đây là ma giả hiện thân Phật để tác pháp như vậy.

Chư Phật chẳng bao giờ khuyên Bồ tát xả ly Vô Thượng Bồ Đề để an trú nơi các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ tát mà nói rằng: Kinh sách mà ông học bấy lâu nay chẳng phải là do Phật thuyết ra.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, liền tự niệm rằng: Đây là ma giả hiện thân Phật đến bảo ta xả ly Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát này đã được chư Phật quá khứ thọ ký, đã an trú trong Bất Thối Chuyển địa. Vị Bồ tát này khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thường hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, tự niệm rằng: Ta hộ trì chánh pháp của một đức Phật là hộ trì chánh pháp của 10 phương 3 đời chư Phật. Bởi vậy nên ta phải xả thân làm các việc lợi ích cho chúng sanh, chẳng nên tiếc thân mạng.

Này Tu Bồ Đề! Phật thuyết hết thảy pháp đều rất ráo không. Người vô trí chẳng hiểu được thâm diệu nghĩa, nên chẳng tin thọ, cho đó chẳng phải là lời Phật. Bồ tát hộ pháp “không” mà chẳng tiếc thân mạng, vì tự niệm rằng, vào đời vị lai ta cũng được thọ ký làm Phật. Pháp chân thật đó cũng chính là pháp của ta. Bởi vậy nên ta phải hộ trì pháp ấy mà chẳng tiếc thân mạng.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển vừa nghe Phật thuyết pháp, liền thọ trì, chẳng nghĩ, nghe xong là liền ghi nhớ, chẳng có quên sót. Vì sao? Vì đã được đà la ni vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát được đà la ni gì mà vừa nghe Phật thuyết là liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này được “Vấn trì đà la ni” nên nghe kinh pháp của ta liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát này chẳng nghĩ, chẳng quên kinh pháp của Phật dạy. Thế thì các kinh pháp của Thanh Văn và Bích Chi Phật, các lời nói của hàng Thiên Long Bát Bộ thì Bồ tát này nghĩ và quên chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do được “Vấn trì đà la ni”, nên khi nghe kinh pháp nào rồi, nghe lời nói nào rồi thì Bồ tát này liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót nữa.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Phật muốn nói rõ thêm về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, nên đã bảo ngài Tu Bồ đề hãy nhất tâm lắng nghe cho kỹ.

Bồ tát bất thối chuyển thường chẳng xa rời Vô thượng Bồ Đề, chỉ ưa tu tập pháp “không”, chẳng ưa nghe nói các sự việc về 5 ấm, về 12 nhập về 18 giới, chẳng ưa nghe nói các sự việc thế gian, như về vua quan, quyền thế, giặc giã...

Bồ tát biết rõ thế gian là vô thường là nhà lửa thiêu đốt

chúng sanh. Vì thương xót chúng sanh nên Bồ tát tự niệm: Ta chưa thành đạo chưa có đầy đủ các lực phương tiện để cứu độ chúng sanh, thì ta chớ nên buông lung, phóng tâm theo các việc thế gian, vô ích.

Bồ tát biết rõ hết thảy pháp đều là “không” là bất khả đắc, nên dù vẫn dùng 6 thức mà vẫn thường hướng về pháp “không”, thường hành và thường thuyết pháp “Không”. Bồ tát vẫn thường dụng tâm vô sở đắc, tu tập thiền định, trí huệ, hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát vẫn thứ lớp tu tập các pháp, trú trong pháp tánh không để phân biệt rõ các pháp, mà vẫn chẳng phá hoại các pháp tướng. Bồ tát chẳng chấp pháp tánh, nhưng vì thương xót chúng sanh, mà phân biệt nói có thiện pháp, có bất thiện pháp... Bồ tát vì chúng sanh nói rõ như vậy, mà vẫn tán thán thật tướng pháp bất hoại.

Vì muốn đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp tánh, nên Bồ tát vẫn thường an trú nơi thật tướng pháp tánh, thân cận với người có công đức, có trí tuệ, để tùy phương tiện đưa họ an trú nơi thật tướng pháp tánh.

Bồ tát tuy thường hằng ở trong thiền định, nhưng thương xót chúng sanh nên phát thệ nguyện, thị hiện sanh về cõi Dục, lưu hoặc, để độ thoát chúng sanh.

Bồ tát thông đạt nội ngoại không, mà chẳng chấp “không”. Do đã thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật nên Bồ tát vào được Bát Thối Chuyển địa.

-o0o-

Nên biết rằng, người chẳng thấy được chỗ chuyển và chỗ bất chuyển của các pháp thì mới sanh nghi tâm, trái lại, Bồ

tát đã thấy rõ chỗ chuyển và chỗ bất chuyển của các pháp rồi, nên chẳng sanh nghi tâm nữa.

Ví như người đi trong đêm tối, vừa thấy có bóng đen trước mặt đã nghi là có người đứng chặn đường mình. Trái lại, Bồ tát hành “vô tướng tam muội”, nên chẳng còn chấp tướng, chẳng khởi nghi tâm.

Phật nêu thí dụ hàng Thanh Văn, khi đã vào được sơ quả Tu-đà-hoàn, đã đoạn được 3 phần kiết sử, nên tự biết rõ là mình đã được vô lậu huệ, khiến ở nơi pháp Tứ Đế chẳng còn khởi nghi tâm nữa. Cũng như vậy, hàng Bồ tát bất thối chuyển đã vào được nơi thật tướng pháp, đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu xứ, nên chẳng còn khởi nghi tâm nữa.

Bồ tát an trú nơi thật tướng pháp, mà giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Tâm Bồ tát kiên cố, chẳng gì lay chuyển được, chẳng có ma sự gì có thể phá hoại được.

Phật nêu thí dụ người phạm tội “ngũ nghịch”, trọn đời bị tâm tội ấy ám ảnh, mãi cho đến khi chết cũng chẳng thôi dứt được. Cũng như vậy, Bồ tát khi đã vào nơi Bất Thối Chuyển địa rồi, thì tâm trở nên kiên cố, bất động, khiến hàng trời, người, A-tu-la chẳng có thể làm lay động được.

Bồ tát này dùng lực Bát nhã Ba-la-mật quán hết thấy pháp, ở nơi thật tướng, đều là nhất tướng, là vô tướng, quán thân mình như thân Phật, nên đời đời chẳng lạc về Nhị thừa địa.

Bồ tát này lại biết rõ là mình sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nên khi thấy ác ma giả hiện thân Phật đến thọ ký cho mình được quả Thanh Văn hay quả Bích Chi Phật, liền biết rõ đó chỉ là ma sự.

Bồ tát này lại biết rõ là mình đã được vô sanh pháp nhẫn,

đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, nên khi thấy ác ma giả hiện thân Phật đến khuyên vứt bỏ các kinh sách đã học bấy lâu nay, cho rằng đó chẳng phải là lời Phật dạy, thì cũng liền biết ngay đó là ma sự.

Bồ tát này, trong nhiều đời đã ái lạc Bát nhã Ba-la-mật, đã hộ trì thậm thâm pháp này, nên khi thấy có kẻ cuồng si manh tâm phá hoại, phỉ báng Bát nhã Ba-la-mật, liền thệ nguyện xả thân nhằm phá tán các tà kiến đó, đưa chúng sanh vào chánh đạo. Trên bước đường hành Bồ tát đạo, nếu bị kẻ tà kiến đến hành hung, giết hại, Bồ tát cũng nhẫn chịu, chẳng chút sợ hãi. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm hộ pháp, biết chắc đời sau mình sẽ được gặp Phật, nghe pháp, nên tự niệm rằng: Nếu vì lợi ích cho chúng sanh, vì hộ trì Phật pháp, mà ta phải xả bỏ thân mạng này, thì ta phải nên hoan hỷ nhẫn thọ. Chết như vậy thù thắng hơn là sống mà chẳng làm được lợi ích gì cho chúng sanh, chẳng hộ trì được Phật pháp.

Bồ tát này đã được “văn tri đà la ni”, nên khi nghe Phật thuyết pháp, cũng như khi nghe các lời nói của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, của các hàng Thiên Long Bát Bộ, đều liền ghi nhớ, chẳng có nghi, chẳng có quên sót.

-o0o-

Dựa theo lời dạy của Phật trên đây, nếu có vị Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: *Bồ tát thành tựu những pháp sự gì mới vào được Bất Thối Chuyển địa?*

Đáp: Kinh *A Tỳ Đàm* và luận *Tỳ Bà Sa* có nói: Bồ tát trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp tu tập mới vào được Bất Thối Chuyển địa.

Lại có thuyết nói: Phải như tiền thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thấy đức Phật Nhiên Đăng liền phát tâm cúng dường hương hoa và trải tóc để rước Phật đi qua, mới được thọ ký bất thối chuyển.

-o0o-

Các điều ghi trên đây mật ý nói rằng: Bồ tát nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, trú ở trong pháp không mà chẳng chấp không. Lại nữa, phải quán hết thấy pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất khứ, bất lai, bất nhất, bất dị, bất thường, bất đoạn, phi hữu, phi vô. Lại nữa, phải dùng trí huệ quán, phải phá sanh diệt quán, phá vô thường quán; ở nơi bất sanh, bất diệt cũng chẳng chấp, chẳng đọa về không, về vô sở hữu. Được như vậy, Bồ tát sẽ thông đạt mười phương ba đời chư Phật, được vô sanh pháp nhãn, vào Bồ tát vị, an trú nơi Bất Thối Chuyển địa.

Nếu Bồ tát nào chưa được đầy đủ các tướng mạo như trên đây thì chưa được Phật thọ ký, chưa có thể an trú nơi Bất Thối Chuyển địa.

Ở đây, cũng nên phân biệt hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Nhục thân Bồ tát.

- Pháp tánh thân Bồ tát.

Về nhục thân Bồ tát, cũng nên phân biệt có hai hạng. Đó là:

- Hạng nhục thân Bồ tát ra đời vào thời có Phật, và được Phật thọ ký.

- Hạng nhục thân Bồ tát ra đời vào thời không có Phật, mà được vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Người đọc tụng, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, đã tùy thuận vô sanh pháp nhẫn, nhưng chưa có được đầy đủ thiền định, còn có nghi tâm, thì cũng được bất thối chuyển chăng?

Đáp: Người chưa có đầy đủ thiền định còn khởi nghi tâm thì chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, chưa được bất thối chuyển.

Trong số người tu hành, nên phân biệt có hai hạng. Đó là:

- Hạng người tin ít mà nghi nhiều.
- Hạng người nghi ít mà tin nhiều.

Người tu hành đọc tụng, thọ trì... tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà nghi ít, tin nhiều, thì rất dễ được thiền định, dễ được “nhu thuận nhẫn”.

Thế nhưng phải đoạn dứt “ái pháp”, mới được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, được bất thối chuyển.

Phẩm Thứ Năm Mười Bảy



Thâm Áo
(Sâu thăm)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy là Bồ tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Phật dạy: Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức. Vì sao?

Vì Bồ tát bất thối chuyển được vô lượng vô biên trí huệ, nên thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát an trú nơi trí huệ, nên khởi sanh 4 vô ngại trí. Do có được 4 vô ngại trí, nên tất cả hàng trời, người, chẳng có ai có thể sánh kịp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển, thì trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển an trú nơi chỗ thâm áo nào, mà khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, thường được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã khéo vì hàng Bồ tát mà thưa hỏi về chỗ thâm áo đó.

Này Tu Bồ Đề! Chỗ thâm áo có nghĩa là chỗ không, vô

tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm; là chỗ ly, tịch diệt; là chỗ pháp như, pháp tánh, thật tế; là Niết bàn. Nghĩa của chỗ thâm áo là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có không, vô tướng, vô tác... dẫn đến Niết bàn là chỗ thâm áo, hay còn có các pháp nào nữa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là chỗ thâm áo cả. Sắc... dẫn đến thức, nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn giới... dẫn đến ý thức giới, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là chỗ thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như là thâm áo, nên nói sắc là thâm áo, ... dẫn đến vì Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, nên nói Vô Thượng Bồ Đề là thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc như là thâm áo... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như chẳng phải là sắc, mà cũng chẳng ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề mà cũng chẳng ly Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật hy hữu bạch Thế Tôn! Do có lực phương tiện vi diệu mà Bồ tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết bàn... dẫn đến thức xứ Niết bàn; cũng ly hết thấy pháp xứ Niết bàn, dù là thế gian hay xuất thế gian, hữu tránh hay vô tránh, hữu lậu hay vô lậu pháp xứ Niết bàn.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Do có lực phương tiện vi diệu mà Bồ tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết bàn... dẫn đến ly hữu lậu pháp xứ Niết bàn, ly vô lậu pháp xứ Niết bàn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển hành các pháp thâm áo như vậy là cùng với Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. An trú nơi Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán sát tư duy, trừ lượng, rồi tự niệm rằng: Ta phải hành như vậy, phải học như vậy, mới đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào đúng như pháp mà hành, đúng như pháp mà học, đúng như pháp mà quán sát, lại đầy đủ tinh tấn và nhất tâm, thì chỉ phát khởi một niệm lợi sanh là vị ấy đã được vô lượng vô biên phước đức, siêu việt vô lượng kiếp, đến gần Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên nay vị Bồ tát ấy hành Bát nhã Ba-la-mật đúng với niệm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người đam mê dâm dục chuẩn bị cuộc hẹn hò với một cô gái xinh đẹp, nhưng đến giờ hẹn nàng gặp trở ngại, chẳng đến được. Ý ông nghĩ sao? Người ấy sẽ niệm tưởng như thế nào về cô gái ấy?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy luôn luôn niệm tưởng đến cô gái ấy mong sớm được gặp lại, để cùng nhau ân ái, thỏa mãn dục tính.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong một ngày đêm, người ấy khởi bao nhiêu niệm tưởng về người con gái?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong một ngày đêm, người ấy khởi rất nhiều niệm tưởng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát niệm tưởng về Bát

nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu thật hành đúng như lời Phật dạy, trong Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ trong một ngày niệm cũng đã siêu việt được vô lượng kiếp.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát nào xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong một ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức. Người hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp mà còn tâm chấp, tuy có nhiều công đức, nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong một ngày, trong trăm, ngàn, muôn ức phần... chẳng sao bằng được một, ... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh được.

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã được nghe Phật nói đầy đủ về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển. Nay ngài lại được nghe Phật nói về các công đức của hàng Bồ tát bất thối chuyển, nên ngài sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Phật tán thán lời tác bạch của ngài Tu Bồ Đề, rồi lần lượt nói về các công đức của hàng Bồ tát bất thối chuyển, như: Bồ tát có vô lượng trí huệ, vượt lên trên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, thường sanh 4 vô ngại trí, biết rõ thật tướng các pháp, nên chẳng còn nghi ngại.

-oOo-

Do được “từ vô ngại trí” và “nghĩa vô ngại trí” nên Bồ tát phân biệt được danh tự và nghĩa lý của các pháp một cách vô ngại.

Khi đã được “từ vô ngại trí” và “nghĩa vô ngại trí” rồi, thì thông đạt hết thảy các pháp và thuyết giảng thật nghĩa của hết thảy các pháp một cách vô ngại, nên Bồ tát cũng thành tựu viên mãn “pháp vô ngại trí” và “lạc thuyết vô ngại trí” vậy.

Bồ tát an trú trong 4 vô ngại trí, nên gặp bất cứ ai đến cầu pháp hay đến vấn nạn, Bồ tát đều lý giải thông suốt, rõ ràng, chẳng có gì ngăn ngại. Trí huệ của Bồ tát tựa như biển lớn mênh mông, sâu thẳm, chẳng bao giờ khô cạn.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về 4 vô ngại trí cũng là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, vì Bồ tát này được trí huệ vô lượng vô biên, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nên ngài đã hoan hỷ bạch Phật rằng: Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, thì trải qua hàng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Phật tán thán lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Ông đã khéo vì hàng Bồ tát, mà thưa hỏi ta về chỗ thâm áo đó. Hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là “không”, là “như” và đều là chỗ thâm áo cả.

Hỏi: *Các pháp hữu vi có thể chia chẻ đến chỗ vi tế mà người thế gian chẳng sao có thể biết được, nên gọi đó là chỗ thâm áo. Còn các pháp “Không” đều là vô sở hữu. Vì sao lại gọi pháp “Không” là chỗ thâm áo?*

Đáp: Chẳng có thể dùng ngữ ngôn, danh tự mà diễn bày nghĩa của pháp “không”. Vì sao? Vì muốn giải rõ nghĩa về tướng “có”, mà phương tiện nói đến tướng “không”.

Tướng “không” cũng như tướng “có” chỉ là hai pháp đối đãi, chẳng thật có. Quán được như vậy thì sẽ biết rõ hết thảy

các pháp tướng đều là hư vọng. Cho nên khi đã dứt trừ hết các chấp, thì dù nguyện sanh vào trong 3 cõi cũng vẫn được đạo, cũng vẫn thành tựu được pháp “không”.

Nếu vào được “không” rồi mà còn chấp “không”, thì còn có lỗi lầm, chẳng đến được chỗ thâm áo.

Nếu trú trong “không” mà chẳng chấp “không”, thì mới gọi là thâm áo. Nếu dùng “không” nhằm phá các tà kiến chấp về “có - không” thì mới đến được chỗ thâm áo vậy.

Bồ tát quán 5 ấm sanh diệt, nhằm phá chấp thường, rồi quán 5 ấm rốt ráo không, nhằm phá chấp sanh diệt. Vì sao? Vì nơi tánh “không”, chẳng có vô thường hay thường, nên là bất sanh diệt.

Nơi đây nên biết có hai nghĩa về “bất sanh diệt”. Đó là:

- Do tà kiến, mà cho rằng thế gian là thường còn, là bất sanh diệt.

- Do muốn phá chấp về “sanh diệt”, nên nói “bất sanh diệt”.

Nếu phá được chấp về “sanh diệt” rồi mà cũng chẳng chấp “bất sanh diệt” thì mới gọi là thâm áo. Lại nữa, cũng nên biết:

- Phiền não khó đoạn mà đoạn được, thì gọi là thâm áo.

- Đam mê dục lạc thì dễ, mà ly dục thì rất khó, nên hành ly dục là thâm áo.

- Phóng tâm theo tà kiến thì dễ, mà định tâm hướng về thật tướng pháp, về chân thật pháp tánh thì rất khó, nên vào được pháp tánh thật tế là vào được chỗ thâm áo.

- 96 pháp ngoại đạo chẳng đưa đến giải thoát, chỉ có Niết bàn đạo đưa đến giải thoát, nên Niết bàn đạo là chỗ thâm áo.

- v.v...

Hỏi: Trên đây nói các pháp “không” đều là chỗ thâm áo. Như vậy nghĩa “không” là như thế nào?

Đáp: Có thuyết nói các tâm và các tâm sở đều có định tướng. Còn đối với các ngoại pháp, thì nếu dùng các tam muội “không, vô tướng và vô tác” để quan sát, sẽ thấy rõ các ngoại pháp đều là không.

Có thuyết nói: Ngoài tâm duyên sắc, thì các pháp đều là không. Các thuyết trên đây đều nói về “ngoại không”, nếu dùng các tam muội “không, vô tướng và vô tác” mà quan sát, thì sẽ thấy hết thấy các ngoại pháp đều là không.

Chẳng thể như vậy được. Vì sao? Vì nếu các ngoại pháp chẳng phải là thật không, mà phải dùng “không tam muội” quán sát mới thấy rõ là “không”, thì đó vẫn chỉ là hư vọng. Trái lại, nếu ngoại duyên thật sự là “không”, thì chẳng có sanh “không tam muội” nữa. Vì nếu sanh “không tam muội” thì ngoại duyên chẳng phải là “không”.

-o0o-

Ở đây Phật dạy về “trung đạo”, ly cả hai chấp “có - không”. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng phải là định pháp, nên nói các pháp đều là tự tánh không.

Các nhân duyên sanh pháp đều chẳng có tự tánh, nên hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng đều rất ráo không. Từ vô thi đến nay các pháp bản lai đều là không, chẳng phải do Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra cả.

Vì thương xót chúng sanh mà chư Phật giải rõ về tánh không của các pháp. Tánh không đó chính là pháp tánh thật tế của hết thấy pháp.

Cũng nên biết rằng chẳng phải do quán “nội pháp” hay “ngoại pháp” mà biết được tướng “không” của các pháp. “Không tướng” cũng chỉ là danh tự. Đã là danh tự thì “không tướng” là chẳng phải trú, chẳng phải bất trú, nên là vô tướng, là tịch diệt, là ly, là Niết bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tuy biết rõ các Bồ tát đến phó hội đều rất lợi căn, nhưng vẫn có thể thâm chấp Niết bàn, nên ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có không, vô tướng, vô tác,... dẫn đến Niết bàn là thâm áo, hay còn có các pháp khác nữa?

Phật dạy: Chánh quán hết thấy các sắc pháp là thành tựu được Niết bàn. Hết thấy các pháp đều là nhân dẫn đến Niết bàn, nên đều là chỗ thâm áo cả.

Hết thấy các pháp đều là như, nên đều là thâm áo.

Nghĩa “thâm áo” là “như”, là chẳng phải thị, cũng chẳng phải phi.

Sắc như là thâm áo, vì chẳng phải là sắc cũng chẳng phải ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, vì chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly Vô Thượng Bồ Đề.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ “như” là chỗ thâm áo của các pháp, vào được trong pháp “như” là vào được trong biển lớn của trí huệ, nên ngài bạch Phật rằng: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Phật đã dùng lực phương tiện vi diệu, khiến chư Bồ tát bất thối chuyển xả ly sắc, vào Niết bàn mà chẳng chấp Niết bàn... dẫn đến xả ly hết thấy pháp vào Niết bàn mà chẳng chấp Niết bàn. Bồ tát trú trong thế gian mà chẳng nhiễm chấp

các dục lạc ở thế gian. Bồ tát thường tư duy như vậy, thường quán như vậy, thường hành như vậy nên có được đầy đủ các lực phương tiện vi diệu.

Phật ẩn chứng lời tán thán của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Bồ tát hành các pháp thâm áo như vậy nên được cùng với Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. Khi quán sát, tư duy, Bồ tát thường nhất niệm, bình đẳng, nên vừa hiển thị pháp lợi sanh là liền được vô lượng vô biên phước đức.

Hỏi: *Hàng Nhị thừa tu vô lậu pháp còn chẳng có được quả báo phước đức. Nay vì sao nói Bồ tát quán pháp không mà được vô lượng vô biên phước đức?*

Đáp: Hàng Nhị thừa khi đã được vô lậu tâm, thì đã đoạn dứt phiền não, nên chẳng nói đến phước đức. Còn Bồ tát, vì phải lưu hoặc để độ sanh, mà chưa dứt sạch phiền não, nên mới nói đến thành tựu quả báo phước đức.

Lại nữa, hàng Nhị thừa thủ chứng Niết bàn, nên đã tiêu hủy các quả báo phước đức. Còn Bồ tát chẳng thủ chứng thật tế, vẫn còn khởi tâm niệm chúng sanh, nên còn có quả báo phước đức.

Người thế gian còn tà hạnh, nên chỉ được phước đức ít. Còn Bồ tát thường an trú nơi chánh hạnh nên còn được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như bố thí cho hàng súc sanh được phước đức 100 lần hơn bố thí cho hàng người; bố thí cho người ác được phước đức 1.000 lần hơn cho bố thí người sanh thiện, 10.000 lần hơn bố thí cho người đã ly dục, 100.000 lần hơn bố thí cho người đã chứng được quả Thánh.

Người tu hành đã ly dục, đã hành từ bi tâm, nhưng nếu chưa vào được nơi thật tướng pháp, thì vẫn chưa có được

phước đức vô lượng. Còn Bồ tát bất thối chuyển, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên chỉ vừa tác niệm lợi sanh, là đã có được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như chúng sanh, do niệm niệm sanh diệt, mà phải mãi trầm luân trong dòng sanh tử. Ví như người khát vọng dâm dục, mà dục tính chưa được thỏa mãn, thì cứ khởi niệm tưởng nhớ mãi, tưởng chừng như thời gian chờ đợi kéo dài đến vô tận.

Bồ tát niệm tưởng về Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Do Bồ tát thật hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ trong một niệm đã siêu xuất được vô lượng kiếp.

Lại ví như người lâm bệnh cần phải uống thuốc. Nếu dùng loại thuốc xấu thì người ấy phải trải qua thời gian lâu dài mới có thể lành bệnh được. Trái lại, nếu biết dùng thuốc tốt, đúng bệnh, thì sẽ có được hiệu quả cao hơn rất nhiều; có thể chỉ trong thời gian rất ngắn là có thể được lành bệnh.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì thì phải trải qua nhiều A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật được. Trái lại, nếu có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì sẽ rất mau đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở đoạn kinh trên đây có ghi rõ: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát nào xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong một ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức. Người hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp mà còn tâm chấp, tuy có nhiều công đức, nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong một ngày. Trong trăm, ngàn, muôn, ức phần... chẳng sao bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà cúng dường ba ngôi Tam Bảo trong hằng sa kiếp, do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đạo của chư đại Bồ tát; nương theo Thừa đạo này mà tu tập sẽ mau đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp mà Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, lại mau đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải trải qua hằng sa kiếp hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Ý ông nghĩ sao? Do

nhân duyên hành 5 pháp Ba-la-mật như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật tức chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí vậy. Bởi vậy nên, muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên tu tập như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng bao giờ thối chuyển Nhất thiết chủng trí.

Trái lại, nếu tu tập mà xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì rất dễ bị thối tâm.

Bởi vậy nên trong quá trình tu tập chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã

Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp hòa hợp các thiện căn công đức của chư Phật trong ba đời của chư đệ tử Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức của chư Phật và của chư đệ tử Phật về Vô Thượng Bồ Đề, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng vậy.

Bởi vậy nên, muốn tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì phải dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tùy hỷ hồi hướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, thì các pháp do nhân duyên khởi tác đều từ vọng tưởng sanh, đều chẳng thật có. Như vậy, vì sao các thiện nam, thiện nữ lại có được đại phước đức?

Bạch Thế Tôn! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi, thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi, thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ các pháp nhân duyên tác khởi cũng là không, là chẳng kiên cố, là hư vọng, là chẳng thật có. Vì Bồ tát khéo học nội không... dẫn đến học vô pháp hữu pháp không, an trú trong 18 pháp không, quán các pháp do nhân duyên tác khởi đều là không, nên chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát tu tập như vậy, lần lần đến được vô số, vô lượng, vô biên phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề!

- Nói “vô số” là nói chẳng ở trong danh số các pháp, dù là hữu vi tánh, dù là vô vi tánh.

- Nói “vô lượng” là nói chẳng thể lường được, vì lượng là bất khả đắc dù là ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai.

- Nói “vô biên” là nói các pháp chẳng có bờ mé, biên bờ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề ! Vì “sắc không”... dẫn đến “thức không” là vô số, vô lượng, vô biên.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có 5 ấm là không, hay là hết thấy các pháp cũng đều là không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải ta đã thường nói hết thấy các pháp đều là “không” ư?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật đã dạy “Hết thấy các pháp đều là không”. Đã là “không” thì các pháp đều là bất khả tận, đều là vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch Thế Tôn! Trong “không” thì “số”, “lượng” và “biên” đều là bất khả đắc. Bởi vậy nên nói “bất khả tận” cùng với “vô số”, vô lượng” và “vô biên” là chẳng khác nghĩa với nhau.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nghĩa ấy chẳng có sai khác nhau.

Pháp nghĩa ấy là bất khả thuyết, chẳng thể dùng lời để diễn đạt ra được. Phật dùng lực phương tiện mà phân biệt nói đó là bất khả tận, là vô số, là vô lượng, là vô biên, là vô trước, là không, là vô tướng, là vô tác, là vô khởi, là

vô sanh, là vô diệt, là vô nhiễm, là Niết bàn v.v...

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Thật tướng các pháp là bất khả thuyết, mà Phật đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tuyên thuyết ra.

Bạch Thế Tôn! Theo như chỗ con được hiểu qua lời Phật dạy, thì hết thấy các pháp đều là bất khả thuyết.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là bất khả thuyết, đều chẳng thể nói ra được. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tướng không, mà “tướng không” là chẳng thể nói ra được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu là bất khả thuyết, thì pháp nghĩa có tăng, có giảm chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp nghĩa bất khả thuyết, thì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v... cũng đều chẳng tăng chẳng giảm.

Bạch Thế Tôn! Nếu 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì làm sao Bồ tát tu các pháp này mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tự niệm rằng mình chẳng có thể làm tăng Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có thể làm tăng Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp Ba-la-mật đều chỉ là danh tự.

Này Tu Bồ Đề! Ví như khi hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát tự niệm rằng: Tâm bố thí thiện căn công đức hành bố thí, Vô Thượng Bồ Đề, tùy hỷ hồi hướng thiện căn công đức hành bố thí về Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh dự cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Pháp gì là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc như tướng... dẫn đến Niết bàn như tướng đều là Vô Thượng Bồ Đề cả. Vì sao? Vì tướng “như” là chẳng tăng chẳng giảm.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thường quán “pháp như” ấy là chẳng tăng chẳng giảm.

Bởi nhân duyên vậy, nên “bất khả thuyết” cũng có hàm nghĩa là bất tăng bất giảm; Đàn Ba-la-mật cũng bất tăng bất giảm... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng bất tăng bất giảm.

Bồ tát Ma-ha-tát quán các pháp bất tăng bất giảm như vậy, nên được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật hạnh.

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây nói rằng nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì dù trải qua hằng sa kiếp cúng dường 3 ngôi Tam bảo, tu tập các thiện pháp, hành 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề v.v... cũng chẳng sao bằng được hành Bát nhã Ba-la-mật đúng như pháp, dù chỉ trong một ngày.

Nơi đây, Phật nói lên các nhân duyên Bồ tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày, cũng đã có vô lượng công đức, thù thắng hơn hàng Nhị thừa. Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối diệu, đưa Bồ tát thẳng vào Vô Thượng đạo. Nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì dù chỉ trải qua hàng sa kiếp tu tập 6 pháp Ba-la-mật cũng chẳng sao có thể bằng được một ngày an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng, vi diệu đệ nhất. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật; từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 3 đời 10 phương chư Phật.

Bồ tát an trú Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ các Phật pháp. Do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều được công đức thù thắng, vi diệu. Trái lại, người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sao có được công đức như vậy.

-o0o-

Liên hệ đến vấn đề này, ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên các câu hỏi, và đã được Phật giải đáp, với nội dung như sau:

Pháp hữu vi là hư vọng, nên chẳng có thể dùng pháp hư vọng để được chánh kiến, vào chánh vị... dẫn đến chứng quả Vô Thượng Bồ Đề được. Khi đã vào được chánh đạo rồi, Bồ tát trở lại ở thế gian, để hành phước đức, nhưng vẫn biết rõ pháp hữu vi là hư vọng, là chẳng thật có, nên chẳng trú chấp phước đức hữu vi.

Bởi vậy nên nói phước đức vô lậu, thanh tịnh thù thắng hơn phước đức hữu lậu. Ví như kim cương tuy nhỏ, mà có thể phá vỡ được cả tảng đá lớn.

Bồ tát tu tập 18 pháp không, quán các pháp không, mà chẳng chấp “không” lại thường hành các công đức; tuy biết rõ Niết bàn, biết rõ Vô Thượng đạo là không, mà vì thương xót chúng sanh, vẫn thường tu tập các phước đức; tuy biết rõ hết thấy pháp đều bất khả thuyết, mà vẫn thường dùng các lực phương tiện, để vì chúng sanh thuyết pháp; tuy biết rõ pháp tánh là vô phân biệt, là nhất tướng, là vô tướng, nhưng vì thương xót chúng sanh mà vẫn phương tiện phân biệt thuyết có ác, có thiện, có tội, có phước, có thù, có xả v.v...

Nếu Bồ tát chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, mà hành Bồ tát đạo như vậy, thì sẽ được vô số vô lượng vô biên công đức. Vì sao? Vì khi Bồ tát mới bắt đầu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì thể lực các phiền não còn hùng mạnh, khiến lực Bát nhã Ba-la-mật còn rất yếu kém, chưa có công năng tiêu trừ giặc phiền não; thế nhưng, khi Bồ tát đã tu tập thuần thực Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật trở nên hùng mạnh, tận diệt hết phiền não. Đến lúc bấy giờ, Bồ tát mới thành tựu được vô số vô lượng, vô biên phước đức.

Như trong kinh đã nói:

- Vô số là chẳng có trong danh số các pháp, dù là hữu vi hay là vô vi.

- Vô lượng là chẳng có thể lượng được.

- Vô biên là chẳng có bờ mé, biên bờ.

Chẳng phải chỉ có các nhân duyên sanh ra 5 ấm là vô số vô lượng, vô biên, mà hết thấy các nhân duyên sanh pháp đều là vô số, vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tướng “không”. Pháp “không” là bất khả tận, nên là vô số, vô lượng, vô biên. Ở nơi “không”, thì “số”, “lượng”, và “biên” đều là bất khả đắc, nên nói là vô số, vô lượng, vô biên vậy.

Pháp “không” là bất khả thuyết, chẳng thể nói ra được. Thế nhưng, vì thương xót chúng sanh, Phật đã phương tiện dùng ngôn ngữ và danh tự mà phân biệt thuyết ra các nghĩa về pháp “không”, để chúng sanh được biết rõ. Phật dạy nghĩa ấy là vô số, vô lượng, vô biên, là thật tướng bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác... của các pháp, nên nói nghĩa ấy là bất khả tận vậy.

Các bậc Thánh đã vào nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn đọa vào trong 6 đường chúng sanh.

Lại nữa, các bậc Thánh dùng thật trí huệ quán sát, biết rõ hết thảy pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo “không”, nên chẳng còn đọa vào danh số hữu vi cũng như vô vi, đây là nghĩa “vô số”. Các ngài biết rõ pháp “không” là bất khả lượng, nên mặc dù vẫn phương tiện dùng trí huệ xứng lượng các pháp có tốt, có xấu, có lớn, có nhỏ, có nhiều có ít, có thì có phi... nhưng vẫn chẳng chấp các pháp tướng; đây là nghĩa “vô lượng”. Các ngài biết rõ pháp “không” là tịch diệt, nên chẳng còn chấp biên tế; đây là nghĩa “vô biên”.

Lại nữa, ở nơi thật tướng pháp, thì ngã và ngã sở đều là không. Vì là “không” nên nói các pháp đều là vô tướng, vô tác, vô khởi. Tuy là “không”, nhưng các pháp vẫn thường trú, bất hoại, nên nói là vô sanh, vô diệt.

Lại nữa, vì ở trong ba cõi, mà vẫn tự tại nên nói là “vô nhiễm”, vì các phiền não nghiệp báo là hư vọng, chẳng thật có, nên nói là Niết bàn.

Như vậy, là có rất nhiều danh từ chỉ rõ về thật tướng pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật: Nếu các pháp đều là bất khả thuyết, thì có tăng có giảm chẳng? Nếu các pháp chẳng có

tăng, chẳng có giảm, thì làm sao Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật, mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật đáp lại ngài Tu Bồ Đề, với nội dung như sau:

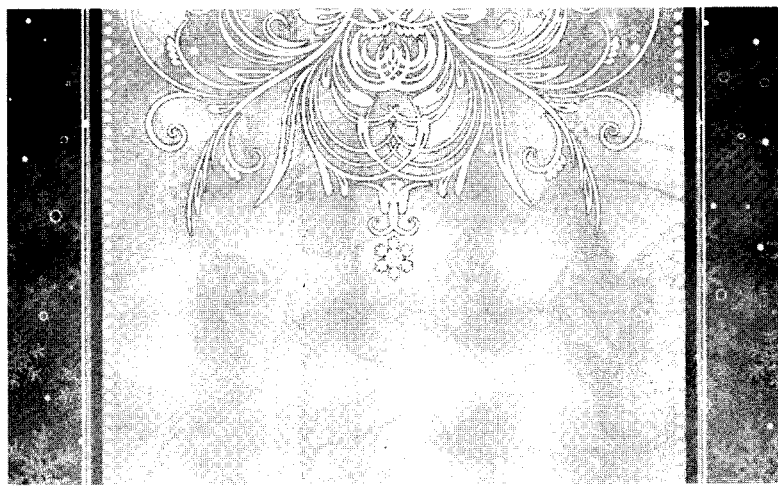
Nơi “bất khả thuyết” có hàm nghĩa bất tăng, bất giảm. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, mà vẫn thường quán các pháp ấy chẳng tăng chẳng giảm. Ví như khi hành Đàn Ba-la-mật, nhằm phá chấp ngã, chấp pháp tiêu trừ xan tham, kiêu mạn, Bồ tát chẳng nên nghĩ rằng “Hành như vậy là đã làm tăng Đàn Ba-la-mật”. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì các pháp đều bình đẳng, chẳng còn phân biệt nội pháp hay ngoại pháp.

Ở nơi đây, tâm bố thí, công đức bố thí, hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh tự, đều là như tướng cả. Các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề, vì tướng “như” là chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng động, chẳng hoại, là tịch diệt tướng vậy.

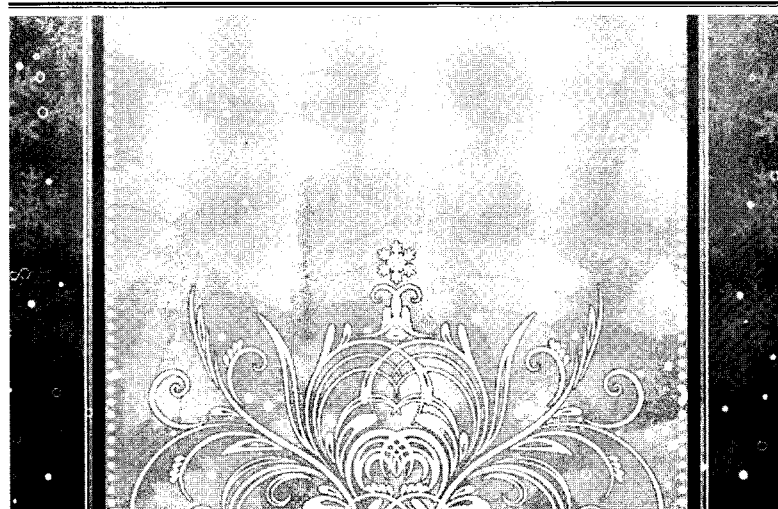
Bồ tát thường niệm Vô Thượng Bồ Đề như tướng, là tịch diệt tướng nên biết rõ hết thấy pháp cũng như là tướng, là tịch diệt tướng cả.

Bồ tát thường quán “bất khả thuyết” có hàm nghĩa bất tăng bất giảm, nên thấy 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hành pháp như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 75



Phẩm Thứ Năm Mười Bảy (TIẾP THEO)



Thâm Áo (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát dùng “sơ tâm” mà được Vô Thượng Bồ Đề hay dùng “hậu tâm” mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! “Sơ tâm” chẳng đến “hậu tâm”. “Hậu tâm” chẳng ở nơi “sơ tâm”.

Như vậy là các tâm và các tâm sở pháp chẳng cùng chung với nhau, thì làm sao mà tăng trưởng được thiện căn? Nếu chẳng tăng trưởng thiện căn thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta sẽ vì ông nói lên ví dụ. Người có trí huệ nghe thí dụ này sẽ được rõ nghĩa hơn.

Này Tu Bồ Đề! Ví như thắp đèn, thì phải dùng cái tim lúc ban đầu để thắp, hay phải dùng cái tim lúc sau cùng để thắp?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải dùng cái tim ban đầu để thắp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc ban đầu mà thắp đèn được. Chẳng phải dùng cái tim lúc sau cùng để thắp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc sau cùng mà thắp đèn được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cái tim đèn là đèn chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cái tim đèn chẳng phải là đèn, mà cũng chính là đèn vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát chẳng dùng sơ tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, mà cũng chẳng ly sơ tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng dùng hậu tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát từ sơ phát tâm đã thật hành Bát Nhã Ba La Phật, khi đầy đủ 10 thượng sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát đầy đủ 10 địa, được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi vào được Càn Huệ Địa, mặc dù đã xa rời tâm tham dục và luyến ái, nhưng trí tuệ vẫn còn cạn mỏng, khô khan. Từ địa ban sơ này, Bồ tát thứ lớp tiến tu lên các địa, cho đến Bồ tát địa và Phật địa. Khi đã đầy đủ 10 địa rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Duyên pháp ấy rất thậm thâm, nên nói chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu tâm đã diệt rồi, thì có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được như vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Tâm sanh” có tướng diệt chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có tướng diệt vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tướng tâm diệt, thì tâm có diệt chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm an trú như vậy chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tâm trú như vậy là “như như trú”.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là chứng thật tể chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là thậm thâm chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất thậm thâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Như” là tâm chẳng? Ly “như” có tâm chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Như” có thấy được “như” chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có phải Bồ tát thường hành “như” là hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy! Bạch Thế Tôn! Bồ tát thường hành “Nhu” là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thường hành “Nhu” là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành “Nhu” là hành, mà chẳng có chỗ hành. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú nơi pháp “Nhu”, mà chẳng khởi niệm có pháp “Nhu”, chẳng khởi niệm có mình hành pháp “Nhu”, vì pháp “Nhu” là chẳng có trú xứ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát y cứ vào đâu mà hành pháp “Nhu”?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát y cứ nơi “Đệ nhất nghĩa đế” mà hành pháp “Nhu”. Vì sao? Vì ở nơi “Đệ nhất nghĩa”, thì các tướng đều bất khả đắc, chẳng có sai biệt.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành “Đệ nhất nghĩa” là chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành như vậy là có tướng hoại chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khởi niệm hoại các tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chưa đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi, 18 bất cộng pháp, thì phải biết vị Bồ tát ấy chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào có đầy đủ các lực phương tiện, thì ở nơi hết thấy pháp, vị Bồ tát ấy chẳng chấp thủ tướng, và cũng chẳng phá hoại tướng. Vì sao? Vì Bồ tát ấy biết rõ các pháp đều là tự tướng không. Vị Bồ tát ấy an trú nơi các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, và dùng các tam muội này thành tựu chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát dùng 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” để thành tựu chúng sanh như thế nào?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 3 tam muội này, thấy chúng sanh hành pháp, tác pháp như thế nào, rồi dùng các lực phương tiện dẫn họ vào trong “không, vô tướng và vô tác”

Nay Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát vào 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” và dùng 3 tam muội này để thành tựu chúng sanh.

LUẬN:

Hỏi: *Vì nhân duyên gì mà ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Bồ tát dùng sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, hay dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề?”*

Đáp: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã nghe Phật dạy các pháp đều là chẳng có tăng, chẳng có giảm, khiến ngài dấy niệm nghĩ rằng: Nếu các pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì Bồ tát làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, ngài nghĩ rằng: Phật đầy đủ chánh hạnh mới được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát chưa trừ được vi tế vô minh, chưa đầy đủ chánh hạnh, thì làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề? Nếu từ sơ tâm đến hậu tâm mà các thiện căn chẳng được tăng trưởng, thì Bồ tát làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề?

Bởi các nhân duyên nêu trên đây, nên ngài Tu Bồ Đề mới thưa hỏi Phật về ý nghĩa thâm áo này.

Phật dạy: Chẳng phải y nơi sơ tâm, cũng chẳng ly sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì nếu y nơi sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì Bồ tát đã thành Phật, ngay khi mới sơ phát tâm rồi.

Thế nhưng, sơ tâm là căn bản. Nếu chẳng có sơ tâm, thì cũng chẳng có hậu tâm, sơ tâm chẳng ly hậu tâm, và hậu tâm cũng chẳng ly sơ tâm. Nhờ có sơ tâm mà các công đức được chứa nhóm. Do có chứa nhóm công đức mới dẫn đến sự đoạn trừ phiền não, tập khí, và cuối cùng mới dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi Phật như trên đây, vì theo ngài sơ tâm và hậu tâm đều chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì nếu quá khứ đã diệt thì chẳng có sự hòa hợp các thiện căn đang hiện hành. Nếu chẳng hòa hợp được các thiện căn, thì cũng chẳng thể chứa nhóm thiện căn được. Nếu chẳng chứa nhóm được thiện căn, thì cũng chẳng có thể làm sao được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật đã dùng ví dụ thực tiễn để giải nghi cho ngài Tu Bồ Đề. Phật dạy: Như khi cây đèn được thắp sáng, thì đèn và tim đèn phải là một chẳng phải riêng khác. Chẳng phải y nơi tim lúc ban đầu cũng chẳng ly nơi tim lúc ban đầu mà ngọn đèn được thắp sáng, chẳng phải y nơi tim lúc sau cùng cũng chẳng phải ly tim lúc sau cùng mà đèn được thắp sáng.

Rồi Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Người thế gian, dùng nhục nhãn, thấy ngọn đèn chẳng phải do nơi tim ban đầu, hay do nơi tim sau cùng mà được thắp sáng, cũng chẳng phải ly tim ban đầu hay ly tim sau cùng mà được thắp sáng. Cũng

như vậy, ta dùng Phật nhãn thấy các Bồ tát chẳng phải do nơi sơ tâm, hay do nơi hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay ly hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ở ví dụ nêu trên đây, Phật đã dùng:

- Ngọn đèn dụ cho Bồ tát đạo.
- Tim đèn dụ cho vô minh, phiền não.
- Tim đèn cháy sáng dụ cho vô minh, phiền não được tiêu trừ.

Khi vào sơ địa, trí tuệ còn cạn mỏng, khô khan, nên chỉ mới là “càn huệ”. Phải tiến tu thêm nữa, cho đến khi vào được Kim Cang tam muội mới được chân trí huệ.

Như vậy, ngọn đèn trí huệ đốt cháy vô minh phiền não, chẳng phải do sơ tâm trí, cũng chẳng phải do hậu tâm trí. Suốt quá trình tu tập, từ sơ tâm dẫn đến hậu tâm, vào Bồ tát vị, Bồ tát tương tục dùng đèn trí huệ đốt cháy vô minh phiền não. Đến khi đốt cháy hết vô minh phiền não, mới được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Nơi đây cũng nên biết “Càn Huệ Địa” có 2 bậc, đó là:

- Càn Huệ địa của Thanh Văn.
- Càn Huệ địa của Bồ tát.

Càn Huệ địa của Thanh Văn dẫn vào Niết bàn. Hàng Thanh Văn tinh tấn trì giới thanh tịnh, tinh tấn tu tập các tam

muội, tinh tấn hành các pháp quán, như quán bất tịnh..., tinh tấn tu tập để biết rõ vô thường, vô ngã, để chứa nhóm các thiện pháp, xả bỏ các bất thiện pháp v.v... thì vào được địa này. Tuy đã có trí huệ, nhưng vì chưa có được thiền định, khiến trí huệ còn cạn mỏng, khô khan, nên gọi là “càn huệ địa”.

Còn Bồ tát, do từ sơ phát tâm đã tu tập “nhu nhuận nhãn”, thân ái thật tướng pháp, tu tập thiền định, nên vào “càn huệ địa”.

Vào địa này rồi, Bồ tát lại tu tập “khổ pháp nhãn”... dẫn đến tu tập “đạo trí nhãn”, được 15 tâm nhãn, được vô sanh pháp nhãn, vào Bồ tát vị.

Cũng nên biết, khi vào được “kiến địa” là đã vào dòng Thánh, bắt đầu chứng các quả Thánh. Từ địa này còn phải tinh tấn tu tập để tận đoạn các phiền não, xả trừ các tập khí kiết sử, vào “ly dục địa”.

Từ “càn huệ địa” dẫn đến “ly dục địa”, Bồ tát phải thứ lớp tu tập từ “sơ địa” dẫn đến “thập địa” của Đại thừa Bồ tát thập địa.

* Về Thập địa (10 địa), nên phân biệt có 3 loại. Đó là:

1) *Tam Thừa Thập Địa*: (10 địa chung cho cả 3 thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát), gồm: Càn huệ địa - Tánh địa - Nhập nhơn địa - Kiến địa - Bạc địa - Ly Dục địa - Dĩ biện địa - Bích Chi Phật địa - Bồ tát địa - Phật địa.

2) *Đại thừa Bồ tát Thập địa* (10 địa riêng của Bồ tát thừa) gồm: Hoan hỷ địa - Ly cấu địa - Phát quang địa - Diễm huệ địa - Cực nan thắng địa - Hiện tiền địa - Viễn hành địa - Bất động địa - Thiện huệ địa - Pháp vân địa.

3) *Tứ thừa thập địa*: Trong 4 thừa (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ tát thừa và Phật thừa) mỗi thừa có 10 địa riêng biệt.

Có thuyết nói: Được “Kim Cang tam muội” rồi, mới gọi là vào Bồ tát địa, được “Nhất thiết chủng trí” rồi, mới được quả vị Phật.

Bồ tát phải tu đầy đủ 10 địa, luôn hành pháp tự lợi và lợi tha, mới được đầy đủ Bồ tát hạnh.

Bồ tát, khi vào được “ly dục địa” rồi, là ly sạch các dục và các phiền não của cõi Dục, nên được đầy đủ 5 thần thông.

Hàng Thanh Văn, khi được tận trí, vô sanh trí, là chứng được quả vị A-la-hán. Còn Bồ tát, do muốn thành tựu Phật địa, nên còn phải tu quả Bích Chi Phật địa, dùng pháp quán 12 nhân duyên để thông quán các duyên pháp. Khi đã thành tựu Bích Chi Phật đạo, Bồ tát còn phải viên thành Bồ tát hạnh, tiến tu lên đến Phật địa.

Hỏi: Vì sao Bồ tát, trong khi hành Bồ tát hạnh, mà còn phải tu tập Bích Chi Phật đạo nữa?

Đáp: Trong 10 địa chung của 3 thừa giáo, có nói đến Bích Chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ tát phải tu học dẫn đến 12 nhân duyên, nơi Bích Chi Phật đạo, để phương tiện độ thoát chúng sanh. Bởi vậy nên, Bồ tát vẫn phải tu tập đầy đủ giáo pháp của Thanh Văn thừa và của Bích Chi Phật thừa.

Như trong kinh *Thủ lãng Nghiêm* có ghi: Ngài Văn Thù Sư Lợi là vị đại Bồ tát đã trải qua 12 ức kiếp là Bích Chi Phật.

Như vậy là Bồ tát phải đầy đủ 10 địa, phải tu tập hết thảy Phật pháp, phải đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mới có thể được thọ ký thành Phật.

Ngài Tu Bồ Đề, biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên chẳng phải dùng sơ tâm... dẫn đến chẳng phải dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề. Ngài bạch Phật: Duyên pháp ấy rất thâm thâm; nên nói “chẳng phải dùng sơ tâm hay hậu tâm, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay hậu tâm mà vào được Vô Thượng Bồ Đề”.

Phật hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Tâm đã diệt rồi có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng các pháp rốt ráo là không, là bất sanh, bất diệt, chỉ vì chúng sanh chấp 6 tình mà thấy có sanh, có diệt vậy thôi. Nếu nói tâm đã diệt rồi mà còn sanh lại, thì đó là chấp thường. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng được vậy.

Phật lại hỏi: Tâm sanh có tướng diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng trước đây Phật hỏi về tâm quá khứ, nay Phật hỏi về tâm hiện tại. Vì sanh và diệt là 2 pháp đối đãi, đã có sanh ắt phải có diệt. Tướng tâm trước là không, nay trở thành có, có rồi cũng lại trở thành không vậy. Nghĩ như vậy nên ngài đáp có tướng diệt vậy.

Phật lại hỏi: Tướng tâm diệt, thì tâm có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu nói tâm diệt, thì nơi một tâm có hai thời, gồm một thời sanh, một thời diệt. Còn nếu nói tâm là vô thường, thì tâm chẳng trú quá 1 niệm. Lại nữa, kinh *A Tỳ Đàm* nói có sanh pháp, có diệt pháp, có bất sanh pháp, có bất diệt pháp, có dục sanh pháp, có dục diệt pháp, ngay ở hiện tại, trong một tâm có hai thời, là thời sanh và thời muốn diệt; mà tướng muốn diệt là chẳng phải là sanh. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Tâm có trú chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu chẳng phải là có tướng diệt, thì phải là tướng trú; nếu đã là thường trú, thì chẳng phải là có tướng diệt. Nếu nói có tướng diệt, thì phạm lỗi lầm là nơi một tâm có hai thời. Nếu nói chẳng có tướng diệt, mà thật sự có tướng ấy, thì làm sao nói là chẳng diệt được. Cả hai điều nêu trên đây đều lỗi lầm cả. Nghĩ như vậy rồi ngài tự chứng trí mà đáp tâm trú nơi như như tánh.

Phật lại Hỏi: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì tâm đó có phải là thật tế chăng?

Mặc dù ngài Tu Bồ Đề từ lâu đã thấu rõ về pháp tánh thật tế, biết rõ như như tánh tức là pháp tánh thật tế trú nơi như như tánh tức là trú nơi pháp tánh thật tế rồi vậy. Thế nhưng, ngài nghĩ rằng tâm tướng là pháp hư vọng, chẳng thể là thật tế được. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

-o0o-

Ở đây, cần đặt vấn đề vì sao Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì có phải là thật tế chăng?

Nên biết rằng “như như” là thật tướng của hết thảy pháp. Vậy nên, ở nơi thật tướng, thì tâm là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế, là Niết bàn tướng.

Do vì ngài Tu Bồ Đề, nơi pháp Thanh Văn, còn quý trọng Niết bàn, nên chẳng có chấp nhận rằng “tâm sanh diệt cũng tức là Niết bàn”. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

Lại nữa, ngài nghĩ rằng “thật tế là vô tướng”, nên chẳng dám nói “tâm tướng là thật tế” vậy.

-o0o-

Phật lại hỏi: Tâm như như trú là thậm thâm chăng?

Phật nêu lên câu hỏi này vì ngài Tu Bồ Đề đã nói “tâm như như trú” rồi sau lại nói “tâm như như trú chẳng phải là thật tế”.

Do vì ngài chưa khắp biết, nên đã đáp: Tâm như như trú là rất thậm thâm.

Phật lại hỏi: “Nhu” là tâm chăng? Ly “nhu” có tâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng “nhu” là thật tướng, nên là nhất tướng, là vô tướng, chẳng có đối đãi, tâm tướng là tướng duyên hợp, đối đãi; “nhu” là chẳng có chỗ biết, tâm là có chỗ biết; “nhu” là rất ráo thanh tịnh, tâm là có hay biết. Nên nói, “nhu” chẳng phải là tâm. Thế nhưng, thật tướng của tâm là “nhu”. Nên nói, ly “nhu” thì chẳng có tâm.

Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy?

Phật lại hỏi: “Nhu” có thấy được “nhu” chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng “nhu” là vô phân biệt. Nếu Bồ tát trú trong như pháp tánh thật tế, thì chẳng thể hành thâm Bồ tát đạo được. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng thấy được vậy.

Phật lại hỏi: Nếu Bồ tát thường hành “nhu”, thì có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát hành “nhu” là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có nhiều vị Bồ tát sơ phát tâm nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, cho rằng mình đã vượt khỏi Nhị thừa và đã vào được Đại thừa.

Phật muốn phá cao tâm của các vị này, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát hành “như” là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: Bồ tát an trú trong như pháp tánh thật tế, nên chẳng còn khởi niệm phân biệt. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp Hành “như” là hành mà chẳng có chỗ hành.

Phật sợ rằng các vị Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, sẽ có thể đọa về đoạn diệt, nên lại hỏi: Bồ tát y cứ vào đâu mà hành pháp “như”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát y cứ nơi “đệ nhất nghĩa” mà hành “như”. Vì ở nơi đây chẳng có tướng sai biệt; các tướng đều bất khả đắc.

Phật lại hỏi: Ở nơi “đệ nhất nghĩa”, Bồ tát hành mà chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ Bồ tát biết rõ các pháp tướng rốt ráo là không, nên chẳng còn có ức niệm, chẳng còn trú tướng hành. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có khởi niệm hoại các pháp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có dấy niệm phá hoại pháp tướng. Bồ tát đầy đủ các Phật pháp, được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên chẳng thủ tướng “có”, cũng chẳng thủ tướng “không”, biết rõ pháp tướng là hư vọng, thủ tướng là lầm lỗi. Bồ tát lại biết rõ phá tướng thì rơi về đoạn diệt, cũng là lầm lỗi. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng chấp thủ tướng “có”, chẳng chấp thủ tướng “không”. Ly cả hai chấp “có - không” mới là “đệ nhất nghĩa”.

Đến đây, Phật khai thị thêm rằng: Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng thủ pháp tướng, chẳng hoại pháp tướng.

Bồ tát trú nơi tự tướng không, mà vào 3 tam muội “Không, vô tướng là vô tác” để làm lợi ích cho chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát thị hiện thọ thân vào trong 6 đường chúng sanh, nhằm hóa độ chúng sanh.

Bồ tát quán biết trong số chúng sanh, có kẻ chẳng tu phước, buông lung phóng túng, tạo nên bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải đọa vào các cảnh địa ngục, từ cõi địa ngục này chuyển sang cõi địa ngục khác, hoặc sanh làm ngựa quý, súc sanh, xoay vần mãi trong các đường ác; dẫn đến khi thọ tội xong, được sanh lại làm người, thì cũng chỉ sanh vào nhà bần cùng hạ tiện.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh tu bố thí, xả bỏ xan tham, tu trì giới, được sanh về cõi trời Dục giới, hoặc sanh làm người vào nhà giàu sang, phú quý.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh tu ly dục, trừ 5 cái, được 5 căn, tu thiền quán, được sanh về cõi trời Sắc giới.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh xả sắc tướng, chẳng niệm các tạp tướng, vào vô biên hư không xứ định, được sanh về cõi trời Vô Sắc Giới.

Bồ tát biết rõ tất cả các sự kiện nêu trên đây đều phát xuất từ tà niệm cả. Vì sao? Vì chưa có được giải thoát, dù được sanh lên các cõi trời, nhưng khi hưởng hết phước báo rồi thì cũng vẫn bị đọa lạc, xoay vần lên xuống trong 6 nẻo đường sanh tử. Ví như lấy một sợi dây dài buộc vào chân một con chim rồi thả cho nó bay bổng lên cao, thì cuối cùng chim vẫn bị sợi dây kéo nó về chỗ cũ.

Bồ tát dùng “Vô tác tam muội” dẫn dắt chúng sanh vào nơi vô tác, vô nguyện, dạy chúng sanh biết rõ thân này chỉ là như huyễn, như hóa, chỉ là một tập hợp da, thịt, xương, gân, máu huyết v.v... toàn là những thứ bất tịnh, còn tâm thì luôn luôn động, chẳng có được an, niệm niệm sanh diệt chẳng có định tướng, nên cũng chỉ là như huyễn như hóa.

Lại nữa, do chúng sanh trú chấp vào các tướng ăn uống, nằm, ngồi, đi, đứng v.v... chấp có ngã và ngã sở rồi ức tướng phân biệt giữa ta với người, khởi sanh bao nhiêu tội lỗi.

Bồ tát lại dùng “Không tam muội” dạy chúng sanh đoạn chấp ngã và chấp pháp, dẫn dắt họ an trú nơi pháp “Không”.

Bồ tát lại dùng “Vô tướng tam muội” dạy chúng sanh đoạn hết thấy các chấp tướng, dẫn dắt họ vào nơi thật tế vô tướng. Bồ tát dạy chúng sanh biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Chúng sanh do phân biệt chấp có các pháp tướng, như các tướng nam, nữ, tốt xấu, vui buồn, thương ghét v.v... mà khởi sanh bao nhiêu tội lỗi, nên Bồ tát dạy họ phải đoạn trừ các chấp tướng vậy.

Hỏi: *Giáo hóa chúng sanh khiến họ vào được nơi pháp “Không” là đủ rồi. Vì sao lại phải dạy họ đầy đủ cả ba tam muội “không, vô tướng và vô tác” làm gì?*

Đáp: Căn trí của chúng sanh chẳng có đồng đều nhau.

Hạng người lợi căn thượng trí, nghe thuyết về các pháp “không, vô tướng và vô tác” có thể tín giải, dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Hạng người độn căn thiếu trí, vừa nghe thuyết về pháp “Không”, liền chấp “không”. Bởi vậy nên phải vì họ thuyết rõ thêm về “vô tướng”, cho họ biết rõ ở nơi thật tướng hết thấy pháp đều là “không”, là “vô tướng”.

Có hạng người tuy đã biết được “không” và “vô tướng”, nhưng lại vẫn chấp thân hữu vi, khiến khởi sanh bao nhiêu tội lỗi. Đối với hạng người này, thì phải nên vì họ thuyết về “vô tác”, dạy họ biết rõ thân là hư vọng, chẳng thật có, chẳng có gì phải chấp đắm.

Trong kinh có dạy: Ngoài thân Bồ tát ra thì hết thảy thân của các loại chúng sanh đều chẳng có được một niềm vui nhỏ trong khoảnh khắc, huống nữa là được hưởng sự an vui lâu dài. Bởi vậy nên đối với hạng người chấp đắm sắc thân, Bồ tát phải vì họ thuyết về “vô tác”, dạy cho họ biết rõ có thân là có khổ, chẳng nên chấp đắm thân này.

Tóm lại, tùy theo căn trí của chúng sanh, mà Bồ tát phải phương tiện dùng 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” để giáo hóa họ.

Phẩm Thứ Năm Mười Tám



Mộng Hành (Hành Trong Mộng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào trong giấc chiêm bao mà nhập vào 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” thì vị Bồ tát ấy có được lợi ích gì nơi Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu lúc thức tỉnh Bồ tát nhập vào 3 tam muội này mà được lợi ích nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì trong giấc chiêm bao, nếu nhập vào 3 tam muội này, cũng sẽ được lợi ích như vậy. Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba-la-mật lúc tỉnh hay trong chiêm bao chẳng có gì khác nhau cả. Nếu trong thức, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có được lợi ích thì trong giấc chiêm bao, nếu vị Bồ tát ấy hành Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn được lợi ích như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu Bồ tát trong giấc chiêm bao tác hành các nghiệp, thì các hạnh nghiệp đó có tập thành chăng?

Theo như lời Phật dạy, thì hết thấy pháp đều như mộng, nên đều chẳng tập thành. Vì sao? Vì trong chiêm bao là chẳng có thật pháp, mà chẳng có thật pháp thì chẳng có sự tập thành. Cho đến khi thức tỉnh, niệm tướng phân biệt về cảnh mộng mới có sự tập thành. Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu có người trong giấc chiêm bao thấy mình giết

chết người, đến khi thức tỉnh, người ấy niệm nghĩ, phân biệt hành động giết người trong mộng, rồi cho rằng: “Tôi có giết người”. Ý ngài nghĩ sao?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Nếu chẳng có duyên nghiệp thì chẳng có nghiệp sanh, nếu chẳng có nghiệp sanh thì chẳng sanh tư duy về nghiệp. Phải có duyên nghiệp sanh mới có nghiệp sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp. Phải có duyên nghiệp thì mới có nghiệp sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp.

Lại nữa, tâm sanh theo chỗ “thấy, nghe, hay, biết” (kiến, văn, giác, tri), chẳng phải tâm sanh theo chỗ không thấy, không nghe, không hay, không biết. Ở nơi đây tâm có tịnh, có cấu.

Bởi vậy nên có cảnh duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy, niệm nghĩ về nghiệp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo như lời Phật dạy thì tất cả các nghiệp, tất cả các tư duy đều là tự tướng ly. Như vậy, vì sao có duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy về nghiệp, và chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì chấp tướng, nên nói có duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy về nghiệp, và nói chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu có Bồ tát trong giác chiêm bao thấy mình hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, rồi tùy hỷ các công đức ấy để hỏi

hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy có thật là hồi hướng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hiện nơi đây có ngài Bồ tát Di Lặc đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, và ở đời vị lai sẽ thành Phật. Xin ngài hãy hỏi ngài Di Lặc để được rõ hơn.

Ngài Xá Lợi Phất bạch với ngài Di Lặc: Bạch ngài! Như lời ngài Tu Bồ Đề nói hiện nơi đây có Bồ tát Di Lặc đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, và ở đời vị lai sẽ thành Phật. Nên hỏi ngài Di Lặc để được ngài giải đáp cho.

Bồ tát Di Lặc hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi sẽ phải dùng danh tự Bồ tát Di Lặc này để đáp chăng? Hay tôi sẽ phải dùng danh tự sắc... dẫn đến dùng danh tự thức để đáp? Hay tôi sẽ phải dùng danh tự sắc không... dẫn đến dùng danh tự thức không để đáp?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu dùng danh tự sắc... dẫn đến thức, dùng danh tự sắc không... dẫn đến thức không, mà chẳng thể đáp được, thì tôi chẳng thấy có pháp gì có thể dùng để đáp cả. Tôi chẳng thấy có người đáp (năng đáp), chẳng thấy có người được thọ ký, chẳng thấy có pháp thọ ký, chẳng thấy có chỗ thọ ký. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Di Lặc: Bạch ngài! Theo như chỗ ngài nói thì như vậy là đặc pháp tác chứng chăng?

Bồ tát Di Lặc đáp: Chỗ tôi nói đó chẳng phải là tác chứng.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tự niệm rằng: Bồ tát Di Lặc có trí huệ thậm thâm, đã từ lâu dụng vô sở đắc mà hành 6 pháp Ba-la-mật, nên mới nói được như vậy.

Biết rõ tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, Phật dạy: Nay

Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Ông đã hành pháp gì để đáp A-la-hán, và khi đắc quả vị A-la-hán rồi, ông có thấy pháp ấy chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm nghĩ rằng do hành pháp ấy mà đã được thọ ký hay sẽ được thọ ký, do hành pháp ấy mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khởi tâm nghĩ rằng mình sẽ được hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ tát tự biết mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất lại đem vấn đề “Bồ tát nằm mộng, thấy mình hành 3 tam muội” để vấn nạn ngài Tu Bồ Đề?*

Đáp: Có rất nhiều quan niệm bàn về vấn đề mộng:

- Có thuyết cho rằng mộng là hư vọng, chẳng thật có, nhưng lại cho rằng 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” là thật pháp.

- Có thuyết cho rằng mộng có thiện, bất thiện và vô ký. Cho nên Bồ tát trong mộng thấy mình hành 3 pháp tam muội, ắt phải có lợi ích.

- Có thuyết cho rằng mộng chỉ là pháp cuồng si, chẳng phải là thắng hạnh, nên pháp như vậy chẳng thể có quả báo. Vì sao? Vì nếu thật có thấy nghe như khi tỉnh thức thì chẳng gọi là mộng. Đây là lý do vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phất “Bồ tát trong lúc chiêm bao thấy mình hành 3 tam

muội “Không, vô tướng và vô tác”, có tăng ích Bát nhã Ba-la-mật chăng? Có chứa nhóm thiện căn, có gần Phật đạo chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói sự lợi ích ở trong mộng chỉ là hư vọng. Như vậy làm sao có thể tăng ích Bát nhã Ba-la-mật được. Nhưng nếu nói chẳng tăng ích Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao trong mộng lại thấy có hành các thiện pháp? Do vậy, chẳng có thể nói có tăng ích hay chẳng có tăng ích vậy.

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề đã ly cả hai bên khi nêu lên lời vấn nạn. Vì sao? Vì ngài biết rõ trong tinh thức Bồ tát hành thiện pháp mà còn chẳng trú, huống nữa là trong mộng.

Bởi vậy nên ngài nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Nếu Bồ tát, trong tinh thức hành Bát nhã Ba-la-mật mà có tăng ích thì khi nằm mộng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật cũng phải có tăng ích. Nếu trong tinh thức, hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có tăng ích, thì khi nằm mộng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có tăng ích như vậy. Vì sao? Vì ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì tinh và mộng chẳng có gì sai khác cả.

Ngài Xá Lợi Phất tự niệm: Nếu đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là bất tăng, bất giảm thì chẳng cần nạn vấn nữa. Như vậy, vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi việc trong mộng.

Nghĩ như vậy, nên ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu trong mộng có tác nghiệp, thì nghiệp ấy có tập thành chăng? Nếu thật có nghiệp, thì có tập thành quả báo chăng? Nếu thật có nghiệp, thì vì sao Phật thường dạy hết thảy pháp đều rốt ráo là không, là như mộng? Nếu hết thảy pháp đều là như mộng thì làm sao có thể thành đạo được?

Vì sao? Vì ở trong mộng, tâm chẳng có tác lực mạnh mẽ, nên chẳng thể tập thành nghiệp được. Khi tỉnh táo, mà tâm chẳng được chuyên nhất, chẳng có tác lực mạnh mẽ, vẫn còn

chẳng tập thành nghiệp được hưởng nữa là trong mộng. Chỉ sau khi tỉnh thức, phân biệt cảnh mộng mà sanh tâm thiện hay tâm bất thiện, thì lúc bấy giờ nghiệp mới có thể tập thành được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như người nằm mộng thấy mình phạm tội giết người, đến khi tỉnh giấc, tư duy về cảnh mộng rồi cho rằng mình thật có giết người. Ý ngài nghĩ sao?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Hết thảy nghiệp đều do cảnh duyên tác sanh. Chẳng có cảnh duyên thì nghiệp chẳng sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp được. Có cảnh duyên thì nghiệp mới sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp. Trong khi thức tỉnh cũng như trong khi nằm mộng đều là như vậy cả.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Nghiệp dẫn từ thân và khẩu gọi là thân nghiệp và khẩu nghiệp, nghiệp do tư duy, phân biệt gọi là ý nghiệp. Cả 3 nghiệp đều phát sanh từ 4 sự: Thấy, nghe, hay và biết.

Do 4 sự ấy mà có tâm sanh. Như vậy, tâm cũng tùy duyên sanh nên mới có tịnh, có bất tịnh.

Tâm bất tịnh dẫn đến nghiệp tội, tâm tịnh dẫn đến nghiệp phước. Cảnh mộng là do nơi chỗ thấy, nghe, hay, biết mà người nằm mộng đã có sẵn từ trước. Tuy nhiên, vì ở trong mộng tâm thức chẳng được tự tại, khiến chỗ thấy, nghe, hay, biết bị chìm đắm, chẳng có thể lực nên chẳng có thể tập thành nghiệp quả báo được. Trái lại, nếu hành nghiệp trong khi tỉnh táo, thì các duyên nghiệp được các tâm thiện hay ác hòa hợp trở nên rất mạnh mẽ, dẫn đến tập thành nghiệp quả báo vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: Tác nghiệp ở trong mộng cũng có sự tập thành. Vì sao? Vì cũng có duyên khởi. Cho nên tác nghiệp trong khi thức cũng như trong khi ngủ chẳng có khác nhau. Ở cả hai trường hợp đều phát sanh từ 4 sự “thấy, nghe, hay, biết” vậy.

Đến đây, ngài Xá Lợi Phất lại dùng pháp “không” để nạn vấn ngài Tu Bồ Đề: Hết thầy nghiệp đều là tự tướng ly. Như vậy, vì sao có duyên thì mới có nghiệp sanh, dẫn đến, có tư duy về nghiệp, chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Các nghiệp tuy là tướng không, là tướng ly, nhưng vì phạm phu chấp tướng, nên duyên nghiệp mới sanh. Nếu chẳng chấp tướng, thì duyên nghiệp chẳng sanh. Vậy nên biết hết thầy nghiệp đều do chấp tướng dẫn sanh, nên khi thức và khi ngủ chẳng có gì khác nhau.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Nếu Bồ tát, trong khi nằm mộng thấy mình có hành 6 pháp Ba-la-mật, rồi hỏi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy có thật là hỏi hướng chăng?

Vì lời vấn nạn của ngài Xá Lợi Phất thâm sâu, khó giải, nên ngài Tu Bồ Đề nói ngài Xá Lợi Phất nên hỏi Bồ tát Di Lặc, hiện có mặt trong chúng hội, để được Bồ tát giải đáp cho.

Hỏi: *Vì sao ngài Bồ tát Di Lặc chẳng đáp trực tiếp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất?*

Đáp: Cả hai vị đại đệ tử của Phật đều muốn làm lợi ích cho chúng sanh, nên đã phân biệt về chỗ đồng và chỗ khác của sự tác nghiệp lúc tỉnh và lúc nằm mộng. Lại nữa, vì 2 ngài đều nghe Phật dạy hết thầy pháp là như mộng, như huyễn. Như vậy là hành đạo lúc tỉnh hay hành đạo trong mộng cũng đều là hành đạo cả. Do vậy mới dẫn đến sự vấn nạn lẫn nhau.

Ngài Bồ tát Di Lặc nhận thấy tri kiến của 2 vị còn chỗ chấp, nên chẳng đáp trực tiếp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất.

Có thuyết cho rằng như vậy là ngài Di Lặc đã dùng pháp “không” để đáp rồi.

Ngài Xá Lợi Phát lại hỏi ngài Di Lặc: Chỗ “không” mà ngài nêu lên đó có phải là pháp tác chứng chẳng?

Ý ngài Xá Lợi Phát muốn nói rằng: Ngài Di Lặc lấy pháp “không” để làm pháp tác chứng chẳng?

Như vậy là ngài Xá Lợi Phát lại đưa ra một lời vấn nạn khác, “Nếu nói chẳng chứng đắc, thì vì sao Bồ tát Di Lặc lại nói về pháp không?”

Ngài Bồ tát Di Lặc biết được tâm niệm của ngài Xá Lợi Phát, nên nói: Ông lấy Niết bàn làm chỗ chứng đắc; còn tôi nói Niết bàn là không, là vô sở đắc. Pháp tôi nói đó là chẳng có chỗ đắc. Hết thầy pháp đều là không, đều chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát tự niệm rằng: Ngài Bồ tát Di Lặc có trí huệ rất thậm thâm, nên mới nói như vậy. Ngài biết rõ Niết bàn mà chẳng tác chứng Niết bàn; như vậy mới thật là thậm thâm.

-o0o-

Đến đây, Phật hỏi ngài Xá Lợi Phát: Ông đã hành pháp gì để chứng quả A-la-hán? Đắc quả A-la-hán rồi, ông có thấy được pháp ấy chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát tự nghĩ rằng: Hết thầy pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, thì như vậy làm sao thấy được. Nếu nói thấy được, thì như vậy là có trú nơi pháp tướng rồi. Sự thấy đó chỉ hạn lượng trong phạm trù của nhục nhãn và thiên nhãn mà thôi. Nếu dùng huệ nhãn, thì sẽ thấy rõ hết thầy các pháp tướng đều rớt ráo vô phân biệt. Vì các pháp tướng đều chẳng phân biệt, nên là chẳng thấy vậy.

Do nghĩ như vậy nên ngài đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy. Khi được vô sanh pháp nhãn rồi, thì cũng chẳng có tác ý rằng “Ta được pháp, Ta thấy pháp”. Bồ tát cũng chẳng có khởi nghi tâm rằng “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát tự biết rõ rằng mình sẽ đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Đàn Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đói rét, áo quần rách nát, thì phải nghiệm rằng: Ta nay hành Bồ thí Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn cảnh đói rách, bần cùng như vậy, ta sẽ khiến họ được đồ ăn, thức uống, áo quần, chăn mền... đầy đủ như ở trên các cõi trời.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Đàn Ba-la-mật gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Thi la Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh phạm tội sát sanh, trộm cướp, tà dâm... dẫn đến khởi sanh tà kiến, khiến phải bị chết non, bị nhiều bệnh tật, thọ thân tướng xấu xí, chẳng có oai đức, chịu nghèo khổ, đói rách, cùng cực, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Trì giới Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn chịu những nghiệp quả báo xấu ác như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Thi la Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Săn đề Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh sân hận, thù oán, mắng nhiếc, đánh đập, tàn sát nhau, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng phạm những ác hạnh như vậy. Ta sẽ khiến họ thương yêu nhau, hòa thuận với nhau, xem nhau như cha mẹ, anh chị em, bạn bè, thân thuộc của nhau.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Săn đề Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Tỳ lê gia Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh biếng nhác, chẳng siêng năng tu tập thiện pháp, xa rời 3 thừa pháp, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Tinh tấn Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn giải đãi; biếng nhác như vậy; khiến họ tinh tấn tu hành 3 thừa đạo, dẫn đến được giải thoát.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Thiên Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh bị 5 triền cái “tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi pháp” che tâm, khiến mất thiên định, xa rời “từ, bi, hỷ, xả” thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Thiên Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn ác sự như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Thiên Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh si muội, chẳng có được chánh kiến

thế gian và xuất thế gian, hoặc cho rằng chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp nhân duyên, hoặc chấp thường, hoặc chấp đoạn, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Bát nhã Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn các ác sự như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh an trụ trong 3 tụ, là chánh định tụ, tà định tụ, và bất định tụ, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng rơi vào tà định tụ, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng còn danh tụ “tà định tụ” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng ở chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng còn danh tụ “3 đường ác” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy đất đai gồ ghề, đầy hầm hố, chông gai, xú uế, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến đất đai ở cõi nước

của ta bằng phẳng, màu mỡ, phì nhiêu, chẳng có những chỗ gồ ghề, đầy hầm hố, chông gai, xấu xí, ứ đọng như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy cõi nước chẳng có vàng bạc châu báu, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến đất cát ở khắp nơi trong cõi nước của ta đều toàn bằng vàng ròng. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đắm mê luyến ái, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có đắm mê luyến ái như vậy. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy 4 giai cấp trong cõi nước chia rẽ, đấu tranh lẫn nhau, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến 4 giai cấp trong cõi nước của ta chẳng có chia rẽ, đấu tranh, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng có danh tự “4 giai cấp” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh trong cõi nước chia ra làm 3 hạng “thượng, trung và hạ”, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có các hạng hơn thua như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chia rẽ nhau vì thân tướng và màu da, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn chia rẽ nhau vì thân tướng và màu da; khiến hết thấy đều có thân tướng đoan nghiêm, xinh đẹp.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh phân biệt chúa với tôi, chủ với tớ, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có các danh tự chúa tôi, chủ tớ; chỉ trừ danh tự Pháp Vương dành riêng cho đức Phật.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh ở trong 6 đường, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có 6 đường chúng sanh sai khác, dẫn đến chẳng có các danh tự địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, thần tiên nữa; hết thấy chúng sanh đều đồng hạnh nghiệp, đều tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo.

Bồ tát tu tập như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh thọ sanh ở 4 loài “thai, noãn, thấp, hóa” thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến ở cõi nước của ta chẳng có bốn loài sai khác mà chỉ có loài hóa sanh mà thôi.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có 5 thần thông, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được 5 thần thông.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đại tiểu tiện, ô uế, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều lấy thiên duyệt thực và pháp hỷ làm thức ăn, chẳng còn đại tiểu tiện ô uế nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có quang minh, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều có được quang minh.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy có mặt trời, mặt trăng, thời tiết, năm tháng..., thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có danh tự mặt trời, mặt trăng, thời tiết, năm tháng... nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chết non, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được thọ mạng vô lượng.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có thân tướng tốt thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được 32 tướng tốt nơi thân.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh xa lìa thiện căn thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều thành tựu thiện căn công đức; do công đức ấy mà được thân cận, và cúng dường 10 phương chư Phật. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh bị ba độc tham, sân, si, 4 bệnh nóng, lạnh, phong, đàm nhiều loạn tâm thân, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn bị 3 độc và 4 bệnh nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chấp có 3 thừa, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có danh tự Nhị thừa, mà chỉ thuần có Đại thừa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh khởi tăng thượng mạn, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có chúng sanh tăng thượng mạn, dẫn đến chẳng còn có danh tự tăng thượng mạn.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, phải phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật ta sẽ khiến cho quang minh và thọ mạng của ta vô hạn lượng; sẽ khiến cho cõi nước của ta giống như hằng sa cõi nước của chư Phật.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, phải phát nguyện rằng: Dù biết đường sanh tử rất dài, dù biết chúng sanh rất nhiều chủng tánh, ta phải xả ly các niệm ấy; có như vậy, ta mới vào được chánh niệm. Ta phải xem bờ sanh tử như là hư không, chúng sanh cũng là như hư không. Vì sao? Vì thật chẳng có ai qua lại trong sanh tử, cũng thật chẳng có ai giải thoát cả.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Hỏi: Bồ tát thứ lớp tu tập như thế nào mà quán được các cảnh chúng sanh đói khát lạnh lẽo v.v..., như được mô tả ở đoạn kinh trên đây?

Đáp: Bồ tát tu tập hết thấy các pháp, từ Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp dẫn đến Bồ tát pháp, được vô sanh pháp nhẫn, và được thọ ký bất thối chuyển. Được thọ ký bất thối chuyển rồi, Bồ tát nguyện thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát thứ lớp quán các cảnh bất tịnh của thế giới mà mình đang trú, rồi phát nguyện khi thành Phật sẽ khiến ở cõi nước của mình chẳng còn có các cảnh như vậy nữa.

Khi hành bố thí, thấy chúng sanh đói khát, lạnh lẽo..., Bồ tát liền tự niệm rằng, vì ta tu phước, chưa có trí huệ đầy đủ, nên chẳng có thể cung cấp đầy đủ các vật dụng cần thiết cho hết thấy chúng sanh. Nếu ta chỉ hành bi tâm mà thôi, thì chúng sanh chẳng có được nhiều lợi lạc. Ta phải hành bố thí Ba-la-mật mới có thể làm cho chúng sanh thật đầy đủ. Nếu ta làm vị Chuyển Luân Thánh Vương hay vị Thiên Vương, ta cũng đã có được lực phương tiện để dẫn dắt chúng sanh phá xan tham, khiến họ an trú trong bố thí rồi.

Thế nhưng, vì nhân duyên giáo hóa, cứu độ hết thảy chúng sanh, mà ta nguyện khi thành Phật, ta sẽ khiến chúng sanh ở trong cõi nước ta đều thoát khỏi cảnh khổ khổ, bần cùng; ai mong tâm cầu được vật dụng gì, liền được như ý muốn.

Bồ tát hành bố thí, và dạy chúng sanh hành bố thí sẽ được nhiều phước đức. Vì sao? Vì các phước đức hữu vi đều do nhân duyên hành thiện pháp. Phải thành tựu đầy đủ nhân duyên thì phước quả mới được đầy đủ. Ví như chư thiên ở cõi Lục Dục Thiên mong muốn vật dụng gì, liền được như ý.

Bồ tát quán chúng sanh, do nhân duyên phá giới, mà phải chết non, phải mắc nhiều bệnh, chẳng có được oai đức, nên phát nguyện tự mình trì giới đầy đủ, và dạy cho chúng sanh trì giới đầy đủ. Bồ tát, tùy đối tượng chúng sanh, mà phân biệt thuyết các giới pháp, khiến họ dễ hiểu. Do nguyện giáo hóa chúng sanh như vậy, nên Bồ tát chẳng nhằm chán thế gian, mà vẫn sống chung với chúng sanh, khởi đạo tâm, tu tập vô lượng, vô số hạnh công đức, làm lợi lạc cho vô lượng, vô số chúng sanh v.v ...

-o0o-

Phật khai thị cho chúng sanh biết rõ đại tâm, đại nguyện của Bồ tát như sau:

Dù biết rõ đường sanh tử rất dài, biết rõ chúng sanh tương tục chìm đắm trong sanh tử, chịu rất nhiều khổ đau, biết rõ chúng sanh vô lượng vô số ở trong khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng biết rõ chúng rất khó độ, nhưng Bồ tát chẳng hề thối tâm. Bồ tát biết rõ thối tâm Bồ Đề là tà niệm, là chẳng viên thành được bản nguyện độ sanh. Bởi vậy Bồ tát thường hành chánh niệm, xem tất cả các sự việc, nêu trên đây đều là như mộng như huyễn là như hư không.

Vì xem chúng sanh là như hư không, xem bờ sanh tử cũng là như hư không, nên Bồ tát phát nguyện ở trong thế gian, chung sống với các loài chúng sanh, nhằm giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh như vậy, độ thoát chúng sanh như vậy, mà Bồ tát thật chẳng thấy có chúng sanh nào được độ cả, vì thật chẳng có chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, cũng chẳng có chúng sanh nào được giải thoát cả. Bồ tát thấy vô lượng đời vị lai chỉ như trong một niệm, chẳng có lâu xa. Do vậy mà Bồ tát được đủ trí huệ lực, phước đức lực, vượt qua vô lượng kiếp gần đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy là Phật nêu lên đầy đủ các duyên pháp, khiến Bồ tát chẳng nhầm chán sanh tử, chẳng rời bỏ chúng sanh. Bồ tát thấy chúng sanh như huyễn, như hóa, như hư không, nên tuy chúng sanh là vô số vô lượng, mà thật chẳng có chúng sanh để độ thoát; lại nữa nếu chúng sanh là vô số vô lượng, thì trí huệ của Bồ tát cũng vô lượng vô biên, khiến Bồ tát chẳng thấy việc độ thoát chúng sanh là việc khó làm vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Chín



Hằng Già Đề Bà

KINH:

Lúc bấy giờ, trong đại chúng có một người nữ tên là Hằng Già Đề Bà, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin hành trì 6 pháp Ba-la-mật, để thanh tịnh Phật độ, đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật.

Vị thiện nữ này đem hoa vàng, hoa bạc, các thứ hoa tươi cùng các vật báu trang nghiêm khác và hai tấm thảm dệt bằng chỉ vàng đến cúng dường Phật. Ở phía trên đánh Phật, các thứ hoa cùng các vật báu do thiện nữ này cúng dường Phật liền kết thành bốn trụ đài trang nghiêm, đẹp đẽ, trụ giữa hư không.

Vị thiện nữ này xưng dương, tán thán công đức của Phật, rồi tùy hỷ hết thấy công đức ấy, để cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Phật biết rõ tâm niệm của vị thiện nữ, nên liền mỉm cười. Từ kim khẩu của Phật phóng ra vô lượng quang minh, đủ màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, hồng... Các quang minh ấy chiếu đến vô lượng thế giới Phật ở 10 phương, rồi lại trở về diễn 3 vòng quanh Phật, xong nhập vào đánh Phật.

Ngài A Nan thấy như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quì xuống và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Do nguyên

nhân gì mà Phật mỉm cười? Pháp Phật thâm diệu nên con nghĩ chẳng phải chẳng có nhân duyên mà Phật mỉm cười như vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Vị thiện nữ Hằng Già Đề Bà này, trong đời vị lai, sẽ thành Phật, vào kiếp Tinh Tú, với hiệu là Kim Hoa.

Này A Nan! Thiện nữ này sau khi mạng chung, sẽ thọ thân nam, sanh về nước Diệu Hỷ của đức Phật A Súc Bệ, tịnh tu phạm hạnh.

Này A Nan! Ở cõi nước Phật ấy, thiện nữ này thành vị Bồ tát có hiệu là Kim Hoa. Từ cõi Phật ấy, sau khi mạng chung, Bồ tát Kim Hoa lại sanh về cõi Phật khác; chuyển từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, mãi chẳng hề xa rời đức Phật.

Này A Nan! Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương, trong suốt cuộc đời, di chuyển từ lâu đài này sang lâu đài khác, mà chân chẳng hề bao giờ chạm đất. Cũng như vậy, Bồ tát Kim Hoa chuyển thân từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, mãi mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng bao giờ chẳng thấy Phật.

Lúc bấy giờ ngài A Nan tự nghĩ: Khi Bồ tát Kim Hoa thành Phật, ất Phật hội của ngài cũng như Phật hội hôm nay.

Phật biết rõ tâm niệm của ngài A Nan, nên dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan như chỗ ông nghĩ. Bồ tát Kim Hoa khi thành Phật, cũng sẽ thành lập Phật hội y như Phật hội của ta hôm nay.

Này A Nan! Phật Kim Hoa sẽ có vô lượng Tỳ Kheo chẳng thể đếm xiết được; cõi nước của Phật Kim Hoa sẽ chẳng có những ác sự, như đã nói trước đây.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vị thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ đời đức Phật nào?

Phật dạy: Đây A Nan! Thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ thời đức Phật Nhiên Đăng. Từ khi mới sơ phát tâm, thiện nữ này đã cùng với ta đem hoa cúng dường đức Phật Nhiên Đăng, xung dương, tán thán công đức của đức Phật, rồi tùy hỷ công đức của Phật, cùng với hết thấy chúng sanh, đồng thời hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Phật Nhiên Đăng biết rõ thiện căn của ta đã thành tựu, nên đã thọ ký Vô Thượng bồ Đề cho ta.

Vị thiện nữ này thấy ta được thọ ký liền phát nguyện rằng: Ở đời vị lai, tôi cũng sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề như vậy.

Này A Nan! Ông nên biết vị thiện nữ này đã sơ phát tâm Bồ Đề từ thời đức Phật Nhiên Đăng

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch thế Tôn! Vị thiện nữ này đã lâu đời hành Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Đây A Nan! Vị thiện nữ này đã lâu đời hành Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: Cả đại chúng đều được nghe Phật thuyết về hạnh thanh tịnh Phật độ. Vì sao chẳng có ai bạch Phật về nguyện thanh tịnh Phật độ của mình, mà chỉ có một mình vị thiện nữ này đứng lên bạch Phật như vậy?

Đáp: Có thuyết nói: Trong chúng hội có rất nhiều người phát nguyện thanh tịnh Phật độ, nhưng chẳng bạch Phật.

Có thuyết nói: Do thiện nữ này nhẹ tánh, háo thắng nên mới đứng lên bạch Phật như vậy.

Có thuyết nói: Thiện nữ này đã thành tựu được đạo phần, còn các người khác chưa có được đạo phần. Đây là vấn đề nghiệp duyên nhân quả. Thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ lâu, nên nay mới được thiện quả báo như vậy. Ví như thuốc hay, trị được lành bệnh, chẳng có phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Cũng như vậy, thiện nữ này, tuy đời nay thọ thân nữ, nhưng do nghiệp duyên gieo trồng thiện căn ở nhiều đời trước nên mới được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề ở đời vị lai vậy.

Vì trong chúng hội có rất nhiều người nghi về nhân duyên dẫn đến Phật thọ ký cho vị thiện nữ này, nên Phật dạy: Vị thiện nữ này đã từ lâu tu tập Vô Thượng Bồ Đề, nên được thọ ký.

Cũng nên biết rằng có rất nhiều trường hợp Phật chỉ im lặng thọ ký, chẳng có nói ra như trường hợp này.

Hỏi: Tên “*Hằng Già Đề Bà*” này mang ý nghĩa gì?

Đáp: Tên đặt riêng cho mỗi người chỉ là danh tự để phân biệt người này với người khác. Chớ nên cầu nghĩa nơi tên gọi.

Có thuyết nói: “Người nữ này, khi vừa mới sanh ra đời, đã được cha mẹ đem dâng gửi cho thần sông Hằng. Bởi vậy nên đặt tên nàng là Hằng Già Đề Bà. Hằng Già là tên sông, còn Đề Bà là tên một cõi trời.

Lại có thuyết nói: “Vì nhân duyên, phước đức từ đời trước, mà người nữ này được sanh vào một gia đình trưởng giả; lớn lên lại được nghe pháp Phật, hoan hỷ tín thọ, nên thường dùng vàng bạc, châu báu... để cúng dường Phật.

Phật bảo ngài A Nan rằng: “Vị thiện nữ này do đã từ lâu đời tu tập Vô thượng Bồ Đề, nên nay mới được thọ ký”.

Vì đại sự nhân duyên thọ ký cho người nữ này mà Phật mỉm cười. Nên biết Phật chỉ mỉm cười khi có đại sự nhân duyên, và sự mỉm cười như vậy mang một ý nghĩa rất quan trọng.

Hỏi: *Vị thiện nữ này đã được phước đức sâu dày. Như vậy tại sao phải thọ thân nữ? Vì sao phải đợi đến đời Phật A Sóc Bệ mới chuyển thân nữ thành thân nam?*

Đáp: Có thuyết nói: “5 dục ở thế gian rất khó trừ. Vị thiện nữ này do còn chấp dục tính, nên dù đã nhiều đời hành các phước đức, mà vẫn chưa thọ được thân nam. Nay, người này đã sạch phiền não, được Phật thọ ký, nên về sau này, ở cõi nước của Phật A Sóc Bệ, sẽ được chuyển thân nữ thành thân nam”.

Lại có thuyết nói: “Người nữ này thấy có nhiều người trọng nam khinh nữ, nên đã nguyện thọ thân nữ. Sự kiện Phật thọ ký cho một người nữ chứng tỏ sự chứng đạo chẳng có phân biệt nam hay nữ”.

Trên đây, lược nói về các nhân duyên thiện nữ này vẫn giữ thân nữ mà vẫn được Phật thọ ký.

-o0o-

Ngài A Nan hỏi Phật: “Vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười?”

Phật dạy: “Trong đời vị lai, vị thiện nữ này sẽ thành Phật, hiệu là Kim Hoa Như Lai. Sau khi mạng chung ở nơi đây, vị thiện nữ này sẽ sanh về thế giới Phật A Sóc Bệ, thành vị Bồ tát, hiệu là Kim Hoa. Mạng chung ở thế giới Phật đó, lại

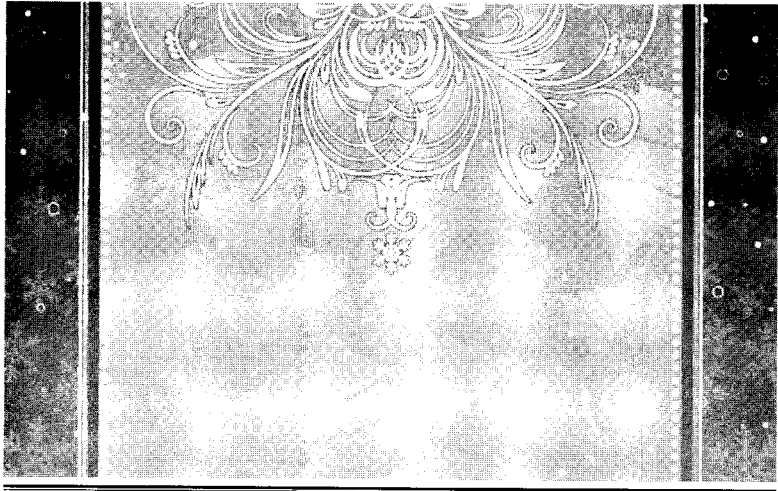
sanh về thế giới Phật khác, tịnh tu phạm hạnh, mãi mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xa rời đức Phật.

Thế nhưng ở trong chúng hội có nhiều người khởi tâm nghi rằng: “Thiện nữ này chỉ nghe được ít pháp, mà vì sao được đại quả báo như vậy?”

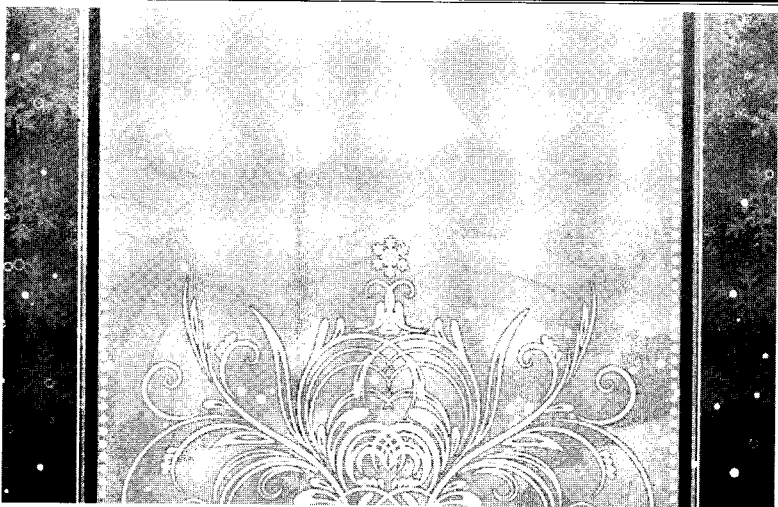
Đề giải nghi cho đại chúng, ngài A Nan hỏi Phật: “Vị thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn này từ bao giờ?”

Phật dạy: “Người thiện nữ này, vào thời đức Phật Nhiên Đăng, đã cùng với ta đem các thứ hoa và các vật báu cúng dường Phật, để cầu Vô Thượng Bồ Đề. Phật Nhiên Đăng biết rõ thiện căn của ta đã thuần thực, nên đã thọ ký Vô Thượng Đề cho ta. Thấy như vậy, vị thiện nữ này đã phát nguyện ở đời vị lai cũng sẽ thành Phật. Do thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ lâu xa như vậy, nên nay mới được đại quả báo, được ta thọ ký Vô thượng Bồ Đề.

(Hết quyển 75)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 76



Phẩm Thứ Sáu Mười



Học Không, Bất Chứng (Học Không, Chẳng Chứng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải học “không tam muội” và nhập vào “không tam muội” như thế nào? Bồ tát phải học “vô tướng tam muội”, vô tác tam muội, và nhập vào các tam muội này như thế nào? Phải học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, và nhập vào các pháp môn này như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải quán 5 ấm là không; phải quán 12 nhập, 18 giới là không... dẫn đến quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều là không cả. Khi quán như vậy, Bồ tát chẳng nên để tâm tán loạn.

Vì sao? Vì nếu tâm chẳng tán loạn, thì Bồ tát chẳng thấy các pháp ấy; nếu chẳng thấy các pháp ấy, thì cũng chẳng có tác chứng các pháp ấy.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát khéo học các phép không, thì chẳng thấy có người chứng, cũng chẳng thấy có pháp để chứng.

Ngài Tu Bồ Đề Bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, “Bồ tát chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng”.

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát trú nơi pháp không, mà chẳng tác chứng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn được đầy đủ pháp quán không, thì phải tự nguyện rằng: “Ta chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng; nay là lúc ta học, chẳng phải là lúc ta chứng”.

Bồ tát chẳng nên chuyên nhiếp tâm nơi pháp không, mà phải duyên các pháp sự, khiến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng có thói chuyên, ... dẫn đến chẳng tác chứng quả vô lậu.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát thành tựu được vi diệu pháp. Vì sao? Vì Bồ tát trú nơi pháp không, mà tự niệm rằng: “Nay là lúc ta học, chẳng phải lúc ta chứng”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng phải tự nguyện rằng: “Nay là lúc ta học Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, học nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, học 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, v.v... mà chẳng phải là lúc ta chứng quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát học không và trú trong không, học vô tướng và trú trong vô tướng, học vô tác và trú trong vô tác, học 4 niệm xứ và trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến học 8 thánh đạo và trú trong 8 thánh đạo, mà chẳng tác chứng 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng tác chứng 8 thánh đạo. Bồ tát, dù học, dù hành 37 pháp trợ đạo, mà vẫn chẳng tác chứng quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến chẳng tác chứng quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người tráng sĩ dũng mãnh, thâm hiểu cả 64 môn binh pháp, tài điều binh xuất chúng, tướng mạo oai nghiêm. Ở giữa bãi chiến trường, tráng sĩ này nắm vững tay gươm đứng im bất động, chỉ dụng binh

có giới hạn mà thắng lợi rất nhiều, khiến cả ba quân đều thán phục, cung kính. Với oai lực sẵn có, tráng sĩ này đi đến đâu cũng đem lại lợi ích cho mọi người, như bảo bọc người già yếu, cứu thoát người đang gặp nạn hiểm nghèo, an ủi người bị kẻ khác khùng bố, cướp bóc v.v... Do tráng sĩ này có đầy đủ trí lực, nên những ai được tráng sĩ ra tay tế độ đều được thoát hiểm an toàn.

Cũng như vậy, vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh, mà Bồ tát hành 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, an trú trong bốn lượng vô tâm, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng tác chứng quả vô lậu; học Nhất thiết chủng trí, nhập 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, mà chẳng tùy pháp tướng, chẳng chứng “vô tướng tam muội”. Do chẳng chứng “vô tướng tam muội” nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như con chim có đầy đủ đôi cánh ung dung bay lượn giữa hư không mà chẳng bị rơi rớt, cũng chẳng an trú trong hư không.

Cũng như vậy, Bồ tát học 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” mà chẳng tác chứng; vì chẳng tác chứng, nên chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Dù chưa được đầy đủ 10 Phật lực, đại từ, đại bi, chưa đầy đủ hết thấy pháp và hết thấy trí, mà Bồ tát vẫn chẳng tác chứng “không, vô tướng, vô tác”.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người xạ thủ tài ba, bắn liên tục các mũi tên lên hư không; mũi tên sau ghim vào mũi tên trước, và cứ như vậy nối liền với nhau mãi mà lao vút lên không trung, cho đến khi người xạ thủ ngưng bắn, thì mới rơi xuống mặt đất.

Cũng như vậy, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chỉ

dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tu tập các thiện căn, mà chẳng tác chứng thật tế; mãi như vậy cho đến khi đầy đủ các thiện căn rồi, mới tác chứng thật tế vậy. Bởi vậy nên nói: “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn phải thường quán các pháp tướng”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành các pháp thậm thâm, rất khó hành. Vì sao? Vì dù thường quán các pháp tướng, dù học đầy đủ pháp như, pháp tánh, thật tế, học rốt ráo không... dẫn đến tự tướng không, học 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường Bồ tát vẫn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Hạnh nguyện của Bồ tát như vậy thật là hy hữu.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng xả ly chúng sanh, nên Bồ tát phát nguyện tu học như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tự niệm rằng: “Ta chớ nên xả bỏ chúng sanh, mà phải cứu độ họ, vì họ chẳng biết được các pháp là vô sở hữu”. Tự niệm như vậy rồi, Bồ tát liền nhập vào 3 giải pháp môn, thành tựu các lực phương tiện nhằm cứu độ chúng sanh. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường chẳng có tác chứng thật tế.

Bồ tát quán hết thấy các pháp thậm thâm, như: nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 3 giải thoát môn. Rồi Bồ tát tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp ngã... dẫn đến chấp tri giả, kiến giả, dụng tâm sở đắc mà trú nơi các pháp. Từ nay cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta phải vì chúng sanh thuyết pháp, để dứt trừ hết thấy sự chấp thủ pháp tướng ở nơi họ.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành đầy đủ 3 giải thoát

môn, mà ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thật tế. Vì chẳng tác chứng thật tế, nên Bồ tát chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn thành tựu đầy đủ thiện căn, nên ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thật tế, cũng chẳng mất 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Bồ tát thành tựu hết thấy các pháp trợ đạo... dẫn đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, mà trọn chẳng tổn giảm. Bồ tát có được các lực phương tiện như vậy, nên tăng ích thiện pháp, được căn trí thông lợi, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp thường, chấp lạc, chấp ngã, chấp tịnh, là 4 tà kiến điên đảo. Ta phải vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề. Khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ vì họ thuyết về vô thường, về khổ, về vô ngã, về bất tịnh.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật niệm Phật tam muội, tu tập đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, ta sẽ nhập vào 3 giải thoát môn. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thật tế.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp các pháp tướng, chấp tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng tri giả, tướng kiến giả... dẫn đến chấp tướng 5 ấm, tướng

12 nhập, tướng 18 giới; rồi dùng tâm hữu sở đắc mà tu tập 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định v.v... Ta phải vì chúng sanh cầu Nhất thiết chủng trí.

Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì họ thuyết pháp “vô sở đắc” khiến họ xả ly được các chấp về pháp tướng đó.

Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp tướng nam, tướng nữ, tướng sắc, tướng vô sắc v.v... Ta phải vì họ cầu Nhất thiết chủng trí. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì họ thuyết pháp “vô sở đắc”, khiến họ xả ly các chấp về pháp tướng đó.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tu đầy đủ các pháp trợ đạo, nhập vào 3 giải thoát môn. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà chẳng tác chúng thật tế.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tu tập Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không ... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đại từ đại bi, 3 giải thoát môn... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thành tựu vi diệu trí huệ, mà chẳng có bao giờ chấp trước có hành các pháp ấy trong 3 cõi... dẫn đến chẳng bao giờ chấp trước có 3 cõi.

Trong lúc Bồ tát học các pháp trợ đạo, hành các pháp trợ đạo, nếu có ai hỏi Bồ tát rằng: “Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, mà học pháp không; nhưng vì sao lại chẳng tác chúng thật tế?”, thì Bồ tát đáp rằng, “Nếu tác chúng thật tế, thì sẽ lạc ngay vào Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chẳng có thể thật hành được thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, nếu có ai hỏi về hạnh tu của Bồ tát, thì Bồ tát đáp rằng: “Hạnh tu của Bồ tát là quán các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, là vô sanh, là vô khởi, là vô diệt, là vô sở hữu”. Nếu Bồ Tát chẳng đáp được như vậy, mà nói nên học các pháp trợ đạo, nên chú chứng các pháp trợ trợ đạo đó, thì phải biết đó là hạng Bồ tát chưa được Phật thọ ký. Vì sao? Vì hạng Bồ tát đó chưa biết rõ chỗ hành pháp của chư Bồ tát bất thối chuyển, nên chẳng sao có thể giải đáp được. Trái lại, nếu Bồ tát liễu giải được chỗ hành pháp của bậc Bồ tát bất thối chuyển, thì phải biết đó là hạng Bồ tát đã hành đầy đủ Bồ tát đạo, đã vào được Bất Thối Chuyển địa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát nào chưa được bất thối chuyển, mà có thể giải đáp được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có trường hợp như vậy. Có Bồ tát đã tu tập thuần thục 6 pháp Ba-la-mật rồi, nên dù có nghe hoặc dù chưa nghe nói đến các pháp sự đó, cũng có thể giải đáp được, y như hàng Bồ tát bất thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có rất nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà rất ít vị giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì ngoài số ít vị đã được Vô học, các vị khác vẫn còn trong Hữu học đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Có rất ít Bồ tát giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì suốt quá trình tu tập, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bất Thối Chuyển địa, chỉ có những Bồ tát nào được thọ ký mới giải đáp được như vậy. Phải biết những vị Bồ tát đó đã thành tựu đầy đủ thiện căn, chẳng ai có thể phá hoại được. Các vị Bồ tát ấy xứng đáng được các hàng trời, người cung kính, cúng dường.

LUẬN:

Hỏi: Học pháp “không” và nhập vào pháp “không” có gì khác nhau chăng?

Đáp: Lúc ban đầu phải học pháp “không”, rồi sau đó mới được vào pháp “không”. Học “không” là phương tiện để nhập vào “không”. Khi đã nhập vào “không” rồi, thì Bồ tát dụng “vô tướng” và “vô tác” để học và hành 37 phẩm trợ đạo cùng 3 giải thoát môn.

Tuy rằng 37 phẩm trợ đạo là pháp của Thanh Văn, nhưng đó cũng là đường dẫn vào Niết bàn, nên Phật dạy Bồ tát cũng phải học và hành các pháp đó.

Ngài Tu Bồ Đề dấy niệm rằng, “37 phẩm trợ đạo là pháp dẫn đến Niết bàn. Như vậy, vì sao Bồ tát hành pháp ấy, mà lại chẳng tác chứng Niết bàn?”.

Phật dạy: Bồ tát quán hết thấy các sắc pháp đều là không. Nhờ vậy mà thâm nhập được vào thâm thiên định, khiến tâm chẳng loạn động, được trí huệ vô ngại để hành các thiện pháp làm lợi lạc cho chúng sanh. Thế nhưng, Bồ tát chẳng chấp pháp không, chẳng tác chứng đạo Nhị thừa, chẳng ái trước vô ngã, thẳng vào Niết bàn, mà chẳng thấy có pháp Niết bàn để tác chứng.

Bồ tát biết rõ, nếu chia chẻ sắc pháp, thì sẽ dẫn đến cực vi trần. Thế nhưng, Bồ tát chẳng chấp cực vi trần, vì biết rõ sắc pháp dẫn đến cực vi trần đều là tự tướng không. Cho nên ở nơi pháp vô sắc cũng chẳng lưu niệm, thẳng vào “không”, mà chẳng tác chứng “không”. Phật dạy như vậy, nhưng ngài Tu Bồ Đề chưa thấu triệt ý của Phật, nên hỏi: Bồ tát chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng. Như vậy, vì sao nói Bồ tát trú nơi pháp không, mà chẳng tác chứng?

Phật dạy: Vì Bồ tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên chẳng tác chứng vậy.

Ví như người cắt cỏ tranh, nếu nắm quá chặt thì cạnh lá tranh có thể cắt đứt tay; trái lại, nếu khéo léo nắm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn thì chẳng bị đứt tay. Cũng như vậy, người học pháp không mà chưa vào được pháp tánh, thì còn chấp pháp không, và còn thấy các tác chứng; trái lại, Bồ tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên biết rõ “pháp không” cũng là “không”, Niết bàn cũng là “không”, là chẳng có chỗ chứng (vô sở chứng).

Khi chưa vào pháp không, Bồ tát đã tự niệm rằng: Ta nên quán các pháp đều là tự tướng không, mà chẳng nên thủ chứng. Khi vào thiền định, ta chớ nên chuyên tâm nhiếp niệm nơi pháp không, là ta đã buộc tâm vào “không”, chẳng thể nào thoát ly ra khỏi “không” được. Nếu chấp “không” như vậy, thì chẳng sao có thể nhiếp độ chúng sanh được.

Hỏi: Trước đây nói rằng: “Vào thiền định khiến tâm chẳng bị tán loạn”. Nay vì sao lại nói: “chẳng nên chuyên nhiếp tâm”?

Đáp: Hành giả lúc ban đầu vào thiền định phải thâm nhập vào pháp không; rồi lại phải quán biết “không” đó cũng là “không”. Có như vậy thì tâm mới chẳng còn chuyên nhiếp nơi “không”, chẳng còn bị trói buộc nơi thiền định. Do vậy mà được tâm chẳng tán loạn.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm: Ta phải tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tu đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí ... cùng tất cả các Phật pháp. Do vậy mà chẳng trú Niết bàn.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm: Ta phải thành tựu các lực phương tiện, học đầy đủ các pháp môn, để giáo hóa chúng sanh, dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát phát nguyện rằng: “Nay là lúc ta học, chẳng phải lúc ta chứng. Bao giờ ta được đầy đủ hết thầy Phật sự rồi, thì lúc bấy giờ ta mới chứng”. Do phát nguyện như vậy, nên Bồ tát vào 3 giải thoát môn, mà chẳng thủ chứng các pháp ấy.

Trong kinh có nêu thí dụ về người tráng sĩ dũng mãnh. Người tráng sĩ dụ cho Bồ tát; những người được tráng sĩ giúp đỡ, hay được tráng sĩ cứu thoát khỏi cảnh nguy khốn ... dụ cho chúng sanh được Bồ tát giáo hóa cứu độ; những chôn nguy hiểm, giặc giã, trộm cướp dụ cho 3 cõi; những phùng xấu ác, cướp bóc, khủng bố v.v... dụ cho “sanh tử”; những khí cụ như gươm, đao v.v... mà kẻ ác dùng để khủng bố, cướp bóc người, dụ cho phiền não; tráng sĩ nắm vững tay gươm, đứng yên bất động giữa trận mạc dụ cho Bồ tát dùng gươm trí huệ, an lạc chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử, mà vẫn bất động. Vì sao? Vì Bồ tát trú nơi rốt ráo không, dùng 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả” độ chúng sanh, đưa chúng sanh về nơi an lạc Niết bàn.

-o0o-

Ngài Bồ Đề lại khởi nghi rằng: “Ở nơi không, nơi vô sở hữu, thì làm sao Bồ tát có thể tu hành được”.

Nhân đây, Phật nêu ví dụ về con chim bay giữa hư không. Ở giữa hư không, tuy chẳng có chỗ dựa, nhưng con chim vẫn ung dung bay lượn, chẳng bị rơi xuống đất. Nếu chưa đến chỗ đậu, thì con chim chẳng dừng bay.

Cũng như vậy, Bồ tát du học pháp không, nhằm đoạn phiền não cho chính mình và cho chúng sanh. Bồ tát học không, mà chẳng tác chứng, nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Lại nữa, Phật muốn Bồ tát thông đạt hết thầy pháp, nên nêu lên thí dụ về người xạ thủ tài giỏi.

Nơi thí dụ này: Người xạ thủ tài giỏi dụ cho Bồ tát; cái cung dụ cho thiền định; mũi tên dụ cho trí huệ; hư không dụ cho 3 giải thoát môn; mặt đất dụ cho Niết bàn. Bồ tát dùng cung “thiền định” bắn mũi tên “trí huệ” lên hư không “giải thoát môn”, rồi lại dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật khiến cho mũi tên sau đẩy mũi tên trước, nối liền nhau mãi, chẳng để rơi xuống mặt đất “Niết bàn”.

Cũng như vậy, khi chưa đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, cùng hết thầy Phật pháp, thì Bồ tát chẳng thủ chứng Niết bàn.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề, sau khi nghe Phật dạy, sanh tâm hoan hỷ, và bạch với Phật rằng: Thật là hy hữu! Chỗ hành pháp của Bồ tát thật là thâm thâm, vi diệu, rất khó hành. Bồ tát hành “không” mà chẳng thủ chứng “không”.

Phật dạy: Bồ tát phát bốn nguyện độ thoát hết thầy chúng sanh, khiến họ dứt trừ được ưu bi, khổ não. Do bốn nguyện đại từ bi như vậy, nên Bồ tát hành “không” mà chẳng chấp “không”. Bồ tát biết chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp ngã, chấp pháp, nên dùng 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” độ thoát họ ra khỏi các tà kiến chấp.

Nhờ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát thường hành 3 giải thoát môn, mà vẫn chẳng xả ly chúng sanh. Bồ tát biết rõ chúng sanh, từ vô thi đến nay, bị vô minh che tâm, nên chấp ngã, chấp pháp, mà chẳng biết rằng ngã và pháp đều là tự tướng không, đều là bất khả đắc; do vậy mà khởi sanh phiền não, tà kiến, lạc về tà đạo.

Bồ tát lại biết rõ người tu hành, dù đã biết được ngã không và pháp không, nhưng thường còn chấp không; do vậy mà lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Biết rõ như vậy, nên Bồ tát phát nguyện: Ta vì chúng sanh phải tu tập thành Phật đạo, để đoạn trừ các chấp điên đảo nơi chúng sanh; do vậy mà ta phải hành 3 giải thoát môn, mà chẳng tác chứng thật tế. Tuy chẳng tác chứng thật tế, nhưng Bồ tát chẳng mất các công đức thiên định. Do thường ở trong định, thường thâm nhập pháp không, nên Bồ tát được căn trí thông lợi, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát hành đầy đủ các pháp môn tu, thành tựu được vi diệu trí huệ như vậy, mà chẳng bao giờ chấp có hành các pháp ấy trong 3 cõi... dẫn đến chẳng chấp 3 cõi, vì biết rõ 3 cõi là hư vọng. Bồ tát biết rõ các pháp đều bình đẳng, nhất như, nên thường quán “không”, mà chẳng chấp “không”, chẳng tác chứng thật tế.

Hỏi: *Làm thế nào để có thể nhận biết những vị Bồ tát chưa được đạo, mà đã có thể hành thậm thâm pháp không?*

Đáp: Theo như đoạn kinh trên đây, nếu muốn biết như vậy, thì nên hỏi Bồ tát rằng: “Vì sao Bồ tát học không mà chẳng tác chứng không?”.

- Nếu Bồ tát đáp lại rằng: “Ta chỉ chuyên nhiếp niệm nơi pháp không, để tu tập các hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật; ta chỉ quán không, vô tướng, vô tác, vô khởi... dẫn đến quán vô sở hữu, để biết mà thôi”. Phải biết đây là hạng Bồ tát chưa được thọ ký.

- Hạng Bồ tát này chưa có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ quán “không”, mà chẳng vào được “không”.

- Nếu Bồ tát liễu giải được chỗ hành pháp của Bồ tát bất thối chuyển, thì phải biết đó là hạng Bồ tát đã vào được Bạc

Địa, gần được thọ ký bất thối chuyển.

Cũng nên biết, Bồ tát phải tu tập pháp “không” cho đến khi phiền não đã mỏng, rồi mới vào được Bạc Địa, để tiến tu lên Bất Thối Chuyển Địa.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về tướng, và về phi tướng (chẳng phải tướng) của Bồ tát bất thối chuyển, nên liền bạch Phật: Có Bồ tát nào chưa được bất thối chuyển, mà có thể giải đáp được y như bậc Bồ tát bất thối chăng?.

Phật dạy: Có Bồ tát, tuy chưa đầy đủ Bồ tát địa, nhưng đã nghe và hiểu được lời Phật dạy, nên có thể giải đáp được.

Lại có Bồ tát, dù chưa được nghe Phật dạy, nhưng đã có chánh tư duy, chánh ức niệm, nên dù chưa được vô sanh pháp nhãn, mà đã nhất tâm cầu thật tướng pháp. Hạng Bồ tát này cũng có thể giải đáp được.

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Có rất nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà rất ít vị giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì ngoại trừ các Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn, đã vào Vô Học đạo, còn đa số các Bồ tát khác vẫn chưa được vô sanh pháp nhãn, vẫn còn ở trong Hữu học đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy! Số Bồ tát giải đáp được rất ít. Vì sao? Vì chỉ có các Bồ tát đã được thọ ký rồi mới giải đáp được. Chỉ có Phật mới biết rõ Bồ tát nào đã vào được nơi thật tướng pháp, đã giải đáp đúng như pháp, để cho họ dự vào chúng được thọ ký. Bồ tát giải đáp được đúng như pháp là Bồ tát đã thành tựu đầy đủ thiện căn công đức, đã thâm nhập pháp không, nên có đầy đủ các lực phương tiện để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

Phẩm Thứ Sáu Mười Mốt



Mộng Trung Bất Chứng (Trong Mộng, Chẳng Chứng)

KINH:

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Dẫn đến có Bồ tát, ngay ở trong mộng, cũng chẳng tham đắm Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, chẳng tham đắm 3 cõi; cũng quán các pháp là như mộng, như huyễn, chẳng nên tác chứng.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy Phật, và thấy vô số Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng hàng Thiên Long Bát Bộ đến nghe Phật thuyết pháp. Bồ tát ấy được nghe Phật thuyết pháp, liền hiểu rõ nghĩa lý, rồi như pháp hành trì. Phải biết đó là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, phóng đại quang minh, hiện giữa hư không thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo nghe; dùng thần lực hóa hiện các “hóa nhân” từ cõi Phật khác đến nghe pháp và làm Phật sự.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy cảnh đao binh giặc giã, đánh phá xóm làng; hoặc thấy cảnh lửa cháy ngập trời hoặc thấy ác thú, sư tử, cọp, sói;

hoặc thấy cảnh cha mẹ, anh chị em, bạn bè chết v.v... Bồ tát này thấy các cảnh rùng rợn như vậy mà bình thản, chẳng kinh sợ, chẳng buồn lo. Sau khi tỉnh giấc, Bồ tát này liền dấy niệm rằng: “3 cõi đều là hư vọng là như mộng, như huyễn”, rồi phát nguyện: Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì chúng sanh thuyết giảng cho họ biết 3 cõi là hư vọng, là như mộng như huyễn.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy 3 đường ác, liền dấy niệm rằng: “Ta phải siêng năng, tinh tấn tu tập để được Vô Thượng Bồ Đề, khiến cho ở cõi nước của ta chẳng có 3 đường ác”. Vì sao? Vì Bồ tát ấy biết rõ cảnh mộng cùng các pháp là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, liền phát nguyện: Nếu ta thật là bậc bất thối chuyển, thì ngọn lửa kia hãy tự diệt.

Nếu nguyện xong mà lửa liền diệt, thì phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, khi thức, nếu Bồ tát ấy thấy cảnh lửa thiêu đốt xóm làng, và cũng nguyện cho lửa tự diệt như lửa thấy trong mộng, mà lửa diệt, thì phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu trước khi tự diệt, lửa còn đốt thêm một số nhà nữa, thì phải biết chủ nhân các nhà đó, ở đời trước nặng tội phá pháp nên nay mới phải chịu quả báo như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nay ta lại vì ông nói thêm về hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát thấy có thiện nam, thiện nữ bị ma nhập liền tự nguyện rằng: “Nếu ta đã được chư Phật quá khứ thọ ký, ta đã được làm thanh tịnh cầu Vô Thượng Bồ Đề, ta đã xả ly pháp Nhị thừa, thì chắc chắn ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chư Phật hiện tại ở khắp 10 phương biết rõ tâm chí thành của ta rồi, nên nay ta nguyện các loài phi nhân phải mau mau rời bỏ ác tâm nào hại thiện nam, thiện nữ này”.

- Nếu nguyện như vậy rồi, mà loài phi nhân chẳng y theo, thì phải biết vị Bồ tát ấy chưa được chư Phật quá khứ thọ ký.

- Nếu nguyện như vậy rồi, mà loài phi nhân liền bỏ đi nơi khác, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã được chư Phật quá khứ thọ ký.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, xa lìa các lực phương tiện, mà tu 4 niệm xứ ... dẫn đến 3 giải thoát môn, chưa vào được Bồ tát vị. Bồ tát ấy thấy ác ma đến quấy nhiễu cũng liền tự niệm rằng: “Nếu ta đã được thọ ký, thì các quỷ thần phải xa lánh ngay”. Lúc bấy giờ, ác ma biết được tâm niệm của Bồ tát ấy liền bảo quỷ thần lánh xa. Vì ác ma có oai lực hơn quỷ thần.

Bồ tát ấy thấy quỷ thần lánh xa, tưởng rằng đó là do oai lực của mình, chẳng phải là do oai lực của ác ma, nên khởi tâm kiêu mạn, tưởng rằng mình đã được chứng đắc, khinh miệt các Bồ tát khác, cho rằng mình đã được thọ ký, các Bồ tát khác chẳng được như mình. Do khởi tâm tăng thượng mạn như vậy, mà Bồ tát ấy xa lìa Nhất thiết chủng trí, xa lìa Vô Thượng Bồ Đề.

Phải biết Bồ tát ấy đã lạc về Nhị thừa địa.

Bồ tát ấy ít được thân cận chư thiện tri thức, chẳng học hỏi về hành tướng của Bồ tát bất thối chuyển, chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên mới bị ma trói buộc kiên cố như vậy.

Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện đủ các thân, đến nói với Bồ tát rằng: “Ở trong quá khứ, ông đã được chư Phật thọ ký. Ta biết rõ, vào lúc bấy giờ, tên ông là gì, tên cha mẹ ông là gì, tên anh chị em ông là gì; ta biết rõ ông sanh ở đâu, ở tụ lạc nào, thành nào, nước nào..., ta cũng biết đời trước ông đã hạnh nguyện như thế nào, đã có công đức như thế nào. Ông thật đã được chư Phật quá khứ thọ ký”.

Hoặc có ác ma hiện thân Tỷ-kheo, hoặc thân cư sĩ, hoặc thân cha mẹ, đến nói với Bồ tát ấy rằng: “Ông đã được chư Phật quá khứ thọ ký. Vì sao? Vì ông đã đầy đủ các hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy chẳng có được hạnh loại và tướng mạo chân thật của Bồ tát bất thối chuyển, nên mới bị ác ma đến nhiễu loạn. Vì sao? Vì do nghe khen ngợi, ca tụng, mà khởi tâm kiêu mạn, khinh miệt người khác.

Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát mới hành 6 pháp Ba-la-mật chưa được bao lâu, nên chẳng biết danh tự tướng, chẳng biết sắc tướng... dẫn đến thức tướng v.v... đều là như mộng, như huyễn, khiến các ma có cơ hội tốt để nhiễu loạn. Ác ma đến nói với Bồ tát ấy rằng: “Đời sau, lúc ông được Vô Thượng Bồ tát, ông sẽ có danh hiệu như vậy này”. Đó là ác ma y theo chỗ niệm tướng của Bồ tát ấy mà

đặt ra danh hiệu, nhưng vì vô trí. Vì chẳng có lực phương tiện, nên Bồ tát ấy tin theo lời ác ma, mà tự xa rời Bát nhã Ba-la-mật, tự xa rời Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát ấy xa rời chư thiện tri thức, nên mới bị ác tri thức dẫn dắt, mà phải lạc về Nhị thừa địa, qua lại trong sanh tử.

Thế nhưng, sau này, nếu gặp được thiện tri thức, nếu y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Trái lại, nếu chẳng chịu sám hối, thì Bồ tát ấy chắc chắn phải bị lạc về Nhị thừa địa.

Này Tu Bồ Đề! Trong luật Tỷ-kheo có 4 giới trọng^(*), nếu phạm 1 giới trong 4 giới đó, thì chẳng phải là sa môn, chẳng phải là Thích tử, và ở hiện đời cũng chẳng thành tựu được 4 quả sa môn.

4 giới trọng gồm: Dâm dục – trộm cắp – Giết người hay xúi dục người khác giết người – đại vọng ngữ (nói những lời làm suy hại giáo pháp, nói mình là bậc Thánh để gạt người khác).

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy ham thích hư danh, mà khởi tâm kiêu mạn khinh miệt người khác; tội như vậy còn nặng hơn tội phạm 4 giới trọng của Tỷ-kheo. Chẳng những tội như vậy nặng hơn tội phạm 4 giới trọng, mà còn nặng hơn cả 5 tội phản nghịch (ngũ nghịch) nữa. Vì sao? Vì ham hư danh mà khinh miệt người khác là ma sự. Bồ tát phải cảnh giác về các loại ma sự này.

Này Tu Bồ Đề! Lại có Bồ tát thích ở nơi hoang vắng,

*. 4 giới trọng còn được gọi là 4 trọng cấm, hay 4 giới cấm, hay 4 trọng tội, hay 4 Ba-la-di.

giữa rừng núi, nơi đồng trống. Ác ma tìm đến Bồ tát ấy mà tán thán rằng: “Ông tu hạnh viễn ly mà Phật thường tán thán”.

Này Tu Bồ Đề! Phật chẳng tán thán hạnh viễn ly như vậy. Chẳng phải chỉ có ở nơi hoang vắng như vậy mà gọi là hạnh viễn ly được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi hoang vắng như vậy mà chẳng phải là tu hạnh viễn ly, thì phải như thế nào mới gọi là tu hạnh viễn ly?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Viễn ly có nghĩa là xả ly tâm Nhị thừa, chẳng phải là xa lìa chúng sanh. Bồ tát ở nơi chỗ hoang vắng, tu tập pháp không, xả ly tâm Nhị thừa, mà chẳng xả ly chúng sanh. Phật tán thán hạnh viễn ly như vậy. Bồ tát phải tu tập ngày đêm hạnh viễn ly như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma chỉ nói viễn ly theo nghĩa ở nơi chỗ hoang vắng. Nếu Bồ tát trú nơi chỗ hoang vắng đó mà tâm động, chẳng có xả ly tâm Nhị thừa, chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tu Nhất thiết chủng trí, thì phải biết Bồ tát ấy rất dễ bị ma cám dỗ.

Bồ tát hành pháp viễn ly như vậy, chẳng giữ được tâm thanh tịnh, nên thường khinh khi các Bồ tát khác đang sống ở các thành ấp, tụ lạc. Bồ Tát ấy chẳng biết rằng có rất nhiều Bồ tát sống giữa chốn ồn ào, náo động mà vẫn giữ được tâm thanh tịnh, chẳng có loạn động, chẳng có tâm Nhị thừa, chẳng có tâm tạp ác, mà trái lại có đầy đủ thiên định, trí huệ, giải thoát và đầy đủ các thần thông.

Bồ tát ấy xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được các lực phương tiện, nên dù ở chỗ hoang vắng trong thời gian lâu dài, suốt cả năm ... dẫn đến suốt cả trăm ngàn năm,

cũng vẫn chẳng sao biết được thâm nghĩa của hạnh viên ly của Bồ tát. Vì sao? Vì tu hạnh viên ly của Bồ tát là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có hành các tạp hạnh. Phật chẳng bao giờ dạy Bồ tát tìm nơi hoang vắng, chỉ vì muốn xa lìa chúng sanh, xa lìa nơi náo nhiệt, ồn ào.

Này Tu Bồ Đề! Phật dạy pháp viên ly chân thật. Bồ tát ấy chẳng vào được pháp viên ly đó, chẳng biết được tướng của pháp viên ly đó.

Ác ma lại hiện giữa hư không, nói với Bồ tát ấy rằng, “Lành thay, lành thay! Ông hành pháp viên ly như vậy, sẽ mau đến Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát ấy tin theo lời khen ngợi của ác ma, liền khởi niệm chấp hạnh viên ly của mình, và khinh miệt các Bồ tát đang cầu Phật đạo ở chốn thành ấp, tụ lạc ồn ào, náo nhiệt.

Bồ tát ấy chẳng biết rằng người ở chốn huyên náo mà tâm chẳng loạn động, đáng kính trọng hơn người ở chốn tĩnh lặng mà tâm vẫn thường loạn động. Do chẳng biết như vậy, nên Bồ tát ấy tự nghĩ rằng, “Hành viên ly như ta mới là chân thật, đáng được ca ngợi; còn người trú ở chốn huyên náo chẳng đáng được ca ngợi vậy”. Do suy như vậy mà Bồ tát ấy khởi tâm kiêu mạn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy làm ô nhiễm chúng Bồ tát. Bồ tát ấy tuy có hình tướng của Bồ tát, nhưng thật sự là kẻ giặc trong hàng trời, người, kẻ giặc trong hàng Sa môn. Người cầu Phật đạo chẳng nên gần gũi, chẳng nên cúng dường hàng Bồ tát tăng thượng mạn như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, nhất tâm muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhất tâm muốn làm lợi ích cho chúng sanh, thì chẳng nên gần gũi, cúng dường hạng người cầu tự lợi như vậy; phải

thường hành Bồ tát đạo, xả ly tâm thế gian, xả ly 3 cõi; phải khởi tâm từ bi hỷ xả; phải thường tự nhắc nhở mình hành Bồ tát đạo, chẳng khởi sanh các lỗi lầm như trên; nếu có phạm lỗi lầm như vậy, thì phải mau mau sám hối để kịp dứt trừ.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải khéo tự cảnh giác về các ma sự như vậy. Nếu chẳng may bị rơi vào trong ma sự đó, thì phải mau mau vượt ra khỏi.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát thâm tâm muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải gần gũi, cúng dường chư thiện trí thức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những ai là thiện trí thức của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư đại Bồ tát, chư A-la-hán là những vị thiện trí thức của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là thiện trí thức của Bồ tát; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là thiện trí thức của Bồ tát; pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh là thiện trí thức của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí, là đại huệ; cũng là pháp cứu cách, là chỗ quy y, là còn đảo, là cha, là mẹ của Bồ tát. 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là cha mẹ của chư Phật quá khứ, hiện tại là vị lai. Vì từ nơi 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp mà xuất sanh ra chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát muốn

được Vô Thượng Bồ Đề, muốn thành tựu chúng sanh, muốn thanh tịnh Phật độ, thì phải học 6 pháp Ba-la-mật, học 37 Phẩm Trợ Đạo ... dẫn đến học 18 bất cộng pháp. Bồ tát lại còn phải học 4 nhiếp pháp gồm có bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự, để nhiếp thủ chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì các lợi ích như vậy, nên ta nói 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí, là đại huệ; cũng đều là pháp cứu cách, là chỗ quy y, là cội đấng, là cha, là mẹ của Bồ tát tất cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên như vậy, nên Bồ tát muốn trú tâm, chẳng nghe theo lời người khác, muốn đoạn nghi cho người khác, muốn thành tựu chúng sanh, muốn thanh tịnh Phật độ, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các pháp, mà chư Bồ tát phải học.

LUẬN:

Hỏi: Ở phẩm “Bất thoải chuyển”, Phật đã rộng giải về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thoải chuyển rồi. Sao nay Phật còn nói thêm nữa?

Đáp: Ở phẩm này nói: “Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật cũng là tướng bất thoải chuyển”. Còn ở phẩm trước, thì nói nhiều về tướng ấy.

Lại nữa, ở trong chúng hội, có người đến trước, có người đến sau, có người căn trí thông lợi, có người căn trí chậm lụt, nên phải nói nhiều lần để mọi người đều được rõ nghĩa.

Nơi đây cũng nên biết, có hai hạng Bồ tát bất thoải chuyển. Đó là:

- Hạng Bồ tát bất thối chuyển, đã được thọ ký.

- Hạng Bồ tát bất thối chuyển chưa được thọ ký, nhưng đã liễu nghĩa pháp Đại thừa.

Bồ tát được thọ ký cũng có hai hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát hiện tiền được thọ ký.

- Hạng Bồ tát được thọ ký, nhưng chẳng ở hiện tiền.

Bồ tát hiện tiền được thọ ký cũng có hai hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã đầy đủ duyên để được thọ ký.

- Hạng Bồ tát chưa đủ duyên, mà được thọ ký.

Người đầy đủ duyên để được thọ ký là người đã biết rõ thật tướng pháp, đã đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Người chưa đầy đủ duyên mà được thọ ký là người tuy chưa đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa khắp biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp, chỉ mới vào được một phần trong Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã thâm nhập vào các tướng của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ví như ở phẩm kinh trước đã có nêu vài trường hợp như: Bồ tát ở trong mộng thấy mình hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm tác chứng; do chẳng khởi tâm tác chứng, nên chẳng lạc về Nhị thừa địa. Bồ tát này, dù chưa được đầy đủ bất thối chuyển, nhưng đã được xem như vị Bồ tát bất thối chuyển rồi vậy.

Nay cần nói rõ hơn nữa. Ví như nói Bồ tát thường tu tập pháp không, nên khi nằm mộng, thấy cảnh mộng thù thắng vẫn chẳng sanh tâm chấp đắm cảnh mộng... dẫn đến chẳng chấp đắm 3 cõi.

Bồ tát hành như vậy là phát khởi tâm đại bi, thâm nhập

vào Phật pháp, nên chẳng bị lạc về Nhị thừa địa. Khi thức tỉnh cũng như trong mộng, Bồ tát luôn nhận rõ hết thấy pháp đều là như mộng, như huyễn. Do vậy mà, dù ở hiện tiền chưa được đầy đủ Bồ tát hạnh, mà đã được xem như bậc Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao?

Vì Bồ tát ấy chẳng còn rơi về 2 chấp. Đó là:

- Chấp thể gian lạc.
- Chấp pháp Nhị thừa.

Do Bồ tát kiên tâm thâm nhập pháp không, nên được đầy đủ từ bi tâm, khiến ở trong mộng cũng chẳng còn tham chấp 3 cõi, chẳng còn tham chấp Nhị thừa hưởng nữa là khi tỉnh thức.

-o0o-

Bồ tát, ở trong mộng, thấy chư Phật thuyết pháp, dạy về thật tướng nghĩa. Nghe nghĩa ấy xong, liền thâm nhập.

Bồ tát ở trong mộng, thấy Phật thân vô lượng, thấy thân Phật như núi Tu Di, thấy thân Phật sắc vàng như vàng ròng, thấy chư Phật phóng vô lượng quang minh, từ nơi mỗi lỗ chân lông đều có quang minh; ở nơi mỗi quang minh đó đều có một vị Hóa Phật đang thuyết pháp và hành các Phật sự để độ thoát chúng sanh.

Nếu ở trong mộng, Bồ tát thấy các cảnh như vậy, mà vẫn giữ tâm thanh tịnh, bất động, lại thấu rõ được thật tướng của các pháp, thì phải biết Bồ tát ấy đã hiển thị tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển .

Bồ tát thường hành rốt ráo không, nên chẳng còn chấp ngã và ngã sở, chẳng còn tiếc thân mạng, chẳng còn khởi sanh phiền não. Bởi vậy nên, khi nằm mộng, thấy chính

mình hoặc thấy cha mẹ, anh chị em mình bị giết, hoặc thấy làng xóm, thôn ấp mình bị lửa thiêu rụi, Bồ tát vẫn giữ tâm tỉnh giác, bất động. Khi tỉnh thức, Bồ tát tự niệm cảnh mộng cùng hết thấy pháp trong 3 cõi đều là chẳng phải hai, chẳng phải khác; tất cả đều là mộng. Rồi Bồ tát tự niệm, “Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp “không”, như huyễn, chớ nên chấp ngã chấp pháp, mà phải bị trầm luân mãi trong bể khổ sanh tử”.

Bồ tát, ở trong mộng, thấy chúng sanh bị đọa lạc vào trong 3 đường ác, nên tự niệm: “Khi ta được Vô Thường Bồ Đề, ta sẽ khiến cho cõi nước của ta chẳng còn 3 đường ác”.

Bồ tát, ở trong mộng, thấy lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, liền tự nguyện làm cho lửa địa ngục tự tiêu diệt, để cứu thoát chúng sanh. Khi thức tỉnh, thấy lửa thiêu đốt thành ấp, xóm làng cũng tự nguyện như vậy, khiến lửa tự tiêu diệt. Vì sao? Vì Bồ tát trải qua vô lượng kiếp đã tu tập phước đức, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên hàng Thiên Long Bát Bộ thường theo bên hộ trì, khiến ý nguyện của Bồ tát được thành tựu, khiến lửa tự diệt.

Nếu ở nơi nào có nạn lửa, mà có nhà bị lửa thiêu cháy rụi, có nhà chẳng bị thiệt hại gì cả, thì phải biết chủ nhân của những nhà bị lửa thiêu rụi, ở đời trước đã phạm tội phá pháp, nên ở đời nay mới chịu quả báo như vậy; còn chủ nhân của những nhà được an ổn, ở đời trước đã gieo trồng phước đức, nên đời này mới được hưởng phước báo như vậy. Lại nữa, tuy Bồ tát đã phát nguyện và đã được Thiên Long Bát Bộ hộ trì, nhưng vẫn chẳng sao cứu được những trường hợp của những người đã phạm tội nặng ở đời trước, mà đời nay đã đến thời kỳ phải trả nghiệp quả báo.

Có Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn, bị quỷ thần đến quấy nhiễu, đã phát nguyện khiến các quỷ thần tản đi nơi khác, mà vẫn được như nguyện. Đây là ác ma dùng oai lực khiến các quỷ thần phải tản đi nơi khác, chẳng phải là oai lực của Bồ tát ấy vậy. Thế nhưng, vị Bồ tát ấy khởi niệm, “Ta có oai lực, khiến quỷ thần phải sợ hãi lánh đi nơi khác”. Tự niệm như vậy rồi, Bồ tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ tát khác, khiến phải bị ác ma sai sử, dẫn dắt vào Nhị thừa địa.

-o0o-

Lại có Bồ tát chưa được chánh định, nhưng nghe các ác ma tán thán rằng mình đã được thọ ký, nên dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ tát khác, khiến phải xa rời Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Lại có Bồ tát chưa được vào nơi thật tướng pháp, chẳng biết rõ hết thảy các pháp đều là như mộng, như huyễn, nhưng khi nghe các ác ma tán thán mình đã được thọ ký, mình sẽ thành Phật có hiệu đó, ở quốc độ đó v.v... liền tưởng là mình đã được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Do lầm tưởng như vậy, nên Bồ tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ tát khác, xa rời Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị thừa địa.

Thế nhưng, nếu Bồ tát ấy biết thành tâm sám hối, biết trở lại ý chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì nghiệp tội sẽ được tiêu trừ, và Bồ tát ấy cũng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Trái lại, nếu Bồ tát ấy khởi tâm chấp danh vị do ác ma thọ ký cho, thì sẽ bị phạm trọng tội. Vì sao? Vì tội chấp danh vị, cho mình là Phật như vậy, còn nặng hơn 4 trọng tội của giới Tỷ-kheo, nặng hơn cả năm tội phản nghịch nữa.

Lại có Bồ tát tìm chỗ hoang vắng, xa lìa bà con thân thuộc, xa lìa hết thầy các người khác, và cho rằng như vậy là mình hành hạnh viễn ly. Ác ma thường đến với Bồ tát ấy, tán thán rằng hạnh viễn ly đó là chân thật, được chư Phật khen ngợi. Bồ tát ấy nghe nói như vậy, liền dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ tát khác tu tập ở chốn thành ấp, ồn ào, náo nhiệt. Do dấy niệm như vậy, nên xa lìa Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị thừa địa.

Phật dạy: “Hành viễn ly chân thật là viễn ly tâm Nhị thừa, viễn ly ba cõi, chẳng phải là trốn tránh chúng sanh, xả bỏ chúng sanh như vậy. Người ở chốn huyên náo mà tâm chẳng loạn động đáng kính trọng hơn người ở chốn tĩnh lặng mà tâm vẫn thường loạn động.

-o0o-

Cả 4 trường hợp vừa nêu trên đây đều là vi tế ma sự. Vì sao? Vì nơi đây ác ma chẳng có làm trái ý các Bồ tát ấy, chỉ nương theo tưởng niệm của họ, mà chuyển tâm họ thành tâm ma.

Kinh dạy: “Những Bồ tát như vậy là kẻ giặc trong hàng sa môn, chớ nên thân cận”.

-o0o-

Phật dạy: “Bồ tát muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề phải nhất tâm thâm ái Phật pháp, xa lìa các lạc thú thế gian, và phải thân cận thiện tri thức”.

Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải tác hành hai việc. Đó là:

- Phải trú tâm trong chánh niệm.

- Phải gần gũi thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Những ai là thiện tri thức của Bồ tát?”.

Phật dạy: “Chư Phật, chư Bồ tát, chư A-la-hán là thiện tri thức của Bồ tát. 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là thiện tri thức của Bồ tát. Vì sao? Vì nếu Bồ tát thuận hành theo chư thiện tri thức đó, thì sẽ được Phật thọ ký bất thối chuyển.

Hỏi: *Bồ tát hành Bồ tát đạo nên nhận 6 pháp Ba-la-mật là thiện tri thức của mình. Còn chư vị A-la-hán là Thanh Văn, vì sao nói chư vị ấy cũng là thiện tri thức của Bồ tát được?*

Đáp: Có người, tuy nay là A-la-hán, nhưng từ trước đã có tâm cầu đạo Vô Thượng, đã trải rộng đại từ bi thương xót các loài chúng sanh. Chư vị ấy ắt sẽ được Phật thọ ký, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt ở thế gian này.

Ví như các ngài Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề... vẫn thường vì hàng Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như ngài Tu Bồ Đề thường hành vô tránh tam muội, thường hành từ bi tâm, nên vẫn thường thuyết pháp “không” để giáo hóa hàng Bồ tát.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp đã dùng thần thông, giữ cho thân của ngài chẳng hoại ở trong núi Kỳ Xà Quật, cho đến thời Phật Di Lặc ngài mới ra khỏi núi, để cùng với Phật Di Lặc, vì đại chúng, tác hành các Phật sự.

Hỏi: *Trọng kinh có nói rằng 6 pháp Ba-la-mật nhiếp trọn hết thấy các pháp. Như vậy vì sao còn phải nói đến 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến như pháp tánh thật tế đều là thiện tri thức của Bồ tát làm gì nữa?*

Đáp: Khi thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, Phật rộng thuyết tất cả các hạnh Ba-la-mật, nhưng đặc biệt đã thuyết nhiều về Thiên Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật, vì hai Ba-la-mật này là tối diệu, tối trọng.

Khi thuyết 6 pháp Ba-la-mật, Phật cũng đã có nhắc đến 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Ở nơi 37 Phẩm Trợ Đạo, Phật đặc biệt thuyết về 4 niệm xứ. Vì sao? Vì hành 4 niệm xứ, giúp Bồ tát vượt ra khỏi các pháp hư vọng.

Bởi vậy nên nói ngoài 6 pháp Ba-la-mật ra, thì 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến Nhất-thiết chủng trí đều là thiện tri thức của Bồ tát cả.

-o0o-

Lại nữa, 6 pháp Ba-la-mật là thật pháp, chẳng thể phá hoại. Bởi vậy nên nói 6 pháp Ba-la-mật là Thế Tôn. Người tu hành 6 pháp Ba-la-mật sẽ được vô lượng Phật pháp. Y theo 6 pháp Ba-la-mật mà tư duy... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, thì sẽ có được đại trí huệ, sẽ phá được lớp vỏ vô minh, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là đại minh, đại trí, đại huệ; cũng là pháp cứu cánh, là chỗ quy y, là cội đản, là cha, là mẹ của Bồ tát.

Trước đây đã nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật và chư Bồ tát; nay nói thêm 5 Ba-la-mật kia là cha. Bát nhã Ba-la-mật hòa hợp với 5 Ba-la-mật kia là cha mẹ của 10 phương 3 đời chư Phật.

Trong quá trình hành Bồ tát đạo, Bồ tát phải học 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến học Nhất thiết chủng trí, nên Phật dạy rằng, “6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí,

là đại huệ; cũng đều là pháp cứu cánh, là chỗ quy y, là còn đảo, là cha, là mẹ của Bồ tát”.

Lại nữa, muốn tự độ và độ tha, muốn thành tựu chúng sanh, và thanh tịnh Phật độ, thì Bồ tát còn phải học và hành đầy đủ 4 nhiếp pháp, gồm có bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

-o0o-

Muốn chẳng bị làm pháp, thì Bồ tát phải tự mình thâm nhập vào nơi thật tướng pháp, phải học đầy đủ các pháp môn như vậy, nên chẳng tin theo lời ác ma khuyến dụ.

Tu học như vậy, Bồ tát sẽ dần dần được đầy đủ các Phật pháp, đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Khi đã được Phật đạo rồi, Bồ tát sẽ dùng các lực phương tiện, nhằm đoạn nghi cho chúng sanh, giáo hóa học, và dẫn họ vào đạo.

Bồ tát học tất cả các pháp, hành tất cả các pháp. Trong lúc học và hành như vậy, Bồ tát trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật thu nhiếp hết thấy pháp, từ thế gian đến xuất thế gian, từ Tiểu thừa đến Đại thừa; chẳng có pháp nào mà chẳng được giải rõ trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

(Hết quyển 76)